

**PHẦN I: VĂN KIỆN, NGHỊ QUYẾT, HỘI NGHỊ,
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VIỆT NAM**

A. Một số văn kiện, nghị quyết

1. Luật di sản văn hoá năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành.- H: Chính trị Quốc gia, 2011.- 75tr. ; 19cm

Trình bày toàn văn luật di sản văn hoá, luật sửa đổi, bổ sung năm 2009 gồm 74 điều với các phần qui định về bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể, văn hoá vật thể, quản lí nhà nước về di sản văn hoá, vấn đề khen thưởng và xử lí vi phạm... cùng các văn bản hướng dẫn thi hành.

344.597

L504D

2. Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11-11-2002 của Chính Phủ // Tìm hiểu Quy định pháp luật về Di sản Văn hóa.- H : Lao động , 2006.- Tr.67-111.

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Chương II

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 5.*Điều tra, phát hiện, thống kê, phân loại và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể.*

1. Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm từ ngân sách sự nghiệp của địa phương và tổ chức điều tra, phát hiện, thống kê, phân loại và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể.

c. Phản ánh nguồn gốc và vai trò của di sản văn hóa phi vật thể đối với cộng đồng trong quá khứ và hiện tại;

d. Thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống độc đáo và là cơ sở cho sự sáng tạo những giá trị văn hóa mới.

2. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu:

a. Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo việc lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu theo đề nghị bằng văn bản của chủ sở hữu và Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn cụ thể việc lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu.

4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm "gửi hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ để đề nghị Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc công nhận là di sản văn hóa thế giới; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ sở hữu di sản văn hóa phi vật thể về quyết định của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của liên hợp quốc đối với di sản văn hóa phi vật thể đó.

5. Mở rộng các hình thức xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

Điều 9. *Khuyến khích việc duy trì, phục hồi và phát triển nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu.*

Nhà nước khuyến khích duy trì, phục hồi và phát triển nghề thủ công truyền thống thông qua các biện pháp sau đây:

1. Điều tra, phân loại các nghề thủ công truyền thống trong phạm vi cả nước; hỗ trợ việc duy trì và phục hồi các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền;

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng vật liệu truyền thống;

3. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật thủ công truyền thống;

5.Đề cao và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến và truyền dạy kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu;

6.Có chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động duy trì, phục hồi và phát triển nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu theo quy định của các luật thuế.

1.Bộ Văn hóa - Thông tin và các Sở Văn hóa - Thông tin là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam.

b.Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép; trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Điều 12.Việc tôn vinh và chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, nghệ sĩ Nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, nghệ sĩ thông qua các biện pháp sau đây:

1.Tặng thưởng, truy tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước và thực hiện các hình thức tôn vinh khác đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công bảo tồn, phổ biến nghệ thuật truyền thống, bí quyết nghề nghiệp thuộc di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu theo quy định của pháp luật;

2.Tạo điều kiện và hỗ trợ một phần chi phí cho các hoạt động sáng tạo, biểu diễn, trưng bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công bảo tồn, phổ biến nghệ thuật truyền thống, bí quyết nghề nghiệp thuộc di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu;

3.Trợ cấp sinh hoạt hàng tháng và một số ưu đãi khác đối với nghệ nhân, nghệ sĩ đã được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn, những người ở vùng khó khăn và vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

Chương III

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ

Điều 13.Phân loại di tích.

Căn cứ vào tiêu chí quy định tại Điều 28 Luật Di sản văn hóa, di tích được phân loại như sau:

- 1. Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân);*
- 2. Di tích kiến trúc nghệ thuật;*
- 3. Di tích khảo cổ;*
- 4. Danh lam thắng cảnh.*

Điều 14.*Xếp hạng di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.*

Di tích quy định tại Điều 29 Luật Di sản văn hóa là các di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ, danh lam thắng cảnh được xếp hạng như sau:

1. Di tích cấp tỉnh bao gồm:

a. Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu những sự kiện, những mốc lịch sử quan trọng của địa phương hoặc gắn với những nhân vật có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của địa phương trong các thời kỳ lịch sử;

b. Công trình kiến trúc, nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị trong phạm vi địa phương;

c. Địa điểm khảo cổ có giá trị trong phạm vi địa phương;

d. Cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị trong phạm vi địa phương.

2. Di tích quốc gia bao gồm:

a. Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu những sự kiện, những mốc lịch sử quan trọng của dân tộc hoặc gắn với các anh hùng dân tộc, các nhà hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật và khoa học nổi tiếng có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình lịch sử của dân tộc;

b. Công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển nghệ thuật kiến trúc của dân tộc;

c. Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển của các văn hóa khảo cổ;

d. Cảnh quan thiên nhiên đẹp hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc nghệ thuật hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù.

3. Di tích quốc gia đặc biệt bao gồm:

a. Công trình xây dựng, địa điểm gắn với những sự kiện đánh dấu bước chuyển biến đặc biệt quan trọng của lịch sử dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc và danh nhân tiêu biểu có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình lịch sử của dân tộc;

b. Công trình kiến trúc nghệ thuật hoàn chỉnh, nguyên gốc, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị đặc biệt đánh dấu các giai đoạn phát triển của nghệ thuật kiến trúc và kiến trúc nghệ thuật Việt Nam;

c. Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển quan trọng của các văn hóa khảo cổ nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới;

d. Cảnh quan thiên nhiên đẹp nổi tiếng hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị đặc biệt của quốc gia hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học và hệ sinh thái đặc thù nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới.

Điều 15. Quy định về việc lập hồ sơ xếp hạng di tích.

1. Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc kiểm kê, phân loại di tích theo các tiêu chí quy định tại Điều 28 Luật Di sản văn hóa.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin quy định chi tiết mẫu và nội dung hồ sơ di tích.

Điều 16. Nguyên tắc xác định phạm vi các khu vực bảo vệ của di tích.

1. Việc xác định khu vực bảo vệ I của di tích quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Di sản văn hóa được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a. Đối với di tích là công trình xây dựng, địa điểm gắn với các sự kiện lịch sử, thân thể và sự nghiệp của danh nhân thì phạm vi khu vực bảo vệ I phải bảo đảm phản ánh những diễn biến tiêu biểu của sự kiện lịch sử, những công trình lưu niệm gắn với danh nhân liên quan đến di tích đó;

b. Đối với di tích là địa điểm khảo cổ thì phạm vi khu vực bảo vệ I phải bảo đảm giữ nguyên trạng toàn bộ phạm vi khu vực đã phát hiện các di vật, địa hình, cảnh quan có liên quan trực tiếp tới môi trường sinh sống của chủ thể đã tạo nên địa điểm khảo cổ đó;

c. Đối với di tích là quần thể các công trình kiến trúc nghệ thuật hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ thì việc xác định khu vực bảo vệ I phải bảo đảm giữ nguyên trạng các công trình vốn có của di tích bao gồm sân, vườn, ao, hồ và cả các yếu tố khác liên quan đến di tích;

d. Đối với danh lam thắng cảnh thì việc xác định khu vực bảo vệ I phải bảo đảm tính toàn vẹn của cảnh quan thiên nhiên, địa hình, địa mạo và các yếu tố địa lý khác chứa đựng sự đa dạng sinh học và hệ sinh thái đặc thù hoặc các dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất.

2. Khu vực bảo vệ II là khu vực bao quanh hoặc tiếp giáp với khu vực bảo vệ I để bảo vệ cảnh quan và môi trường - sinh thái của di tích và là khu vực được phép xây dựng các công trình phục vụ việc tôn tạo, khai thác và phát huy giá trị của di tích.

Việc xác định di tích chỉ có khu vực bảo vệ I được áp dụng trong trường hợp di tích đó nằm trong khu vực dân cư hoặc liền kề các công trình xây dựng mà không thể di dời. Đối với di tích gồm nhiều công trình xây dựng, địa điểm phân bố trên phạm vi rộng thì phải xác định khu vực bảo vệ I cho từng công trình xây dựng, địa điểm.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Thẩm quyền phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích cấp tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin; phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt thuộc nhóm B và nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, sau khi có văn bản thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin;

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt thuộc nhóm B và nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Trong trường hợp xét thấy việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích không đúng với nội dung dự án đã được phê duyệt thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định đình chỉ việc thực hiện dự án;

3.Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích thuộc nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng đối với các dự án nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

2.Trường đại học có bộ môn khảo cổ học.

3.Bảo tàng và Ban Quản lý di tích của Nhà nước có chức năng nghiên cứu khảo cổ.

4.Hội có chức năng nghiên cứu khảo cổ ở Trung ương.

Điều 20.*Kinh phí thăm dò, khai quật khảo cổ khi cải tạo, xây dựng công trình.*

Trong trường hợp cải tạo, xây dựng các công trình mà phát hiện thấy di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cần tổ chức thăm dò, khai quật khảo cổ thì kinh phí tổ chức thăm dò, khai quật khảo cổ được quy định như sau:

1.Đối với công trình được xây dựng bằng vốn của Nhà nước thì kinh phí thăm dò,khai quật được tính vào trong tổng vốn đầu tư của công trình đó;

2.Đối với công trình xây dựng không phải bằng vốn của Nhà nước thì kinh phí thăm dò, khai quật được Nhà nước cấp Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm xem xét việc cấp kinh phí thăm dò, khai quật khảo cổ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Phan Văn Khải

VN.18989

3. Nghị định số 86/2005/NĐ-CP ngày 8-7-2005 của Chính Phủ // Tìm hiểu Quy định pháp luật về Di sản Văn hóa.- H : Lao động , 2006.- Tr.112-136.

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin,

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA DƯỚI NƯỚC

Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hoá dưới nước

1. Quản lý hoạt động nghiên cứu di sản văn hoá dưới nước; tiếp nhận thông tin về di sản văn hoá dưới nước; tiếp nhận hoặc thu hồi và bảo quản di sản văn hoá dưới nước do tổ chức, cá nhân phát hiện hoặc tự ý tìm kiếm.

2. Cấp phép thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức và tiến hành các hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy định của Nghị định này; quản lý việc tổ chức giám định, đánh giá giá trị di sản văn hoá dưới nước do thu hồi, khai quật được và việc lập báo cáo khai quật; giải quyết các tranh chấp trong việc phát hiện, thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước.

4. Giải quyết quyền lợi của các bên liên quan đối với di sản văn hoá dưới nước sau thăm dò, khai quật bằng phương thức liên doanh, hợp đồng, hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý các hoạt động khác liên quan đến di sản văn hoá dưới nước theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý việc phát hiện di sản văn hoá dưới nước

1. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện được di sản văn hoá dưới nước có trách nhiệm giữ nguyên hiện trạng khu vực có di sản văn hoá dưới nước và kịp thời thông

báo cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá thông tin hoặc cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải nơi gần nhất.

2. Khi cá nhân hoặc đại diện tổ chức đến thông báo về phát hiện di sản văn hoá dưới nước thì cơ quan nhà nước phải kịp thời cử người tiếp và ghi nhận đầy đủ các thông tin, đồng thời báo cáo ngay cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về văn hoá thông tin để tổ chức việc bảo vệ di sản văn hoá dưới nước đó.

Điều 12. Điều kiện tham gia thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước

1. Cơ quan, tổ chức của Việt Nam đủ điều kiện thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa (sau đây gọi là Nghị định số 92/2002/NĐ-CP), được ưu tiên trong việc xét chọn chủ trì thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước.

Trường hợp nhiều cơ quan, tổ chức Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này muốn tham gia thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước thì phải tổ chức đấu thầu.

Trình tự, thủ tục đấu thầu theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân của Việt Nam tham gia thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là đối tượng đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Di sản văn hóa và Điều 19 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP;

b) Có kinh nghiệm trong hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước;

c) Có đội ngũ nhân viên, trang thiết bị và khả năng tài chính đáp ứng yêu cầu của hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy mô của từng dự án;

d) Có dự án thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác tham gia thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước phải đủ các điều kiện sau:

a) Có chức năng hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Có kinh nghiệm trong hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước, có uy tín nghề nghiệp trên thế giới trong hoạt động này;

c) Có đội ngũ chuyên gia, trang thiết bị, năng lực tài chính đáp ứng yêu cầu và quy mô của hoạt động thăm dò, khai quật đối với từng dự án cụ thể;

d) Có sự chủ trì của cơ quan, tổ chức của Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với từng dự án cụ thể;

đ) Được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép tham gia hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước tại Việt Nam.

Điều 13. Quản lý trong hoạt động thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước

1. Việc tiến hành thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước phải được thực hiện theo đúng nội dung dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp có thay đổi khác với dự án đã được phê duyệt thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

Nội dung và quy mô của dự án thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin phê duyệt hoặc thẩm định các dự án thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Tổ chức muốn tiến hành thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước phải gửi hồ sơ đến Bộ Văn hoá - Thông tin để xin phép.

Điều 14. Xử lý kết quả sau khi thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước

1. Việc xử lý kết quả thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước phải được tiến hành ngay sau khi kết thúc thăm dò, khai quật.

2. Nội dung xử lý kết quả sau thăm dò, khai quật bao gồm:

a) Tiến hành kiểm kê, phân loại, đánh giá ban đầu các di sản văn hoá dưới nước, kể cả các di sản văn hoá thu nhận được trong quá trình phát hiện;

b) Tổ chức việc lưu giữ, bảo quản theo đúng quy trình, quy phạm đối với các di sản văn hoá dưới nước;

c) Lập phương án bảo vệ, đưa vào sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hoá dưới nước sau khi thăm dò, khai quật theo quy định của pháp luật.

3. Việc xử lý kết quả sau thăm dò, khai quật được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Tất cả mọi di sản văn hoá dưới nước thu được trong quá trình thăm dò, khai quật đều phải được tiến hành xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Bảo đảm khách quan, chính xác, theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

c) Phải được lập thành biên bản và báo cáo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa thông tin và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan.

4. Báo cáo kết quả xử lý sau thăm dò, khai quật phải tuân thủ các nội dung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Báo cáo phải được gửi đến Bộ Văn hoá - Thông tin và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di sản văn hoá dưới nước được thăm dò, khai quật. Trường hợp việc thăm dò, khai quật liên quan đến bộ, ngành nào thì báo cáo sẽ được gửi đến Bộ, ngành đó.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin giải quyết theo thẩm quyền đối với các kiến nghị, đề xuất nêu trong báo cáo.

Điều 15. Giám định di sản văn hoá dưới nước sau khi thăm dò, khai quật

1. Di sản văn hoá dưới nước thu được sau thăm dò, khai quật phải được giám định về nguồn gốc, giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và kinh tế.

2. Hội đồng giám định cổ vật của Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện việc giám định di sản văn hoá dưới nước. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, Hội đồng mời đại diện các bên liên quan tham gia.

3. Hội đồng giám định cổ vật của Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện việc giám định di sản văn hoá dưới nước có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tiến hành giám định, đánh giá về giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và kinh tế của di sản văn hoá dưới nước;

b) Thống kê, phân loại di sản văn hoá dưới nước đã được giám định, đánh giá;

c) Kiến nghị các biện pháp bảo vệ cần thiết và việc xử lý đối với di sản văn hoá dưới nước.

4. Căn cứ báo cáo của Hội đồng giám định cổ vật, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin xem xét quyết định biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dưới nước và giải quyết các tranh chấp liên quan đến di sản văn hoá dưới nước.

Điều 16. Quản lý di sản văn hoá dưới nước sau thăm dò, khai quật

1. Việc giao quản lý và sử dụng hiện vật sau thăm dò, khai quật chỉ được tiến hành sau khi các hiện vật đó được đánh giá giám định theo quy định tại Điều 15 Nghị định này và đã có quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về việc xử lý di sản văn hoá dưới nước sau thăm dò, khai quật.

2. Việc giao quản lý và sử dụng hiện vật sau thăm dò, khai quật được tiến hành theo các nguyên tắc sau:

a) Hiện vật độc bản được xác định theo các tiêu chí đã được quy định thuộc về Nhà nước Việt Nam;

b) Số hiện vật còn lại được giao quản lý và sử dụng theo tỷ lệ đã được phê duyệt tại dự án thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước và phải được tiến hành công khai, công bằng, khách quan.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn cụ thể tiêu chí phân loại và cách thức giao quản lý và sử dụng hiện vật sau thăm dò, khai quật.

Điều 17. Tiếp nhận, lưu giữ và bảo quản di sản văn hoá dưới nước do Nhà nước quản lý sau khi thăm dò, khai quật

1. Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quyết định nơi lưu giữ các di sản văn hoá dưới nước do Nhà nước quản lý sau thăm dò, khai quật.

2. Trong thời hạn chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về việc quản lý di sản văn hóa dưới nước sau thăm dò, khai quật, cơ quan, tổ chức nơi đang lưu giữ và cơ quan, tổ chức được phép lưu giữ di sản văn hóa dưới nước có trách nhiệm bàn giao, tiếp nhận số di sản văn hóa dưới nước đó đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ DI SẢN VĂN HOÁ DƯỚI NƯỚC

Điều 18. Bảo vệ di sản văn hoá dưới nước sau khi phát hiện

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi nhận được thông báo hoặc báo cáo về việc phát hiện di sản văn hoá dưới nước phải kịp thời tiến hành các công việc sau:

1. Tổ chức kiểm tra tính chính xác của các thông tin do tổ chức, cá nhân thông báo về địa điểm có di sản văn hóa dưới nước và các dấu hiệu có di sản văn hóa dưới nước.

2. Kịp thời lập kế hoạch triển khai bảo vệ khu vực có di sản văn hóa dưới nước; chỉ đạo và huy động lực lượng vũ trang trong tỉnh tổ chức bảo vệ an toàn, an ninh trật tự khu vực có di sản văn hóa dưới nước được phát hiện; ngăn chặn và xử lý kịp thời mọi hoạt động đánh bắt thủy, hải sản, gây nổ làm nguy hại đến sự an toàn của di sản văn hóa dưới nước.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin về việc phát hiện di sản văn hóa dưới nước phải báo cáo Bộ Văn hóa - Thông tin; chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức giám định sơ bộ các hiện vật và khu vực phát hiện di sản văn hóa dưới nước để đánh giá về di sản văn hóa dưới nước vừa phát hiện và có biện pháp quản lý, bảo vệ thích hợp; nếu di sản văn hóa dưới nước được xác định có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng về lịch sử, văn hóa, khoa học thì kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Chỉ đạo Sở Văn hóa - Thông tin tổ chức tiếp nhận, bảo quản di sản văn hóa dưới nước được giao nộp; các lực lượng công an thu hồi di sản văn hóa dưới nước được tìm kiếm hoặc trục vớt trái phép; triển khai thực hiện kế hoạch về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa dưới nước.

Điều 19. Bảo vệ di sản văn hoá dưới nước khi chưa có đủ điều kiện khai quật

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm bảo vệ di sản văn hoá dưới nước khi chưa có điều kiện hoặc đang chuẩn bị khai quật bao gồm những nội dung sau:

1. Bảo đảm an toàn khu vực có di sản văn hoá dưới nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này; kịp thời thông báo về khu vực và phạm vi cần bảo vệ; xử lý theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Bảo đảm hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông.

Điều 20. *Bảo vệ di sản văn hoá dưới nước trong quá trình khai quật*

Nội dung bảo vệ di sản văn hoá dưới nước trong khi khai quật bao gồm:

1. Bảo đảm an toàn khu vực có di sản văn hoá dưới nước.

2. Bảo vệ an toàn các di sản văn hoá dưới nước tại hiện trường và quá trình vận chuyển về kho bảo quản; hiện trường khai quật; trang thiết bị và các công trình dưới nước.

3. Bảo đảm tuân thủ các quy trình về khảo cổ dưới nước; chống ô nhiễm môi trường nước; bảo vệ các tài nguyên sinh vật và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Điều 21. *Bảo vệ di sản văn hoá dưới nước thuộc phạm vi quản lý từ hai tỉnh trở lên*

Trường hợp địa điểm phát hiện có di sản văn hoá dưới nước thuộc phạm vi quản lý từ hai tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi phát hiện di sản văn hoá dưới nước đầu tiên chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để tổ chức bảo vệ di sản văn hoá dưới nước theo quy định của Nghị định này.

Điều 22. *Bảo quản di sản văn hoá dưới nước*

Di sản văn hoá dưới nước thu được từ quá trình thăm dò, khai quật hoặc trực vớt trái phép phải được giám định theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, lập hồ sơ lưu giữ và được giao cho các bảo tàng thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc thuộc Sở Văn hóa - Thông tin nơi phát hiện di sản văn hoá dưới nước bảo quản theo quy định của pháp luật.

Điều 23. *Kinh phí bảo vệ, thăm dò, khai quật, xử lý, bảo quản di sản văn hoá dưới nước*

Kinh phí cho hoạt động bảo vệ di sản văn hoá dưới nước bao gồm:

1. Kinh phí bảo vệ di sản văn hoá dưới nước khi phát hiện và sau khi phát hiện mà chưa đủ điều kiện khai quật do ngân sách địa phương nơi có di sản văn hoá dưới nước chịu trách nhiệm bảo đảm.

2. Kinh phí bảo vệ trong quá trình thăm dò, khai quật; kinh phí cho hoạt động thăm dò, khai quật; kinh phí cho việc xây dựng hồ sơ khoa học và nghiên cứu, vận chuyển và bảo quản di sản văn hoá dưới nước được tính trong dự án thăm dò, khai quật di sản văn hoá dưới nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Phan Văn Khải

VN.18989

4. Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg ngày 24-02-2005 của Thủ Tướng Chính Phủ // Tìm hiểu Quy định pháp luật về Di sản Văn hoá.- H : Lao động , 2006.- Tr.141-146.

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về ngày Di sản văn hoá Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 06 năm 2001;

Để phát huy truyền thống và ý thức trách nhiệm của những người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam, động viên các tầng lớp xã hội tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. *Hàng năm lấy ngày 23 tháng 11 là "Ngày Di sản văn hoá Việt Nam".*

Điều 2. Việc tổ chức "Ngày Di sản văn hoá Việt Nam" hàng năm phải thiết thực, có hiệu quả, tránh hình thức, không phô trương lãng phí và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa Việt Nam trong toàn dân;

b) Tăng cường ý thức trách nhiệm, niềm tự hào của những người làm công tác bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

c) Động viên phong trào thi đua lao động sản xuất, nâng cao kỷ luật, đạo đức cách mạng của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành văn hoá - thông tin nói chung và trong lĩnh vực di sản văn hóa nói riêng;

d) Biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 3. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động chỉ đạo tổ chức các hoạt động nhân Ngày Di sản văn hoá Việt Nam theo đúng nội dung quy định tại Điều 2 Quyết định này; bố trí kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước được giao hàng năm và huy động các nguồn lực hỗ trợ khác để thực hiện những hoạt động này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5.

1. Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Phan Văn Khải

VN.18989

5. Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 22-11-2004 của Thủ Tướng Chính Phủ // Tìm hiểu Quy định pháp luật về Di sản Văn hóa.- H : Lao động , 2006.- Tr.141-146.

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG DI SẢN VĂN HOÁ QUỐC GIA

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Nghị định số
92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia

Thành lập Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia để tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề quan trọng liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có con dấu và tài khoản riêng.

Kinh phí hoạt động của Hội đồng (không bao gồm tiền lương) do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Văn hoá - Thông tin.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ quyết định những việc sau :

1. Phương hướng, chiến lược, các chính sách lớn về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;

2. *Xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; xác định chỉ có khu vực bảo vệ I đối với di tích quốc gia đặc biệt;*
3. *Công nhận bảo vật quốc gia;*
4. *Dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích thuộc nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;*
5. *Đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;*
6. *Thành lập bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành;*
7. *Đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam là di sản văn hóa thế giới;*
8. *Đề nghị UNESCO đưa di tích tiêu biểu của Việt Nam vào Danh mục di sản thế giới;*
9. *Các vấn đề khoa học về di sản văn hoá liên quan đến các dự án lớn về kinh tế - xã hội;*
10. *Các vấn đề quan trọng khác về di sản văn hoá do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu hoặc Hội đồng thấy cần kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ.*

Điều 3. Tổ chức của Hội đồng

1. *Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 ủy viên thường trực và các ủy viên. Nhiệm kỳ công tác của các thành viên Hội đồng là 5 năm (có danh sách nhiệm kỳ 2004 - 2009 kèm theo).*
2. *Việc bổ nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.*
3. *Hội đồng có Văn phòng giúp việc đặt tại Bộ Văn hoá - Thông tin do ủy viên thường trực Hội đồng chỉ đạo trực tiếp. Biên chế của Văn phòng tối đa là 5 người nằm trong tổng biên chế của Bộ Văn hoá - Thông tin. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng do Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia quyết định.*
4. *Thành viên Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia hoạt động với danh nghĩa cá nhân nhà khoa học, nhà văn hóa, không đại diện cho cơ quan hoặc tổ chức nơi*

mình làm việc, được Văn phòng Hội đồng đảm bảo các điều kiện làm việc cần thiết theo chế độ quy định để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng :

- a) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Hội đồng;*
- b) Lãnh đạo Hội đồng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 2 Quyết định này;*
- c) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung các vấn đề đưa ra thảo luận và xin ý kiến Hội đồng;*
- d) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng;*
- đ) Phân công nhiệm vụ cho các ủy viên Hội đồng;*
- e) Xử lý các đề xuất, kiến nghị của các ủy viên Hội đồng theo thẩm quyền;*
- g) Thành lập các tổ công tác về các lĩnh vực chuyên môn về di sản văn hóa.*

2. Phó Chủ tịch Hội đồng :

- a) Giúp Chủ tịch Hội đồng trong việc lãnh đạo công tác chung của Hội đồng và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về phần công tác được phân công phụ trách;*
- b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng điều hành và giải quyết công việc của Hội đồng thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng vắng mặt.*

3. Ủy viên thường trực Hội đồng :

- a) Quản lý và điều hành Văn phòng Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ giúp việc Hội đồng; chỉ đạo Văn phòng chuẩn bị các tài liệu và điều kiện cần thiết cho kỳ họp của Hội đồng và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ của Hội đồng.*

- b) Tham gia các công việc của Hội đồng với tư cách là một ủy viên Hội đồng.*

4. Các ủy viên khác của Hội đồng :

a) Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Hội đồng. Trường hợp vắng mặt phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng;

b) Đóng góp ý kiến về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các kỳ họp Hội đồng hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản về những vấn đề Hội đồng quy định và phân công;

c) Giữ gìn tài liệu và số liệu mật theo quy định chung của Nhà nước và của Hội đồng;

d) Được cung cấp những thông tin cần thiết liên quan tới nội dung các kỳ họp Hội đồng.

Điều 5. Phương thức hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ và theo phương thức thảo luận, góp ý kiến và biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai để quyết định những vấn đề đưa ra thảo luận và phải được ít nhất 2 phần 3 số thành viên Hội đồng có mặt tán thành; đồng thời các ý kiến khác cũng phải được ghi nhận đầy đủ trong biên bản của kỳ họp Hội đồng. Trong một số trường hợp cụ thể Chủ tịch Hội đồng có thể lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng bằng văn bản, sau đó báo cáo lại tại kỳ họp thường kỳ Hội đồng mà không cần triệu tập họp Hội đồng.

2. Hội đồng họp thường kỳ 6 tháng một lần. Khi cần thiết Chủ tịch Hội đồng triệu tập các kỳ họp bất thường.

3. Kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2 phần 3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự.

4. Tùy theo nội dung của kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng có thể mời một số đại diện các cơ quan liên quan tham dự. Các đại biểu này không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội đồng.

5. Tài liệu của kỳ họp Hội đồng do Văn phòng Hội đồng chuyển đến các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi họp chậm nhất là 10 ngày; đối với các kỳ họp bất thường, chậm nhất là 3 ngày trước khi họp.

6. Các văn bản của kỳ họp Hội đồng được gửi đầy đủ tới Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Quan hệ làm việc của Hội đồng

Hội đồng phối hợp chặt chẽ với Bộ Văn hoá - Thông tin và các cơ quan khác của Nhà nước về những vấn đề có tầm quốc gia liên quan đến lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. *Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.*

2. *Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên Hội đồng Di sản văn hoá quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.*

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Khiêm

VN.18989

6. ĐỒ VŨ. Phát huy hơn nữa vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội / Đồ Vũ // Tạp chí Thế giới Di sản.- 2012.- Số 10.- Tr.52-53.

“Vai trò của cộng đồng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội” là chủ đề cuộc Hội thảo khoa học - thực tiễn, do Hội Di sản Văn hóa Thăng Long - Hà Nội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội, Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thăng Long- Hà Nội phối hợp tổ chức ngày 7/10/2012, tại Thành cổ Hà Nội, nhân kỷ niệm 58 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2012), với sự tham gia của nhiều nhà quản lý, nhà khoa học; đặc biệt những người trực tiếp làm tại các di tích và đại diện cho các cộng đồng dân cư nơi có di tích. Qua 32 bản tham luận của Hội thảo chúng ta thấy Hà Nội là một trong các địa phương đạt được nhiều kết quả đáng nghi nhận, rút ra được nhiều kinh nghiệm bổ ích trong việc phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác bảo tồn di sản văn hóa, bằng nhiều hình thức, biện pháp phong phú, sáng tạo.

Tạp chí Thế giới Di sản / 2012

7. HOÀI NAM. Hội thảo về bảo tồn bền vững Di sản thế giới ở Việt Nam / Hoài Nam , Lê Hiếu // <http://vovworld.vn/> .- 2013.- Ngày 21 tháng 9.

Sáng nay (21/9) tại thành phố Huế, UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế phối hợp với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, tổ chức Hội thảo “Bảo tồn và phát huy Di sản thế giới ở Việt Nam: nhìn lại chặng đường 20 năm qua và hướng đến tương lai của di sản Huế”. Tại hội thảo, các đại biểu đã chia sẻ kinh nghiệm trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, nêu ra các giải pháp để thúc đẩy bảo tồn bền vững các di sản thế giới ở Việt Nam.

Đến nay, Việt Nam đã được Tổ chức Giáo dục, khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận 7 Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, 7 Di sản Văn hóa phi vật thể, 3 Di sản Ký ức và Tư liệu, 8 khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới và 1 Công viên địa chất toàn cầu. Hiện, các địa phương có di sản thế giới đã thành lập đơn vị quản lý riêng; đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới. Các địa phương có nhiều sáng kiến trong hoạt động quảng bá di sản, góp phần thu hút du khách đến với di sản thế giới, như tổ chức các lễ hội: Năm du lịch Hạ Long, Festival Huế, Quảng Nam- Hành trình di sản, Con đường Di sản miền Trung..

[<http://vovworld.vn/vi-VN/Van-hoa-Xa-hoi-Doi-song/Hoi-thao-ve-bao-ton-ben-vung-Di-san-the-gioi-o-Viet-Nam/182367.vov>]

8. PV. Hội thảo khoa học “ Châu bản triều Nguyễn - Tiềm năng di sản tư liệu” / PV // <http://www.archives.gov.vn/>. 2013.- Ngày 31 tháng 8.

Sáng ngày 30 tháng 08 năm 2013, tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước đã tổ chức chương trình hội thảo khoa học “ Châu bản triều Nguyễn - Tiềm năng di sản tư liệu”.

Châu bản triều Nguyễn là các bản tấu, sớ của triều đình nhà vua Nguyễn tính từ năm đầu triều vua Gia Long (năm 1802) cho đến năm cuối triều vua Bảo Đại (năm 1945) đã được nhà vua “ngự phê”, “ngự lãm”. Trong đó dấu tích ngự phê trên nguyên tắc phải bằng mực son, nhưng cũng có trường hợp chỉ là dấu chì đỏ. Khối châu bản triều Nguyễn này đang được bảo quản tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I, thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước. Đây là khối tư liệu hành chính của Hoàng triều, phần lớn được các Hoàng đế triều Nguyễn phê duyệt và để lại bút tích trên văn bản.

Trải qua thời gian hàng trăm năm, Châu bản triều Nguyễn tuy có bị hư hỏng, xuống cấp do khí hậu, chiến tranh, điều kiện bảo quản, nhưng vẫn được lưu giữ đến hôm nay, và là một trong những khối tài liệu lưu trữ đặc biệt quý hiếm. Châu bản thể hiện không những ở tính độc đáo về hình thức, mà các dấu tích ngụy phê của các Hoàng đế còn chứa đựng nhiều thông tin phong phú, có độ tin cậy cao, phản ánh mọi mặt của vấn đề kinh tế xã hội Việt Nam từ đầu thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20.

Châu bản là khối tài liệu hành chính duy nhất còn lại của Vương triều phong kiến trong lịch sử Việt Nam. "Châu bản triều Nguyễn là nguồn tư liệu vô cùng quý giá để nghiên cứu về lịch sử, văn hóa cũng như toàn bộ hoạt động của triều đình và đời sống xã hội thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX", giáo sư Phan Huy Lê nhấn mạnh.

Tại hội thảo, hầu hết các đại biểu đều đánh giá cao giá trị mang tầm quốc gia, quốc tế của Châu bản. Không nhà khoa học nào hoài nghi hay phủ nhận tính chất quý hiếm, độc bản, độc đáo, xác thực về độ tin cậy và sự phản ánh trung thực. Giới khoa học đều đặt kỳ vọng châu bản triều Nguyễn sẽ sớm trở thành Bảo vật quốc gia và được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới.

Với những giá trị trên, các nhà khoa học cho rằng, Việt Nam cần bảo tồn và phát huy giá trị của châu bản triều Nguyễn, trước mắt là hoàn thiện hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận là di sản tư liệu thế giới.

Trước đây Châu bản triều Nguyễn chính là nguồn sử liệu gốc quan trọng để biên soạn các bộ sử và các sách điển lệ dưới triều Nguyễn như Đại Nam thực lục, Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ, Khâm định Việt Nam sử thông giám cương mục và Minh Mệnh chính yếu.

Ngày nay Châu bản là nguồn sử liệu đáng tin cậy giúp giới khoa học nghiên cứu phục dựng lịch sử triều Nguyễn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ngoại giao./.

[\[http://www.archives.gov.vn/Pages/Tin%20chi%20ti%E1%BA%Bft.aspx?ite%20mid=605&listId=adb718e8-0694-4a3d-a497-3496b36f2159&ws=content\]](http://www.archives.gov.vn/Pages/Tin%20chi%20ti%E1%BA%Bft.aspx?ite%20mid=605&listId=adb718e8-0694-4a3d-a497-3496b36f2159&ws=content)

9. THU TRANG. Hội thảo khoa học Nghệ thuật Bài chòi / Thu Trang // <http://www.dch.gov.vn/> .- 2013.- Ngày 12 tháng 9.

Ngày 11/9/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học Nghệ thuật Bài chòi tại thành phố Quy Nhơn.

Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch và gần 100 đại biểu là những nhà nghiên cứu và nghệ sỹ, nghệ nhân hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật này.

Bài chòi/hội chơi Bài chòi ra đời từ nhu cầu liên lạc với nhau giữa các chòi canh trên nương rẫy, sau đó trở thành một loại hình sinh hoạt văn hóa, diễn xướng dân gian phổ biến ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Gần đây, do những biến đổi trong đời sống kinh tế - xã hội, nghệ thuật Bài chòi phần nào đã bị lãng quên, có nguy cơ bị mai một. Từ thực tiễn này, Hội thảo đã tập trung đề cập các giá trị đặc sắc của Bài chòi cùng những giải pháp nhằm nâng cao năng lực nhận thức của cộng đồng về giá trị di sản để bảo tồn và phát huy giá trị của nghệ thuật Bài chòi, tiến tới việc hoàn thiện hồ sơ khoa học trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, hướng tới việc trình UNESCO trong tương lai./.

<http://www.dch.gov.vn/pages/news/preview.aspx?n=694&c=4>

PHẦN II: DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

A. Văn hóa vật thể

10. BÙI XUÂN ĐÌNH. Cha ông ta với việc bảo vệ Di sản Văn hóa / Bùi Xuân Đình // Tạp chí Di sản Văn hóa.- 2003.- Số 2.- Tr.67-71.

Khái niệm “Di sản văn hóa”, gồm văn hóa vật thể và phi vật thể, mới được dùng trong khoảng 10 năm trở lại đây. Xưa kia, đối những công trình kiến trúc, tôn giáo gồm các đình chùa, đền miếu, lăng tẩm cùng các di vật trong đó được các triều vua và nhân dân các làng xã hể sức chăm lo bảo vệ, giữ gìn. Vì đây là nơi thờ cúng tôn nghiêm, thể hiện uy quyền của thần thánh, của nhà vua, của cộng đồng làng xã, được xây dựng với công sức đóng góp của toàn dân, thể hiện tài năng, óc thẩm mỹ, tâm linh, tình cảm và cả niềm tin, ước vọng của các vương triều và nhân dân các cộng đồng làng xã. Trong hàng nghìn trang sử nước nhà chép từ thời Lý đến hết thời Hồ, thì chỉ thu được ít dòng thông tin về việc bảo vệ các di sản văn hóa như: Năm Đinh Mão niên hiệu Thuận Thiên đời Lý Thái Tổ (1027), xuống chiếu chép kinh Tam Tạng để lưu giữ lại, năm 1036, xuống chiếu chép kinh Đại Tạng cất ở kho Trùng Hưng. Cho đến thời hậu Lê, lần đầu tiên, các quy định về việc bảo vệ các di sản văn hóa phi vật thể mới được ghi chép thành một số điều trong Quốc triều hình luật, trong một số trang chính sử như: Điều 597 xử trảm (chém) những kẻ đào trộm lăng tẩm các bậc đế vương đời trước; Điều 598 xử tội đồ khao đình (làm lao dịch trong quân đội) người phá hủy những đàn tế lớn (như đàn tế Giao, tế Xã), nếu phá tường và cửa đàn thì xử giảm một bậc.

Việc chống trộm cắp trong các di tích cũng được luật pháp thời hậu Lê đề ra. Điều 431 áp dụng hình phạt xử chém kẻ ăn trộm đồ thờ, tượng thánh, áo mũ thờ trong lăng miếu... Bên cạnh đó di sản văn hóa vật thể trong các làng xã cũng rất phong phú, gồm các đình chùa, đền miếu, văn chỉ, nhà thờ các dòng họ, nhà thờ và lăng mộ các danh nhân. Đây là nơi thờ cúng thiêng liêng của từng cộng đồng dân cư. Vì vậy chúng được bảo vệ nghiêm ngặt, giữ gìn chu đáo.

Trước hết, các đình chùa, đền miếu là nơi linh thiêng, có nhiều di vật giá trị nên làng xã đã đề ra các quy định được ghi trong hương ước nhằm ngăn ngừa và xử phạt đối với các hành vi xâm phạm đến di tích như: chặt cây cối, gây mất trật tự trong khu di tích, lấy trộm cổ vật trong di tích... Thứ hai, chọn lọc cẩn thận người trông giữ, các thủ từ ngoài tiêu chuẩn “song toàn” còn phải là người đứng đắn, trung thực, phcus hậu, có uy tín được dân làng bầu ra. Thứ ba, quy định trách

nhiệm của tuần phiên - lực lượng đảm nhiệm việc an ninh của làng trong việc bảo vệ đình chùa, đền miếu. Thứ 4, giáo dục ý thức bảo vệ đình chùa, đền miếu cho toàn thể dân làng, bắt đầu từ gia đình, dòng họ.

Tạp chí Di sản Văn hóa / 2003

11. ĐÀM HOÀNG THỤ. Vai trò của di sản văn hóa đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước / Đàm Hoàng Thụ // Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nghệ thuật ở nước ta hiện nay.- H: Văn hóa Thông tin.- 1998.- Tr.55-84.

Di sản văn hóa là bộ phận cơ bản và trọng yếu của nền văn hóa dân tộc. Thái độ ứng xử với di sản văn hóa nói lên trình độ nhận thức của mỗi quốc gia, dân tộc. Trong sự nghiệp đổi mới để xây dựng đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa như văn kiện của Đảng đã chỉ ra, việc nhận thức lại vai trò của di sản văn hóa là một vấn đề đặt ra bức thiết. Vì di sản văn hóa là bộ phận hợp thành nền tảng tinh thần của xã hội. Đó là vốn quý của mỗi dân tộc, là cái “hộ chiếu văn hóa” cần thiết để cho các dân tộc có thể giao lưu văn hóa với nhau mà vẫn giữ được bản sắc đậm đà, là chỗ dựa làm định hướng cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Di sản văn hóa dân tộc không chỉ là nhân chứng của quá khứ mà là của cả hiện tại và liên quan đến tương lai của mỗi cộng đồng xã hội. Bên cạnh đó di sản văn hóa tác động trực tiếp tới công cuộc đổi mới đất nước trước hết ở phương diện giáo dục ý thức tự chủ, tự cường của dân tộc. Các di sản văn hóa phi vật thể tác động đến sự hình thành nhân cách của cá nhân và của cộng đồng thông qua sự xuất hiện năng động và đa dạng của nó, quán xuyến toàn bộ hoạt động sống của con người. Phương diện thứ hai, di sản văn hóa còn được xem là một tiềm năng kinh tế nếu đặt nó đúng vào vị trí kinh doanh của ngành du lịch.

Bên cạnh đó, trong hoạt động du lịch và cùng với các dịch vụ du lịch, các di sản văn hóa góp phần tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau và các quan hệ kinh tế giữa các nước với nhau. Di sản văn hóa góp phần vào sự giao lưu văn hóa, hình thành tinh thần hữu nghị và ý thức bảo vệ hòa bình tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia và toàn thế giới.

VN.10916

12. ĐẶNG NGUYỄN MINH. Cố Đô Huế / Đặng Nguyễn Minh // 100 di sản nổi tiếng thế giới.- H : Văn hóa Thông tin, 2006.- Tr.75-78.

Cố đô Huế nằm dọc hai bên bờ sông Hương thuộc thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Thành phố Huế là trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của tỉnh, là cố đô của Việt Nam thời phong kiến dưới triều nhà Nguyễn, từ 1802 đến 1945. Năm 1993 Cố đô Huế được UNESCO đưa vào danh mục di sản văn hóa thế giới.

VN.19048

13. ĐẶNG NGUYỄN MINH. Phố cổ Hội An / Đặng Nguyễn Minh // 100 di sản nổi tiếng thế giới.- H : Văn hóa Thông tin, 2006.- Tr.68-70.

Khu di tích đô thị cổ Hội An nằm ở phía Nam thị xã Hội An, được bắt đầu hình thành từ thế kỷ XVI, XVII khi chúa Nguyễn đang trong mở nhiều hải cảng để các thương thuyền nước ngoài đến giao lưu buôn bán. Những đường phố trên đồng với sông rạch cầu đình chùa, hội quán, nhà thờ tộc, miếu, đền, chợ búa, nhà ở hình thành một tổng thể không gian đô thị cổ xưa gần như nguyên vẹn với 1 vẻ đẹp của đô thị cổ rất quý hiếm có tới 400 năm tuổi.

VN.19048

14. ĐẶNG NGUYỄN MINH. Tháp Chăm Mỹ Sơn / Đặng Nguyễn Minh // 100 di sản nổi tiếng thế giới.- H : Văn hóa Thông tin, 2006.- Tr.79-81.

Tháp Chăm Mỹ Sơn, thuộc huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam. Năm 1999, quần thể đền tháp được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Nơi đây được ví như những tòa tháp cổ của người Chăm, là một trung tâm đậm đà bản sắc tôn giáo của vương quốc cổ xưa này. Mỹ Sơn là thánh địa Ấn Độ giáo của vương quốc Chăm. Đây từng là lăng mộ của các vị vua chúa và là nơi diễn ra nhiều nghi thức cúng tế đương thời. Với hơn 70 công trình kiến trúc bằng gạch đá, được xây dựng từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII, Mỹ Sơn là trung tâm kiến trúc quan trọng nhất của Vương quốc Chăm. Các đền thờ chính ở Mỹ Sơn thờ Linga (dương vật) hoặc hình tượng của thần Siva - Đấng bảo hộ của các dòng vua Chăm.

Mặc dù thời gian cùng chiến tranh đã biến nhiều khu tháp thành phế tích nhưng những hiện vật điêu khắc, kiến trúc còn lại cho đến ngày nay vẫn còn để lại

những phong cách giai đoạn lịch sử mỹ thuật dân tộc Chăm, những kiệt tác đánh dấu một thời huy hoàng của văn hoá kiến trúc Chămpa cũng như của Đông Nam Á.

VN.19048

15. ĐẶNG NGUYỄN MINH. Vịnh Hạ Long / Đặng Nguyên Minh // 100 di sản nổi tiếng thế giới.- H : Văn hóa Thông tin, 2006.- Tr.71-74.

Vịnh Hạ Long nằm ở biển Đông Bắc của Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Ninh, cách thủ đô Hà Nội 150km. Năm 1994 Vịnh Hạ Long được UNESCO đưa vào danh mục di sản tự nhiên của thế giới cần được bảo vệ. Vịnh có tổng diện tích khoảng 1500 km² gồm 1000 hòn đảo lớn nhỏ. Vịnh Hạ Long là một di sản độc đáo bởi địa danh này chứa đựng những dấu tích quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển lịch sử trái đất, là cái nôi cư trú của người Việt cổ, đồng thời là tác phẩm nghệ thuật tạo hình vĩ đại của thiên nhiên với sự hiện diện của hàng nghìn đảo đá muôn hình vạn trạng, với nhiều hang động kỳ thú quần tụ thành một thế giới vừa sinh động vừa huyền bí. Bên cạnh đó, vịnh Hạ Long còn là nơi tập trung đa dạng sinh học cao với những hệ sinh thái điển hình cùng với hàng nghìn loài động thực vật vô cùng phong phú, đa dạng. Nơi đây còn gắn liền với những giá trị văn hóa - lịch sử hào hùng của dân tộc.

VN.19048

16. ĐỖ QUANG TRỌNG. Công tác nghiên cứu, bảo tồn di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ / Đỗ Quang Trọng // Tạp chí Thế giới Di sản.- 2012.- Số 6.- Tr.7-9.

Thành Nhà Hồ được Hồ Quý Ly cho xây dựng vào năm 1397 bao gồm Thành Nội, La Thành và Đàn tế Nam Giao và được bao bọc bởi một vùng đệm được lựa chọn theo những nguyên tắc phong thủy và cảnh quan tuyệt đẹp giữa sông Mã và sông Bưởi ở huyện Vĩnh Lộc. Từ năm 1398 đến năm 1400, nơi đây là trung tâm kinh đô của Vương triều Trần, từ năm 1400-1407 là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của nước Đại Ngu dưới Vương triều Hồ. Năm 1962, Thành Nhà Hồ đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử văn hóa quốc gia. Tuy nhiên, do đất nước chiến tranh nên việc quản lý còn nhiều hạn chế. Đến năm 2004, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã phối hợp với Đại học Chiêu Hòa Nhật Bản khai quật thám sát 69m² tại khu vực Hoàng thành Thành Nhà Hồ. Tuy nhiên diện tích khai quật nhỏ nên chúng ta chưa có những đánh giá khoa học. Cũng trong năm 2004 sau các cuộc khảo sát và nhận định vị trí bước đầu của các nhà

khoa học, Di tích Đàn tế Nam Giao Tây Đô đã được nghiên cứu khai quật, mở ra một bước ngoặt quan trọng đối với công tác quản lý nghiên cứu và bảo tồn di tích đặc biệt quý hiếm và quan trọng này trong giai đoạn tiếp theo. Năm 2006, Bộ Văn hóa - Thông tin đã có Công văn gửi UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai kế hoạch lập Hồ sơ Khu Di tích Thành Nhà Hồ, đệ trình UNESCO. Từ năm 2007-2008, Di tích Đàn Nam Giao được nghiên cứu khai quật với diện tích 500m². Với những căn cứ khoa học vững chắc, các nhà khảo cổ học đã khẳng định đây chính là Đàn Tế Nam Giao Tây Đô. Như vậy sau 45 năm (từ 1962 đến 2007) một di tích quan trọng cấu thành nên thượng tầng kiến trúc của Vương triều Hồ đã được phát hiện, nghiên cứu và được xếp hạng Quốc gia. Bằng kết quả khai quật khảo cổ, các nhà khoa học đã khẳng định, Đàn tế Nam Giao Tây Đô là đàn tế cổ nhất, còn được bảo tồn nguyên vẹn nhất trong hệ thống đàn tế giao thời kỳ phong kiến Việt Nam. Bên cạnh công tác nghiên cứu Di tích Nam Giao, việc nghiên cứu, khai quật Thành Nhà Hồ và Di tích La Thành cũng được đẩy mạnh. Song song với công tác khai quật khảo cổ, công tác điều tra, nghiên cứu và sưu tầm hiện vật thuộc Di sản đã được Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ được đẩy mạnh. Từ năm 2007 đến nay, hàng trăm các hiện vật có giá trị đã được sưu tầm, lập hồ sơ khoa học để bảo quản, nghiên cứu và trưng bày phục vụ khách tham quan. Hệ thống hiện vật sưu tầm đã góp phần khẳng định giá trị chân xác và sự toàn vẹn của Di sản Thành Nhà Hồ.

Tạp chí Thế giới Di sản / 2012

17. HỒ QUANG SƠN. Giá trị văn hóa nổi bật của thành nhà Hồ/ Hồ Quang Sơn // Tạp chí Thế giới Di sản.- 2012.- Số 6.- Tr.26-28.

Độc thành kim cổ một Tây Đô

Vạn thuở di lưu dấu triều Hồ

Tự Hào Di sản dân nhân loại

Thạch thành hồn cốt nước Đại Ngu

Không phải sau này trở thành Di sản Văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ mới được nhiều giới, nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà khảo cổ học quan tâm nghiên cứu. Mà từ nhiều thế kỷ qua, các nhà học giả, các nhà khảo cổ, các nhà khoa học đã tốn nhiều giấy bút để bàn thảo về Thành Nhà Hồ.

Sẽ không quá, khi chúng ta gọi Thành Nhà Hồ là “Độc thành kim cổ”. “Độc” không chỉ ở chất liệu xây dựng Thành, quy mô xây dựng Thành, mà còn độc “độc” ở phương pháp chế tác vật liệu, phương pháp xây dựng.

Vào thời bấy giờ, khi chưa có thiết bị công nghệ, chỉ duy nhất là sức người, mà hàng nghìn phiến đá nặng tới hàng chục tấn được tách ra từ những ngọn núi, rồi vận chuyển qua các địa hình phức tạp với độ dài hàng chục km.

Biết nghe câu trả lời nào thuyết phục về việc làm của cha ông chúng ta?

Chưa hết, đẽo gọt cho vuông, cho nhẵn, nhẵn đến mức khi hai phiến đá chồng lên nhau khít như một thì quả là một kì công.

Rồi nâng đá lên để xây dựng tòa thành, những chiếc công vòm hàng nghìn năm vẫn “Trơ gan cùng tuế nguyệt”, nâng bằng phương tiện gì và nâng như thế nào? Thật là khó tìm ra câu trả lời.

Vậy mà ông cha ta đã làm một cách hoàn hảo, thật đáng nể trân trọng, nể phục các bậc tiền nhân.

Lại một bất ngờ nữa bởi thời gian để Hồ Quý Ly xây dựng Thành Nhà Hồ (sau này trở thành Kinh Đô nước Đại Ngu) chỉ diễn ra trong vòng 3 tháng (từ tháng Giêng năm 1937 đến tháng Ba năm 1937).

Kinh đô Nhà Hồ - một kinh đô được bảo vệ bằng tòa thành đá, tòa thành còn lại duy nhất trong lịch sử Việt Nam, mặc dù mỗi vương triều đều có một kinh đô được bảo vệ bằng một tòa thành vững chãi.

Không những con người không thể tàn phá nổi “Thạch thành” mà đến thiên nhiên và thời gian cũng “Xin chào và tránh xa” tòa thành đá, để hôm nay hậu thế chúng ta có một di sản “Văn hóa độc tôn” dấng nhân loại.

So với lịch sử, Vương triều Hồ trị vì xã tắc không dài, thậm chí rất ngắn. Song “Thạch thành” mà Vương triều Hồ để lại thì quả là “Vô tiền khoáng hậu”. Đến nay, giá trị văn hóa của Thành Nhà Hồ đã được loài người công nhận.

Phạm vi văn hóa của Thành Nhà Hồ với diện tích 5.000ha bao gồm: La Thành, Hào Thành và Hoàng Thành.

Hoàng Thành được xây dựng bằng nguyên liệu đá với diện tích 155ha:

Chiều Bắc – Nam dài 870,5m

Chiều Đông – Tây dài 883,5m

Chiều cao: trung bình 7 – 8 m

Cách cổng thành 2km về phía Nam là Đền tế Nam Giao, hiện đã khai quật. So với Đền tế Nam Giao trong các vương triều thì Đền tế Nam Giao của Nhà Hồ là lớn nhất và phần nền móng còn khá nguyên vẹn.

Quả thật nhìn tòa thành biết tài năng mình thuở trước.

Tạp chí Thế giới Di sản

18. KIM NGUYỄN. Cao nguyên đá đồng văn công viên địa chất toàn cầu / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.119-136.

Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn nằm ở phía bắc tỉnh Hà Giang, là vùng núi đá cao trên 1.000 mét, bao gồm địa giới hành chính của 4 huyện: Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc. Diện tích tự nhiên 2.356 km², 90% là núi đá vôi đặc trưng cho địa hình các-xơ (karst), cao nguyên này là nơi sinh sống của 17 dân tộc anh em, như Mông, Dao, Tày, Lô Lô, Pu Péo, Cờ Lao, Bố Y,..., trong đó, dân tộc Mông chiếm hơn 70%. Cuộc sống của đồng bào các dân tộc nơi đây gắn bó và chủ yếu dựa vào đá, đã tạo dựng nên kho tàng văn hóa hết sức đặc sắc. Được gọi là “Công viên địa chất cao nguyên đá Đồng Văn” là bởi nơi đây hội tụ đầy đủ các yếu tố để trở thành một công viên địa chất toàn cầu. Đó là các yếu tố như: diện mạo địa chất khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên phong phú; có bản sắc văn hóa độc đáo, ấn tượng và cũng là nơi có nhiều di tích danh thắng quốc gia đã được công nhận như: Di tích kiến trúc nhà Vương, Cột cờ Lũng Cú, phố cổ Đồng Văn, đèo Mã Pì Lèng, núi Đồi Quản Bạ...

VV.004103

19. KIM NGUYỄN. 82 Bia Tiến sĩ Văn miếu Thăng Long di sản tư liệu thế giới / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.227-240.

Bia Tiến sĩ Văn Miếu Thăng Long hay còn gọi là bia Tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám là các bia đá ghi tên những người đỗ Tiến sĩ trong các khoa thi thời Lê sơ,

thời Mạc và thời Lê trung hưng (1442 - 1779) tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội.

Những bài kí trên bia (Văn bia)

Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám với mỗi bài kí trên bia (văn bia) là một nét văn hóa độc đáo, duy nhất chỉ có ở Việt Nam. Không chỉ ghi lại danh sách những người đã đỗ khoa thi tiến sĩ như Bảng vàng (Danh sách những người đỗ Tiến sĩ được triều đình công bố sau kỳ thi) của Trung Quốc, mà Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám còn có bài văn bia. Văn bia không chỉ ghi lại lịch sử cụ thể của từng khoa thi, mà còn thể hiện triết lí về giáo dục, đạo đức, văn hóa của các triều đại phong kiến đương thời, do đó có tác động lớn lao đối với xã hội đương thời và hậu thế. Ngoài ra, mỗi tấm bia còn là một nguồn tài liệu phong phú cho các nhà nghiên cứu khi tìm hiểu về nghệ thuật, mỹ thuật. Có thể nói rằng mỗi tấm bia tiến sĩ là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc tinh tế và độc đáo, được chạm khắc khác nhau theo từng thời kì. Ở những tấm bia thời kỳ đầu, trán bia được trang trí với hình trang trí bởi hình hoa lá. Từ thế kỉ thứ XVII trở đi, trên trán bia có xuất hiện hình rồng. 82 bia Tiến sĩ từ khi được dựng từ đó cho đến nay vẫn mãi trường tồn tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội. Các bài văn bia cho biết rõ ngày tháng dựng bia, tên của người soạn văn bia, người dựng bia. Điều này khẳng định tính xác thực, nguyên bản, duy nhất của tư liệu - một trong những tiêu chí mà chương trình Kí ức thế giới đặt ra. Những bài kí trên bia tiến sĩ được viết bằng chữ Hán với những các viết khác nhau, khiến cho mỗi tấm bia như một bức tranh chữ, một tác phẩm hội họa (thư pháp). Nội dung văn bia tiến sĩ không chỉ có tác động to lớn đến xã hội trước kia mà còn tác động to lớn đến xã hội trước kia mà còn tác động mạnh mẽ đến xã hội đương thời và mãi mãi đến muôn đời sau.

VV.10266

20. NGUYỄN CHÍ BÈN. Tổng quan giá trị của các loại hình di sản văn hóa vật thể tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội / Nguyễn Chí Bền // Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội.- H : Nxb. Hà Nội, 2010.- Tr.81-219.

Hà Nội có những di sản văn hóa vật thể nổi tiếng không chỉ tiêu biểu cho ngàn năm Thăng Long - Hà Nội mà còn tiêu biểu cho lịch sử dựng nước và giữ nước của người Việt đó là: Thành Cổ Loa; Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội; Di tích cách mạng-kháng chiến; Chùa Trấn Quốc; Chùa Một Cột;

Chùa Quán Sứ; Chùa Kim Liên; Đình Láng Hạ; Đình Mễ Trì Hạ; Đình Vạn Phúc; Đền Bạch Mã; Đền Kim Giang; Đền Sóc Sơn; Văn Miếu Quốc Tử Giám; Các câu đối, hoành phi, sắc phong, thần tích, văn bia; Các di tích lưu niệm danh nhân; Khu di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch; Khu phố cổ; Phố Hàng Thêu; Phố Hàng Bừa; Làng Nghê; Làng gốm Bát Tràng; Làng kim hoàn Định Công; Làng Giấy Yên Hòa, Kẻ Bưởi...

VV.8465

21. NGUYỄN CHÍ BÈN. Vai trò của di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế / Nguyễn Chí Bền // Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội.- H : Nxb. Hà Nội, 2010.- Tr.320-322.

Di sản văn hóa vật thể của Thăng Long - Hà Nội đóng vai trò quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước nói chung, thủ đô Hà Nội nói riêng. Thứ nhất, các di sản văn hóa ở thủ đô có vai trò quan trọng trong sự nghiệp giáo dục truyền thống cho cộng đồng, cho thế hệ trẻ. Thứ hai, các di tích ở thủ đô còn trở thành động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội. Thứ ba vai trò của di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội còn được thể hiện trong công cuộc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

VV.8465

22. NGUYỄN NGUYỄN HOÀI. Quần thể di tích lịch sử văn hóa ở làng Đông Cứu / Nguyễn Nguyễn Hoài // Thế giới Di sản.- 2012.- Số 4.- Tr.42-43.

Làng Đông Cứu xưa thuộc tổng Đông Cứu, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội, nay là xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín. thành phố Hà Nội. Làng Đông Cứu nằm bên bờ sông Nhuệ, đây là một tụ cư có từ rất lâu đời, được hình thành lên sau những cuộc khai hoang lấn biển và bồi đắp tự nhiên của dòng sông Hồng. Dấu tích địa lý, văn hóa của tổng Đông Cứu, tổng La Phù, dòng chảy sông Nhuệ, địa hình thổ nhưỡng... đã khẳng định điều đó. Đặc biệt là truyền thống văn hóa và tục thờ thành hoàng làng ở đây có nhiều điểm đáng chú ý. Thành hoàng làng Đông Cứu là ba vị anh hùng có công đánh giặc chống Tống, những người anh hùng ấy không phải ai khác mà chính là những người con dân của làng, sinh ra và lớn lên từ đây rồi đi đánh giặc và được nhân dân tôn thờ làm Thành Hoàng. Đây cũng là một trường hợp hy hữu ở Việt Nam mà ít nơi nào có, Thành Hoàng lại

chính là người dân bản địa. Cùng với việc thờ Thần là thờ Phật, làng Đông Cứu có một ngôi chùa được khởi dựng từ rất lâu đời. Chùa hiện nay, kiến trúc không lớn như một số chùa khác nhưng đồ tự khí lại rất đặc biệt, hầu hết các bức hoành phi, liễn đối, thiêu chân, cửa võng đều còn nguyên bản xưa. Đặc biệt là hệ thống tượng pháp trong chùa rất đầy đủ, lớp lang ổn định và tôn nghiêm, hầu hết là tượng cổ được tạo tác rất nghệ thuật và mang dấu ấn nghệ thuật điêu khắc thời Hậu Lê là chủ yếu, kết hợp hài hòa với chạm khắc thời Nguyễn. Chùa Đông Cứu có thể ví như một bảo tàng nghệ thuật điêu khắc tượng thờ và đồ tự khí. Bên cạnh đó làng Đông Cứu còn có nghề thêu, tuy đây không phải là nơi phát tích nghề thêu, nhưng căn cứ vào những sắc phong thì nghề thêu ở đây có từ 300 năm trở về trước. Một làng, dân không đông, diện tích không lớn mà có cả một quần thể di tích vừa thờ Phật, vừa thờ tổ nghề, thờ thánh, điều đó chứng tỏ truyền thống tôn sư trọng đạo, tri ân công đức những bậc tiền bối của các thế của các thế hệ người làng Đông Cứu là rất đáng trân trọng.

Thế giới Di sản / 2012

23. NGUYỄN KHOA ĐIỀM. Đôi dòng về Huế / Nguyễn Khoa Điềm // Di sản thế giới ở Việt Nam.- Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2004.- Tr.110-119.

Trải qua thăng trầm của lịch sử, tên những làng mạc cổ dần dần chìm khuất. Nhưng điều kỳ lạ, Huế vẫn giữ nguyên vẹn cái tên “cúng cơm” ban đầu của mình để đi vào thế giới hiện đại. Cố đô Huế ngày nay vẫn còn lưu giữ trong lòng những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể chứa đựng nhiều giá trị biểu trưng cho trí tuệ và tâm hồn của dân tộc Việt Nam. Suốt mấy thế kỷ, bao nhiêu tinh hoa của cả nước được chắt lọc hội tụ về đây hun đúc cho một nền văn hóa đậm đà bản sắc để hoàn chỉnh cho một bức cảnh thiên nhiên tuyệt vời sẵn bày sông núi hữu tình thơ mộng.

VN.17395

24. NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG. Di sản thế giới Hội An giá trị văn hóa và nghệ thuật / Nguyễn Phước Tương // Hội An di sản thế giới.- H : Văn hóa dân tộc, 2009.- Tr.36-52.

Hội An, một trong những đô thị cổ xưa nhất của Việt Nam, có bề dày lịch sử khoảng 500 năm. Vẻ đẹp độc đáo của các di tích kiến trúc ở đô thị cổ Hội An đã hội tụ, tổng hòa được các yếu tố của nền nghệ thuật truyền thống được làm phong phú thêm nhờ những yếu tố nghệ thuật nước ngoài, đa dạng về chủng loại, phong phú về đồ án, điêu luyện về nghệ thuật. Tuy nhiên trong quá trình vay mượn và tiếp nhận

các yếu tố văn hóa bên ngoài đó, Hội An vẫn không bao giờ để cho các yếu tố ngoại lai lấn át các yếu tố bản địa và đã bảo tồn được vững chắc các nền tảng truyền thống độc đáo và các yếu tố bản sắc đặc thù của dân tộc mình. Một đặc điểm nữa là, khi các công trình kiến trúc, điêu khắc, tạc tượng của miền Bắc đậm đà sắc thái của nền nghệ thuật thời Lý-Trần thì các di tích lịch sử và nghệ thuật ở đô thị Hội An lại thể hiện rõ nét phong cách nghệ thuật thời Nguyễn thanh thoát, bay bổng, tạo nên sự hài hòa giữa kiến trúc xây dựng và trang trí nội thất trong không gian nghệ thuật. Nhờ đó mà đô thị cổ Hội An đã trở thành di sản vô giá trong di sản văn hóa Việt Nam và cả trong kho tàng văn hóa thế giới.

VN.018457

25. NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG. Di sản thế giới Hội An, sự hình thành, phát triển và suy thoái / Nguyễn Phước Tương // Hội An di sản thế giới.- H : Văn hóa dân tộc, 2009.- Tr.20-35.

Hội An, một trong những đô thị cổ xưa nhất của Việt Nam. Người ta có thể xác định rằng trước năm 1640 đã xuất hiện 1 quần cư mang tên Hội An, 1 đô thị thương cảng nằm ở cửa sông Sài Thị Giang hay sông Hội An, đã có quan hệ với hàng hải thế giới và thương mại quốc tế, phát triển cực thịnh vào cuối thế kỷ XVII và bắt đầu suy thoái vào cuối thế kỷ XVIII. Nhờ có 1 vị thế địa lý và một bối cảnh quốc tế thuận lợi, một tầm nhìn đúng đắn về biển của các chúa Nguyễn, một tiềm năng kinh tế nội địa dồi dào mà cảng thị Hội An đã đạt đến thời kỳ cực thịnh trong nhiều thế kỷ và nhiều thế hệ. Ở đô thị cổ Hội An này, nghệ thuật kiến trúc của các di tích lịch sử là một sự hòa điệu của các nghệ thuật Việt Nam, Trung Hoa và Nhật Bản, kết quả của một sự hỗn dung văn hóa của các nước Đông Nam Châu Á và Viễn Đông.

VN.018457

26. NGUYỄN THỊ LOAN. Tổng quan Di sản Thế giới Thành Nhà Hồ / Nguyễn Thị Loan, Đoàn Thị Thủy, Phạm Thị Chuyên // Tạp chí Thế giới Di sản.- 2012.- Số 6.- Tr.16-17.

Kinh đô Tây Đô được Hồ Quý Ly cho xây dựng từ năm Đinh Sửu (1397) trong vòng 3 tháng “mùa xuân từ tháng Giêng đến tháng Ba” cho khu vực Hoàng Thành, năm 1399 là

Tạp chí Thế giới Di sản / 2012

27. NGUYỄN THỊ THỦY. Bảo tồn và phát huy giá trị di tích đền Ngọc Sơn / Nguyễn Thị Thủy // Tạp chí Thế giới Di sản.- 2012.- Số 10.- Tr.40-41.

Đền Ngọc Sơn được xây dựng trên đảo Ngọc, trong hồ Hoàn Kiếm. Các công trình kiến trúc của Đền được bố cục liên hoàn theo chiều sâu trên một địa thế rất đặc biệt. Từ ngoài vào gồm: Cổng đền, tháp Bút, đài Nghiên, cầu Thê Húc, lầu Đắc Nguyệt, đình Trấn Ba, tiền đường, trung đường, hậu cung. Đền Ngọc Sơn và khu hồ Hoàn Kiếm là một di sản quý, một danh lam thắng tích nổi tiếng. Nơi đây đã từng là trung tâm in sách lớn của xứ Bắc và là nơi hội tụ giao lưu đàm đạo thể sự, xướng họa thơ văn của các sĩ phu Bắc Hà... còn lưu lại những văn tự chữ Hán chuyển tải những tư tưởng, những đạo lý và tình hình xã hội lúc bấy giờ.

Tạp chí Thế giới Di sản / 2012

VN.24974

28. NGUYỄN VĂN TUẤN. Ý nghĩa và tầm quang trọng của sự kiện Thành Nhà Hồ được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới / Nguyễn Văn Tuấn // Tạp chí Thế giới Di sản.- 2012.- Số 6.- Tr.10-11.

Tại phiên họp thứ 35 của Ủy ban Di sản Thế giới tại Paris từ ngày 19 đến ngày 29/6/2011, với những giá trị nổi bật toàn cầu, Thành Nhà Hồ đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa của nhân loại.

Thành Nhà Hồ trở thành Di sản Văn hóa Thế giới, một lần nữa đã khẳng định vị thế chính trị, văn hóa của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế. Đồng thời, điều này cũng minh chứng rằng, trên đất nước ta đã và đang bảo tồn rất nhiều di sản quý báu của nhân loại. Thành Nhà Hồ được xem là một tòa thành đá độc đáo, kỳ vĩ duy nhất ở Đông Á, Đông Nam Á cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV.

Đây là công trình “vô tiền khoáng hậu” trong lịch sử xây dựng kinh thành nước ta thời phong kiến. Những giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản đã khẳng định thiên tài sáng tạo của con người Việt Nam cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV và bản sắc văn hóa độc đáo của Việt Nam trong quá trình giao lưu và phát triển văn hóa dân tộc. Với việc Thành Nhà Hồ được UNESCO vinh danh là Di sản Văn hóa Thế giới đã mang ý nghĩa và tầm quan trọng rất lớn. Trước hết, thông qua công tác phát huy giá trị di sản Thành Nhà Hồ sẽ mang lại những lợi ích về mặt tinh thần và thực sự trở thành một thương hiệu giá trị gắn liền với văn hóa xứ Thanh.

Bên cạnh đó, việc được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới cũng đồng nghĩa với việc Thành Nhà Hồ ngoài việc được quản lý, bảo vệ, bảo tồn theo quy định của Luật Di sản văn hóa Việt Nam, đồng thời cũng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, theo Hiến chương Công ước, Văn kiện, nguyên tắc có liên quan của UNESCO. Đồng thời với giá trị nổi bật toàn cầu và danh hiệu Di sản Văn hóa Thế giới, Thành Nhà Hồ sẽ là một điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Với vị trí trung tâm của các điểm du lịch nổi tiếng, Di sản Thành Nhà Hồ sẽ là cầu nối và là điểm quan trọng trong việc hình thành tuyến du lịch chiến lược của tỉnh. Giá trị Di sản Văn hóa Thành Nhà Hồ không chỉ là kiến trúc thành quách, cung điện, mà bao gồm cả sự giàu có, đa dạng của các di tích vật thể và phi vật thể trong vùng đệm. Như vậy quản lý, bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới cũng đồng nghĩa với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của khu vực vùng đệm Thành Nhà Hồ.

Tạp chí Thế giới Di sản / 2012

29. Phong Nha - Kẻ Bàng đệ nhất kỳ quan // Di sản thế giới ở Việt Nam.- Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2004.- Tr.201-229.

Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha- Kẻ Bàng là một quần thể tự nhiên của khu vực núi đá vôi cổ nhất châu Á, được hình thành từ trên 400 triệu năm trước. Với vẻ đẹp kỳ diệu, ngoạn mục được tạo hóa ban tặng, Phong Nha - Kẻ Bàng đã làm đắm lòng bao du khách. Nơi đây ngoài hệ thống hang động, còn là một khu rừng nguyên sinh nhiệt đới với bao điều bí ẩn, kỳ thú của thiên nhiên, hội tụ đầy đủ các giá trị về cảnh quan, địa chất, văn hóa, lịch sử, sinh học. Danh thắng Phong Nha- Kẻ Bàng có trên 300 hang động lớn nhỏ đã được phát hiện, bên cạnh đó hệ động thực vật nơi đây cũng rất phong phú và đa dạng với khoảng 570 loài thực vật, gần 880 loài động vật, trong đó có không ít loài được xếp vào sách đỏ của Việt Nam vào danh sách ưu tiên bảo vệ toàn cầu do có nguy cơ tuyệt chủng.

VN.17395

30. PV. Hồ sơ Tràng An đã được gửi đến UNESCO / PV // Tạp chí Thế giới Di sản.- 2012.- Số 10.- Tr.80.

Hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận Quần thể danh thắng Tràng An ở Ninh Bình là Di sản Thiên nhiên Thế giới đã được Việt Nam gửi sang Pari. Cảnh quan tuyệt mỹ của Quần thể danh thắng Tràng An và tầng văn hóa dày đặc qua những

hiện vật về người tiên sử cách đây hơn 20 nghìn năm đã làm nổi bật Tràng An là một chương quan trọng trong lịch sử loài người.

Tạp chí Thế giới Di sản / 2012

31. THÙY LINH - VIỆT TRINH. Hoàng thành Thăng Long / Thù Linh - Việt Trinh // Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam.- Hà Nội : Lao Động, 2011.- Tr.345-346.

Hoàng thành Thăng Long là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long – Hà Nội bắt đầu từ thời kỳ từ tiền Thăng Long (An Nam đô hộ phủ thế kỷ VII) qua thời Đinh – Tiền Lê, Phát triển mạnh dưới thời Lý, Trần, Lê và thành Hà Nội dưới triều Nguyễn. Đây là công trình kiến trúc đồ sộ, được các triều vua xây dựng trong nhiều giai đoạn lịch sử và trở thành di tích quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích Việt Nam. Công trình này có các giá trị nổi bật toàn cầu như: Những di tích trên mặt đất và khai quật được trong lòng đất tại Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội là minh chứng đặc sắc về quá trình giao lưu văn hóa lâu dài, là nơi tiếp nhận nhiều ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài, nhiều học thuyết, tư tưởng có giá trị toàn cầu của văn minh nhân loại, đặc biệt từ Phật giáo, Nho giáo, thuyết phong thủy, mô hình vương thành phương Đông, mô hình kiến trúc quân sự phương Tây (thành Vauban), đến từ Trung Hoa, Champa, Pháp, để tạo dựng nên những nét độc đáo, sáng tạo của một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của một quốc gia vùng châu thổ sông Hồng. Kết quả giao thoa, tiếp biến văn hóa đó được biểu đạt trong tạo dựng cảnh quan, qui hoạch các khu cung điện, trong nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật trang trí cung đình với diễn biến văn hóa đa dạng qua các thời kỳ lịch sử.

Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long- Hà Nội là minh chứng duy nhất về truyền thống văn hóa lâu đời của người Việt ở châu thổ sông Hồng trong suốt lịch sử liên tục 13 thế kỷ (trải từ thời tiền Thăng Long, qua đời Đinh- Tiền Lê, đến thời kỳ Thăng Long- Hà Nội với các vương triều Lý-Trần-Lê-Nguyễn) và vẫn được tiếp nối cho đến ngày nay. Những tầng văn hóa khảo cổ, di tích kiến trúc và nghệ thuật của di sản phản ánh một chuỗi lịch sử nối tiếp nhau liên tục của các vương triều cai trị đất nước Việt Nam trên các mặt tư tưởng, chính trị, hành chính, luật pháp, kinh tế và văn hóa trong gần một ngàn năm. Trên thế giới rất hiếm tìm thấy một di sản thể hiện được tính liên tục dài lâu như vậy của sự phát triển chính trị, văn hóa như tại khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội.

Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội minh chứng rõ nét về một di sản có liên hệ trực tiếp với những sự kiện trọng đại của lịch sử của một quốc gia dân tộc vùng Đông Nam Á trong mối quan hệ khu vực và thế giới. Di sản đề cử là bằng chứng thuyết phục về sức sống và khả năng phục hưng của một quốc gia sau hơn mười thế kỷ bị nước ngoài đô hộ. Di sản đề cử còn ghi đậm dấu ấn thắng lợi của một nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, có ảnh hưởng rộng lớn trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

VV.4052

32. THÙY LINH - VIỆT TRINH. Quần thể di tích Cố đô Huế / Thùy Linh - Việt Trinh // Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam.- Hà Nội : Lao Động, 2011.- Tr.319-327.

Quần thể di tích Cố đô Huế hay Quần Thể di tích Huế là những di tích lịch sử - văn hóa do triều Nguyễn chủ trương xây dựng trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20 trên địa bàn kinh đô Huế xưa; nay thuộc phạm vi thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế, Việt Nam.

Cụm di tích trong kinh thành Huế gồm:

- Kinh thành Huế*
- Kỳ Đài*
- Trường Quốc Tử Giám*
- Điện Long An*
- Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế*
- Đình Phú Xuân*
- Hồ Tịnh Tâm*
- Tàng thư Lâu*
- Viện Cơ Mật – Tam Tòa*
- Cửu vị thần công*

- *Hoàng thành Huế*
- *Ngọ môn*
- *Sân Đại Triều Nghi và Điện Thái Hòa*
- *Triệu Tổ Miếu*
- *Hưng Tổ Miếu*
- *Thế Miếu*
- *Thái Tổ Miếu*
- *Cung Diên Thọ*
- *Cung Trường Sanh*
- *Hiền Lâm Các*
- *Cửu Đỉnh*
- *Điện Phụng Tiên*
- *Tử cấm thành*
- *Tả Vu và Hữu Vu*
- *Vạc đồng*
- *Điện Kiến trung*
- *Điện cần chánh*
- *Thái Bình Lâu*
- *Duyệt Thị Đường*

VV.4052

33. TRẦN HỮU SƠN. Độc đáo khu chạm khắc đá cổ Sapa / Trần Hữu Sơn // Thế giới Di sản.- 2012.- Số 5.- Tr.6-8.

Khu chạm khắc đá cổ ở Sa Pa từ lâu đã thu hút được sự chú ý của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Năm 1925, một học giả người Pháp là V.Gu-lu-bep đã phát hiện trên 30 hòn đá có khắc hình ở dọc suối Hoa. Năm 1960-1962 nhà nghiên cứu sử học Lê Trọng Khánh đã khảo sát khu chạm khắc cổ và đưa ra giải thuyết về một loại văn tự đồ họa của người Việt cổ.

Thế giới Di sản / 2012

34. TRẦN KỲ PHƯƠNG. Mỹ Sơn trong quá trình tiến hóa của nghệ thuật Chăm / Trần Kỳ Phương // Di sản thế giới ở Việt Nam.- Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2004.- Tr.56-106.

Nằm trong địa phận xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên (Quảng Nam), thánh địa Mỹ Sơn của dân tộc Chăm ra đời vào thế kỷ 4, tồn tại và phát triển đến thế kỷ 13 như một nhân chứng tiêu biểu cho quá trình tiến hóa của nghệ thuật Chăm, với một quần thể kiến trúc rộng lớn gồm đền, tháp, bia, tượng, lầu đài, thành quách phong phú và đa dạng đầy tính chất thiêng liêng. Kiến trúc sư Ba Lan Kazimierz Kwiakoski, sau nhiều năm gắn bó với Mỹ Sơn đã đánh giá : "Người Champa cổ đã gửi gắm tâm linh vào đất, đá và đã biết dựa vào thiên nhiên để làm nên một Mỹ Sơn tráng lệ, thâm nghiêm, hùng vĩ". Sự tiến hóa của các phong cách trong kiến trúc Chăm chủ yếu là sự thay đổi những phần trang trí, những motif hoa văn hơn là sáng tạo thêm các dạng tháp. Tháp Chăm thường thể hiện theo hình vuông có ba tầng thon dần, hoặc mái cong hình thuyền và thỉnh thoảng về sau, một vài tháp với mái một tầng cong nhọn. Bố cục các dạng tháp như thế đã được sử dụng lâu dài và ổn định trong suốt lịch sử kiến trúc Chăm.

VN.17395

B. DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

35. CHU QUANG TRÚ. Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam / Chu Quang Trứ.- H: Mỹ Thuật, 2001.- 153tr. ; 19cm.

Khái quát 4 phương diện chủ yếu của giá trị di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta. Đó là tư tưởng nhân bản trong giáo lý; cái thiện và cái

đẹp trong lễ hội; giá trị nghệ thuật trong kiến trúc tôn giáo và tranh tượng gắn với tín ngưỡng, tôn giáo.

VN.14275

36. DƯƠNG ANH. Lễ công bố Quyết định Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia / Dương Anh // <http://www.dch.gov.vn/> .-2013 .- Ngày 13 tháng 9.

Ngày 12/9/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã tổ chức Lễ công bố Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đưa Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Lễ công bố Quyết định Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là dịp quảng bá về di sản văn hóa, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức, vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

[\[http://www.dch.gov.vn/pages/news/preview.aspx?n=697&c=4\]](http://www.dch.gov.vn/pages/news/preview.aspx?n=697&c=4)

37. HOÀNG LƯƠNG. Luật tục với việc bảo tồn các quan hệ xã hội một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam / Hoàng Lương // Luật tục với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam.- H: Văn hóa dân tộc, 2004.- Tr.108-128.

Luật tục là những hình thức chuẩn mực do cộng đồng xây dựng nên nhằm khuyến khích mọi thành viên ứng xử đúng với những chuẩn mực đó và ngăn ngừa, tránh xa những sai phạm không đúng quan niệm của cộng đồng. Tuy luật tục không giống như luật pháp và có phạm vi rộng hơn, nhưng nó vẫn có chức năng điều tiết mọi hành vi, phép ứng xử trong xã hội. Luật tục chính là sức sống của từng cộng đồng mà nó được sinh ra và tồn tại để duy trì sự tồn vong của cộng đồng đó. Luật tục bảo tồn các giá trị, các quan hệ xã hội trong cộng đồng dân cư như: Luật tục duy trì các tục lệ trong hôn nhân; các mối quan hệ gia đình, họ hàng, làng xóm; tục lệ trong ma chay.

VN.17294

38. HOÀNG LƯƠNG. Luật tục với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tinh thần một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam / Hoàng Lương // Luật tục với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam.- H: Văn hóa dân tộc, 2004.- Tr.129-174.

Như chúng ta đã biết, luật tục sinh ra từ nhu cầu điều hòa mọi hành vi và hoạt động của các thành viên trong cộng đồng. Cho nên, luật tục bao quát và đề cập tới hầu hết các lĩnh vực khác nhau trong đời sống tộc người. Đó là các hình thức kiếm ăn, các tập quán sản xuất, quan hệ nam nữ... cũng như tổ chức xã hội, lễ nghi. Và đặc biệt là các giá trị văn hóa tinh thần như: Luật tục với các giá trị văn hóa tâm linh; bảo tồn ngôn ngữ và chữ viết; luật tục trong xu hướng bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

VN.17294

39. HOÀNG LƯƠNG. Luật tục với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đảm bảo đời sống một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam / Hoàng Lương // Luật tục với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam.- H: Văn hóa dân tộc, 2004.- Tr.33-107.

Luật tục là một hình thức đặc biệt của văn hóa, nó tham gia điều tiết văn hóa truyền thống sao cho phù hợp với trình độ, môi trường, tự nhiên, điều kiện lịch sử của từng cộng đồng. Chính luật tục đã góp phần tạo dựng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng như: Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên và các phương thức kiếm ăn; luật tục với các giá trị văn hóa ẩm thực; ăn hóa ở; với văn hóa trang phục. Luật tục được coi như là một di sản văn hóa tinh thần quý báu và độc đáo của một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam.

VN.17294

40. HỒNG CHINH. Ca trù Thanh Tương / Hồng Chinh // Tạp chí Thế giới di sản.- 2012.- Số 4.- Tr.46-47.

Làng Thanh Tương, xã Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh còn có tên Nôm là làng Tương. Vùng quê này được biết đến là nơi khơi nguồn, gìn giữ và góp thêm cho đất Kinh Bắc ngàn năm văn vật một di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, đó là nghệ thuật hát Ca trù, hay còn gọi là hát cô đầu, hát nhà trò. Trong dòng chảy văn hóa dân tộc, Ca trù Thanh Tương đã từng làm say đắm biết bao những thế hệ

tao nhân mặc khách chốn phồn hoa, tạo nên một không gian văn hóa riêng, gắn liền với xứ sở của chùa Dâu, chùa Bút Tháp và thành Luy Lâu- Trung tâm Phật giáo của quốc gia phong kiến Đại Việt xưa. Theo những nghệ nhân làng Tường, nghệ thuật hát Ca trù tự thân đã đòi hỏi ở người biểu diễn những tố chất đạt đến độ tinh xảo, điêu luyện về thanh âm, độ luyến láy, nhả chữ. Người hát đồng thời phải biết gõ phách, đi liền theo đó là người đánh trống trô, người chơi đàn đáy. Tất cả phải đạt sự phối hợp nhuần nhuyễn. Người biểu diễn đã vậy, người thưởng thức Ca trù cũng đòi hỏi phải đạt đến độ hiểu biết nhất định. Để thưởng thức trọn vẹn sự tinh tế của nghệ thuật Ca trù, thông thường nơi biểu diễn chỉ là một khán phòng nhỏ với không gian trầm ấm thân tình. Sự giao hòa đồng điệu giữa người hát và người thưởng thức sẽ giúp cho mỗi cá nhân xua tan những u uẩn trong lòng, tìm lại được cảm giác thư thái tĩnh tại giữa cuộc đời ồn ã. Nói nghệ thuật Ca trù vừa mang đậm bản sắc dân gian vừa hàm chứa yếu tố hàn lâm bác học chính là như vậy.

Tap chí Thế giới di sản / 2012

41. KIM NGUYỄN. Ca trù - Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.176-195.

Tùy từng địa phương, từng thời điểm mà hát ca trù còn được gọi là hát ả đào, hát cửa đình, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà tơ, hát nhà trò và hát ca công. Đây là một loại hình nghệ thuật có từ lâu đời, độc đáo và có ý nghĩa đặc biệt trong kho tàng âm nhạc Việt Nam, gắn liền với lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, văn chương, âm nhạc, tư tưởng, triết lý sống của người Việt. Ca trù được tôn vinh là di sản văn hóa thế giới bởi nhiều lý do nhưng đặc biệt nhất là vì ca trù có vùng ảnh hưởng lớn nhất Việt Nam. Ca trù là nghệ thuật tổng hợp khác hẳn tuồng, chèo, quan họ... vì trong ca trù có cả thơ, hát, múa, nhạc và làm các trò vui. Ca trù còn phục vụ tổng hợp các đối tượng từ vua chúa, quan lại đến người bình dân. Phạm vi không gian của ca trù cũng vô cùng phong phú, đa dạng: hát từ chốn cung đình thâm nghiêm đến hát cửa đình ở làng xóm, nông thôn, hát chơi ở ca quán, trọ hát ở phố phường, đình thự, nhà riêng...Ca trù không chỉ phục vụ cho vui chơi, giải trí, tiệc tùng, đình đám mà còn ăn sâu cả vào phong tục, nghi lễ của con người trong đời sống hàng ngày. Ca trù đã ra đời từ nhân dân, đã gắn liền với cội nguồn, với lịch sử lâu dài của dân tộc Việt.

VV.10266

42. KIM NGUYỄN. Dân ca quan họ Bắc Giang và Bắc Ninh kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể đại diện của nhân loại / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.159-175.

Dân ca quan họ là một loại hình dân ca nổi tiếng của Việt Nam, là niềm tự hào của người dân vùng Kinh Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung. Đây là một loại hình nghệ thuật được hợp thành bởi nhiều yếu tố như: âm nhạc, lời ca, phục trang, lễ hội... Có thể nói dân ca quan họ là nét văn hóa tiêu biểu và là bức tranh phản ánh cuộc sống muôn màu, muôn vẻ của người dân vùng Kinh Bắc. Nguồn gốc của dân ca quan họ cho tới ngày nay vẫn là một dấu hỏi chưa có lời giải đáp cuối cùng, thế nhưng, nói về các hình thức biểu diễn quan họ, người ta có thể lý giải và giới thiệu ngay hai hình thức biểu diễn chính là: quan họ truyền thống và quan họ mới. Quan họ truyền thống là hình thức tổ chức sinh hoạt văn hóa dân gian của người dân Kinh Bắc với những quy định nghiêm ngặt, khắt khe. Nói cách khác, quan họ truyền thống là các mặt hoạt động văn hóa quan họ, trong đó có bài bản quan họ do ông cha để lại, truyền lại. Quan họ mới là hình thức biểu diễn quan họ trên sân khấu hoặc trong các sinh hoạt cộng đồng như: Tết đầu xuân, lễ hội hay các hoạt động trong du lịch, nhà hàng. Trong dân ca quan họ, trang phục được thống nhất như một quy định ngầm trong làng quan họ với nhau. Dù đi hát hội tự do, biểu diễn nghệ thuật hay trong những dịp được bạn mời đến nhà, các liền anh, liền chị đều mặc lễ phục dành riêng cho loại hình dân ca này. Trang phục dành cho các liền anh thường là áo 5 thân, quần dài, guốc hoặc dép đen và khăn nhiễu đội đầu. Đối với các liền chị, trang phục thường mặc khi hát dân ca quan họ là mớ ba, mớ bảy (ba áo dài lồng vào nhau hoặc bảy áo dài lồng vào nhau), khăn mỏ quạ, mớ quai thao. Dựa trên các giá trị văn hóa, giá trị lưu giữ tập quán xã hội, nghệ thuật trình diễn, phong cách ứng xử văn hóa, ca từ và trang phục. Ngày 30/9/2009 tại thủ đô Abu Dhabi của Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Ủy ban UNESCO đã công nhận quan họ Bắc Ninh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của Nhân loại.

VV.10266

43. KIM NGUYỄN. Hát xoan Phú Thọ - Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.196-207.

Hát xoan là hình thức nghệ thuật đa yếu tố gồm có: nhạc, hát, múa, thường được biểu diễn vào dịp đầu xuân. Đây là loại hình dân ca lễ nghi phong tục hát thờ thần, thành hoàng và được hát phổ biến ở vùng đất tổ Hùng Vương - Phú Thọ, một

tỉnh thuộc vùng trung du Việt Nam. Hát xoan còn có tên gọi là “khúc Môn Đình” thuộc tầng dân ca cổ xưa nhất, cổ tới mức nhiều ca từ trong các bản hát xoan cổ gần như không có nghĩa trong xã hội đương đại. Hơn 2000 năm trước, nhiều dấu tích cổ đã được tìm thấy, theo đó, các cuộc hát xoan được diễn xướng như một nghi lễ đầu xuân để chúc tụng vua, tôn vinh các vị thần sinh sôi nảy nở, cầu cho đất đai màu mỡ, mưa thuận, gió hòa, mùa màng tốt tươi. Hát xoan không hát ngoài trời như hát ví hay quan họ mà xoan hát trong đình, trước bàn thờ lung linh đèn nến, thơm ngát hương trầm. Hát xoan được trình diễn trong khoảng thời gian từ lúc nông thôn lên đèn cho tới sáng hôm sau, tới 3,4 giờ sáng là tan cuộc. Phong cách hát xoan thường là: Một kép ngồi giữa cầm dùi trống vừa đánh vừa “dẫn cách” còn các cô đào thì hát phụ họa bằng cách nhắc lại nguyên nhạc điệu của một đoạn mà người “dẫn cách” hoặc xem vào phân đệm. Mỗi bài hát xoan lại có một ý nghĩa riêng của nó.

Theo cách hiểu nào đó, thì hát xoan là tiếng hát làng chạ, là lễ ca dâng lên thần linh những lời thành kính, đón rước thần linh về hưởng tế và phục vụ cho làng. Xoan cũng là tiếng hát cầu chúc khẩn nguyện. Là tiếng hát từ đình đám và vì làng chạ mà ra nên hát xoan mang khá đầy đủ những yếu tố cơ bản về ý thức hệ, đời sống tình cảm và phản ánh hiện thực lịch sử của xã hội: Xã hội của xoan là xã hội phong kiến nông nghiệp lạc hậu, phân tán, kinh tế tiểu nông; là xã hội tổ chức theo trật tự phong kiến, chi phối bởi lễ giáo phong kiến, thống trị bởi nhân sinh quan phong kiến. Cho nên hát xoan mang đậm dấu ấn của nhân sinh quan, lễ giáo phong kiến, biểu lộ rõ nét trật tự và kỷ cương phong kiến. Một cách hiểu khác thì hát xoan ca ngợi, ước mong một triều đại thái bình thịnh trị.

Không chỉ có vậy, hát xoan còn ca ngợi vẻ đẹp của quê hương đất nước, thể hiện ước mơ của nhân dân lao động, mong muốn có cuộc sống tốt đẹp hơn. Hát xoan gắn với truyền thống văn hóa dân tộc, với sinh hoạt hội hè, phản ánh lao động vui chơi cũng như tâm tư tình cảm của các tầng lớp nhân dân, phản ánh ước nguyện một cộng đồng cư dân gắn bó nhau tạo thành làng chạ.

Ngoài nội dung trên, hát xoan cũng là một bài ca trữ tình về tình yêu lao động, đặc biệt là tình yêu nam nữ. Chính vì vậy ngày 24 /11/2011, Ủy ban chính phủ về Bảo tồn Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO đã công nhận Hát xoan Phú Thọ là Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp của nhân loại.

VV.10266

44. KIM NGUYỄN. Hội Gióng ở Phù Đổng và Đền Sóc di sản phi vật thể của nhân loại / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.207-218.

Hội Gióng là 1 lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng 1 cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang với giặc Ân. Hội Gióng là lễ hội nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về các hình thức chiến tranh bộ lạc thời cổ xưa và liên tưởng tới bản chất tất thắng của cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, ở đồng bằng Bắc Bộ có rất nhiều nơi thờ phụng đức Phù Đổng Thiên Vương Thánh Gióng nhưng chính hội vẫn là ở làng Phù Đổng (Gia Lâm, Hà Nội)- nơi Đức Thánh Gióng sinh thành và xã Phù Linh (Sóc Sơn, Hà Nội)- nơi Đức Thánh Gióng hóa thân. Hai hội Gióng độc đáo này đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, được cộng đồng bảo tồn, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, giữ gìn như một phần bản sắc văn hóa của mình, chứa đựng những sáng tạo, thể hiện khát vọng về một cuộc sống thịnh vượng và hòa bình.

VV.10266

45. KIM NGUYỄN. Nhã nhạc cung đình Huế - Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.119-136.

Nhã nhạc cung đình Huế là thể loại nhạc của cung đình thời phong kiến, được biểu diễn vào các dịp lễ hội như: Vua đăng quang, băng hà và các lễ hội tôn nghiêm trong năm của các triều đại nhà Nguyễn - Việt Nam. Nhã nhạc cung đình Huế có hệ thống các bài bản rất phong phú. Chỉ riêng hệ thống nhạc chương đã có đến hàng trăm bản, ngoài ra còn có các bản khí nhạc dành cho Tiểu nhạc, Đại nhạc, Huyền nhạc, ...Kỹ thuật diễn tấu trong Nhã nhạc hết sức tinh vi, đòi hỏi trình độ chuyên nghiệp cao. Nói đến Nhã nhạc Việt Nam nói chung và Nhã nhạc cung đình Huế nói riêng là nói đến kỹ thuật biểu diễn khí nhạc, trong đó mỗi nhạc cụ đều áp dụng một mức độ kỹ thuật điều luyện nhất định. Trong hệ thống Nhã nhạc cung đình Huế có tiết mục hòa tấu các nhạc khí thuộc bộ dây, gồm: Đàn nguyệt, đàn tam, đàn tì bà, đàn nhị cùng với sáo trúc kết hợp với bộ gõ (trống, nã, sênh tiền) tạo nên những âm thanh trong sáng, thanh khiết có sức gợi cảm sâu xa.

VV.10266

46. KIM NGUYỄN. Lễ hội công chiêng Tây Nguyên- Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.149-158.

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và chủ nhân của loại hình văn hóa đặc sắc này là cư dân các dân tộc Tây Nguyên: Bana, Xêđăng, Mnông, Còho, Romăm, Êđê, Giarai... Công chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của người Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm linh, tâm hồn con người, để diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, trong lao động và sinh hoạt hàng ngày của họ. Văn hóa Công chiêng Tây Nguyên bao gồm các yếu tố bộ phận như: Công chiêng, các bản nhạc tấu bằng công chiêng, những người chơi công chiêng, các lễ hội có sử dụng công chiêng, những địa điểm tổ chức lễ hội... Công chiêng không phải là sản phẩm của cư dân Tây Nguyên tự đúc ra mà xuất phát từ sản phẩm trao đổi hàng hóa, sau đó được các nghệ nhân chỉnh sửa thành một nhạc cụ riêng cho mỗi dân tộc. Công chiêng đối người Tây Nguyên không chỉ là khí cụ âm nhạc, là biểu tượng của sự giàu có ở mỗi gia đình, sự hùng mạnh của mỗi buôn làng, mà còn là biểu tượng văn hóa tâm linh đặc sắc của một vùng đất.

VV.10266

47. LÊ ĐÌNH PHỤNG. Phật giáo Chăm Pa qua tư liệu khảo cổ học / Lê Đình Phụng // Tạp chí Di sản Văn hóa.-2003.- Số 2.- Tr.31-37.

Phật có mặt trong cộng đồng cư dân Chăm Pa từ những năm trước công nguyên qua con đường thương mại, đầu tiên phải nói đến người Ấn Độ. Vào những thế kỷ trước và sau công nguyên, vương quốc Chămpa hình thành và phát triển trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là thương mại giao thương với các thương gia Ấn Độ, vượt biển sang buôn bán ở các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Chămpa. Đứng trước một đất nước giàu có về vàng, trầm hương và các hương vị khác đã hấp dẫn các tàu buôn và thương nhân Ấn Độ. Ngoài việc buôn bán trao đổi sản phẩm, họ còn truyền đạo. Có hai loại: một là các tăng lữ Bà La Môn, hai là các Phật tử, thầy tu. Qua các di tích khảo cổ và các bia ký, vào khoảng giữa đầu công nguyên, chắc chắn đã có cuộc giao lưu văn hóa thương mại giữa người Ấn Độ và cư dân Chămpa. Đó là cơ sở hình thành Phật giáo đầu tiên ở vương quốc cổ Chămpa. Theo thống kê ban đầu có 22 địa điểm có địa điểm Phật, trong đó địa bàn miền Trung có 03 địa điểm (Hưng An - Bình Thuận, núi Địa Điểm, hòn Santcô - Bình Định). Gần đây phát hiện thêm dấu chân khổng lồ ở biển Sa Kỳ - Quảng Ngãi, có kích thước từ 0.3 m đến 3

m, rộng khoảng từ 0.15 m đến 0.9 m, theo các nhà khoa học và khảo cổ học như ông K.C. Ananda cho rằng: đây là dấu chân của tượng Phật có niên đại từ thế kỷ thứ II trước CN khá phổ biến ở Ấn Độ. Những di tích trên có thể minh chứng cho thấy Phật giáo đã hình thành rất sớm ở vương quốc Chămpa. Ngoài ra bia Võ Cảnh có niên đại thế kỷ thứ III cũng ghi lại những người lập ra vương quốc Chămpa, là Crimara bằng chữ Phạn, cho ta thấy rằng họ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn minh Ấn Độ. Đặc biệt, trong bia ký theo Louis Finot dịch ra, ý nghĩa cho rằng “Trên trần thế này là không vĩnh cửu; ý nghĩa về sự hóa kiếp này sang kiếp khác, lòng thương chúng sinh, sự hy sinh cái của mình cho lợi ích của người khác”. Tất cả những điều đó chứng tỏ hậu duệ của Crimara có khuynh hướng rõ rệt về đạo Phật và có thể kết luận rằng ông vua đó thuyết pháp đạo giáo của Đại từ bi. Tấm bia trên có niên đại vào thế kỷ thứ II sau CN được coi là tấm bia sớm nhất ở Đông Nam Á, cho thấy ảnh hưởng Phật giáo phát triển sâu sắc ở vương quốc Chămpa cổ đại qua các công trình nghiên cứu đã minh chứng cho Phật giáo Chămpa theo Phật giáo Đại Thừa. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy rất nhiều tượng Phật trong các di chỉ vùng Indrapura, Vijaya, Kauthara và Panturanka. Đặc biệt là các nữ thần phái Mật Tông mà phổ biến nhất là Bồ Tát Prana Paramita, Bồ Tát Avalokitesvara (Bồ Tát Quán Thế Âm) và Lokeshvara (Nam Phật) những vị Bồ Tát này là Phật Amitahba hay A Di Đà hiện thân để cứu độ chúng sinh. Một số tượng Phật bằng đồng tìm thấy tại động Phong Nha đánh dấu sự có mặt của Phật giáo du nhập vào thời kỳ hưng thịnh nhất của Phật giáo Chămpa vào thế kỷ thứ IX. Đạo Phật được nhà vua Indravarman II cho xây dựng tại Indrapura (Quảng Nam - Đà Nẵng) một tu viện lấy tên là Laskmida Lokeshvara vào năm 875. Ngày nay là khu di tích Đồng Dương gồm 30 kiến trúc bị hư hại hoàn toàn chỉ còn lại nền móng cùng các tượng đá và bàn thờ Phật hiện trưng bày trong Bảo Tàng Điêu Khắc Chăm - Quảng Nam đã chứng minh cho triều đại Phật giáo Đại Thừa. Đặc biệt Phật giáo Chămpa có sự giao thoa với tín ngưỡng Bà La Môn giáo (phái Civa giáo). Qua những tư liệu về Phật giáo Chawmpa mới tìm được, đặc biệt là những tư liệu thuộc thế kỷ VII-X còn cho biết thêm sự chuyển đổi chung của Phật giáo Tiểu thừa diễn ra khá mạnh mẽ trong xã hội Chămpa, phù hợp với thời kỳ chuyển đổi chung của Phật giáo trên nhiều nước Đông Nam Á mà cư dân Chămpa đã tiếp nhận lĩnh hội đầy đủ những yếu tố tinh thần trong đời sống tâm linh của Phật giáo, đỉnh cao được biết đến là trung tâm Phật giáo Đông Dương, thế kỷ IX. Tìm hiểu về Phật giáo Chămpa để thấy rằng Phật giáo đóng một vị trí khá quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân Chămpa từ đầu thế kỷ trước công nguyên đến thế kỷ thứ IX. Đồng thời khẳng định trong xã hội Chăm có sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên. Chính Phật giáo đã tạo ra sự cân bằng của hai thế giới này, mang tới một chiều sâu tinh thần cho tất

cả mọi thể chất. Chính vì vậy Phật giáo đóng vai trò khá quan trọng trong xã hội Chăm xưa, góp phần làm nên diện mạo nền văn hóa Chăm rực rỡ.

**Tạp chí Di sản Văn hóa /
2003**

**48. LÊ THỊ MINH LÝ. Lễ hội nhìn nhận từ góc độ văn hóa phi vật thể /
Lê Thị Minh Lý // Tạp chí Di sản Văn hóa.- 2003.- Số 2.- Tr.55-57.**

Đối với mỗi cộng đồng dân cư, văn hóa phi vật thể, vốn đã bắt rễ sâu từ trong quá khứ, là một bộ phận không thể thiếu của bản sắc văn hóa dân tộc. Ở Việt Nam cũng vậy văn hóa phi vật thể là một bộ phận quan trọng không thể tách rời của kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Văn hóa phi vật thể là một khái niệm nửa như trừu tượng, nửa như hiện thực. Do vậy, tìm hiểu văn hóa phi vật thể cũng chính là quá trình giải mã, tìm hiểu các mối quan hệ của con người với tự nhiên, con người với xã hội và của chính con người với con người, từ hiện tại ngược về quá khứ sâu thẳm của dân tộc, của nhân loại, nhìn nhận lễ hội từ góc độ di sản văn hóa phi vật thể chúng ta thấy, lễ hội đã phản ánh mối quan hệ về nhận thức của con người với vũ trụ, phản ánh sự tiếp cận của con người với các quy luật của trời đất trong quá trình chinh phục tự nhiên, phản ánh kinh nghiệm sống của con người trong sự chung sống hài hòa với thế giới bao la. Bên cạnh đó lễ hội còn phản ánh mối quan hệ phong phú, đa dạng và phức tạp giữa con người với xã hội con người, của con người với con người, cùng với những chuẩn mực về đạo đức. Đồng thời phản ánh mối quan hệ của con người với niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng.

Tạp chí Di sản Văn hóa / 2003

**49. NGÔ VĂN TRỤ. Di sản văn học dân gian Bắc Giang / Ngô Văn Trụ,
Bùi Văn Thành.- H: Thanh niên.- 1141tr ; 21cm.**

Giới thiệu về các huyền thoại, truyền tích, sự tích, những câu chuyện, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, phương ngôn, thơ văn lưu truyền trong dân gian của các dân tộc ở tỉnh Bắc Giang. Phản ánh các mặt của đời sống xã hội các dân tộc trong tỉnh thông qua các hình thức văn học, văn nghệ dân gian ở các thời kỳ lịch sử.

VN.23309

50. Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được công nhận là Di sản Tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương / <http://hoidisan.vn/>.- 2012.- Ngày 17 tháng 5.

Chiều 16-5, Hội nghị của UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tổ chức tại Bangkok (Thái Lan) đã công bố quyết định công nhận Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm là Di sản Tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, dựa trên ba tiêu chí: tính xác thực, tính độc đáo không thể thay thế và vị trí vai trò trong khu vực.

Chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Yên Dũng, Bắc Giang) là một trung tâm Phật giáo, nơi đào tạo tăng đồ cho cả nước, nơi phát tích Tam Tổ phái Thiền Trúc Lâm của Phật giáo Việt Nam. Hiện chùa còn lưu giữ được 3.050 bản khắc gỗ kinh Phật với 9 đầu sách lớn thuộc hai loại kinh sách chính: loại kinh sách có nguồn gốc từ Trung Hoa, Ấn Độ được các Phật Tổ Thiền phái Trúc Lâm kể truyền, chủ dẫn theo tư tưởng Việt Nam và loại kinh sách của các Tổ Sư Thiền phái Trúc Lâm sáng tác truyền lại. Hơn 3.000 mộc bản đã chuyển tải những tư tưởng, Phật pháp của Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm. Mỗi bản có hai mặt, khắc chữ Hán-Nôm âm bản (khắc ngược) gồm nhiều nội dung: y học, văn học, bùa chú, luật giới nhà Phật... Bản khắc lớn nhất có chiều dài hơn 1m, rộng 40-50cm với những chạm khắc hoa văn độc đáo mang triết lý nhà Phật. Tất cả các mộc bản này đều do nhiều nghệ nhân khắp nơi thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng thực hiện khắc vào giai đoạn từ thời Vua Tự Đức đến thời Vua Bảo Đại. Dù trải qua thời gian hàng thế kỷ, trong điều kiện thời tiết nhiệt đới, nhưng đến nay chữ khắc trên mộc bản vẫn rất tốt, nét chữ sắc.

[\[http://hoidisan.vn/tin-tuc-su-kien/tin-di-san/422-moc-ban-chua-ving-nghiem-duoc-cong-nhan-la-di-san-tu-lieu-khu-vuc-chau-a-thai-binh-duong.html\]](http://hoidisan.vn/tin-tuc-su-kien/tin-di-san/422-moc-ban-chua-ving-nghiem-duoc-cong-nhan-la-di-san-tu-lieu-khu-vuc-chau-a-thai-binh-duong.html)

51. KIM NGUYỄN. Mộc bản triều Nguyễn di sản tư liệu thế giới / Kim Nguyễn // Việt Nam với những di sản thế giới.- H : Tài nguyên Môi trường, 2012.- Tr.219-226.

Mộc bản triều Nguyễn là di sản tư liệu thế giới đầu tiên tại Việt Nam được UNESCO công nhận ngày 31 tháng 7 năm 2009. Số mộc bản này hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV-Đà Lạt, Lâm Đồng (Biệt điện Trần Lệ Xuân - Khu Di tích của Tp. Đà Lạt).

Mộc bản triều Nguyễn gồm 34.618 tấm, là những văn bản chữ Hán - Nôm được khắc ngược trên gỗ để in ra các sách tại Việt Nam vào thế kỷ XIX và đầu thế

kỷ XX. Tài liệu mộc bản triều Nguyễn được tạo ra trong quá trình hoạt động của Quốc sử quán triều Nguyễn. Mộc bản triều Nguyễn chính là những tá gỗ quý được khắc chữ Hán và chữ Nôm (chữ khắc ngược) dùng để nhân bản tài liệu nhằm phổ biến rộng rãi ra công chúng các chuẩn mực xã hội, các điều luật bắt buộc thân dân phải y tuân. Đó cũng là những bản khắc lưu truyền công danh, sự nghiệp của các bậc vua chúa, các sự kiện lịch sử, các biến cố thời cuộc, các cuộc tiểu trừ giặc dã.

Mộc bản triều Nguyễn còn bao gồm cả những ván khắc in thu ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) được đưa vào Huế và lưu trữ tại Quốc Tử Giám, dưới thời vua Minh Mạng và Thiệu Trị.

Gỗ dùng làm ván khắc tài liệu Mộc bản triều Nguyễn là gỗ thị, gỗ cây nha đồng, thớ gỗ mịn, sáng ngời như ngà voi. Nét chữ khắc trên tài liệu mộc bản rất tinh xảo và sắc nét. Đây là những tài liệu có giá trị, phục vụ cho việc nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt Nam thời cận đại.

Ngày 31/07/2009, Mộc bản triều Nguyễn đã chính thức UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới thuộc “Chương trình Ký ức thế giới”.

Nội dung của khối tài liệu Mộc bản triều Nguyễn rất phong phú và đa dạng, phản ánh mọi mặt về xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn.

Về lịch sử: có 30 bộ sách gồm 836 quyển, ghi chép về lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước cho đến triều Nguyễn.

Về địa lý: có 2 bộ sách gồm 20 quyển, ghi chép về địa lý đã thống nhất ở Việt Nam và ghi chép về hoàng thành Huế.

Về chính trị xã hội: có 5 bộ sách gồm 16 quyển, ghi chép về sách lược của các triều đại phong kiến Việt Nam.

Về quân sự: có 5 bộ sách gồm 515 quyển, ghi chép về việc đánh dẹp các cuộc nổi dậy ở Bắc kỳ, Nam kỳ, Bình Thuận và một số nơi khác.

Về pháp chế: có 12 bộ sách gồm 500 quyển, ghi chép về các điển chế và pháp luật triều Nguyễn.

Về văn hóa - giáo dục: có 31 bộ sách gồm 93 quyển, ghi chép về những nhân vật đỗ cử nhân, tiến sĩ triều Nguyễn.

Về tư tưởng triết học - tôn giáo: có 13 bộ sách gồm 22 quyển, ghi chép về phương pháp tiếp cận kinh điển Nho gia.

Về văn thơ: có 39 bộ gồm 265 quyển, ghi chép thơ văn của các bậc đế vương và Nho gia nổi tiếng Việt Nam...

Về ngôn ngữ văn tự: có 14 bộ sách gồm 50 quyển, giải nghĩa luận ngữ bằng thơ Nôm.

Về quan hệ quốc tế: tài liệu Mộc bản triều Nguyễn còn có giá trị khi tìm hiểu lịch sử và văn hóa các nước khác trên thế giới như: Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Pháp...

Mộc bản về Hoàng Sa: trong khối tài liệu quý giá này có những bản khắc mộc bản mang nội dung khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

VV.10266

52. NGUYỄN VĂN DƯƠNG. Giá trị di sản tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần xây dựng con người mới Việt Nam / Nguyễn Văn Dương- H: Văn hóa Thông tin, 2010.- 241tr ; 21cm.

Gồm những bài viết của các giáo sư, tiến sĩ, cán bộ nghiên cứu bàn về tầm quan trọng của việc giáo dục, bồi dưỡng con người mới về các mặt tri thức, đạo đức, lối sống và phong cách theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

VN.024974

53. NGUYỄN XUÂN NGHI. Ý nghĩa của sơn và sơn mài trong di tích cổ truyền / Nguyễn Xuân Nghi // Tạp chí Di sản Văn hóa.- 2003.- Số 2.- Tr.44-47.

Nghề sơn ở nước ta có từ rất sớm. Theo các tài liệu khảo cổ học và nhận định của nhiều nhà sử học thì từ thời kỳ văn hóa Đông Sơn, nghề sơn đã ra đời và đạt được những thành tựu nhất định. Trước đây, sơn và sơn mài được người ta cho là một chất liệu bình thường, nên ít quan tâm đến vì sơn chỉ thuần túy phục vụ cho tôn giáo và không đạt được sự chuẩn mực theo quan niệm của phương Tây. Song, trải qua thời gian, vẻ đẹp của sơn, với những giá trị của nó ngày càng được mọi người nhận thấy và quan tâm, đặc biệt sự thay đổi nhận thức của phương Tây trước vẻ

đẹp quyến rũ của sơn và sơn mài. Chất liệu sơn được lấy từ nhựa của cây sơn. Cây sơn đã được thuần hóa từ rất sớm ở nước ta, giới khảo cổ học đã tìm thấy nhiều cứ liệu khi khai quật ngôi mộ cổ ở Việt Khê-Thủy Nguyên-Hải Phòng. Ngoài ra khi khai quật ngôi mộ cổ ở Đông Anh, Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng có niên đại trước Công nguyên. Người ta còn tìm thấy những dụng cụ để làm nghề sơn như: bàn vắn sơn, bút sơn... Chất liệu sơn mài được cha ông ta sử dụng nhiều trong cách tô tượng phật và nội thất kiến trúc trong đình chùa. Một pho tượng cổ nhất ở nước ta, hiện còn lại tới nay, đã được sử dụng chất liệu sơn, đó là tượng Pháp Vũ thuộc hệ thống tượng ở chùa Thái Lạc (Văn Lâm, Hưng Yên). Tượng được làm vào thế kỷ 16. Màu sơn của tượng là màu đen và màu đỏ, các nhà nghiên cứu cho rằng: Đời sống của dân ta sống trong vùng sử dụng nước trên mặt đất (nước mưa) vì thế quan niệm nước có màu trắng, nhưng trong một giới hạn nào đó, ở lĩnh vực văn hóa, vẫn có sự ảnh hưởng của Trung Hoa và Ấn Độ. Ở các nước đó người ta hay sử dụng nước giếng sâu, nên nước thường được gấn với màu đen. Từ mối giao lưu này chúng ta có thể nghĩ tới màu đen là màu nước, với ước vọng no đủ. Và, dần dần nước chuyển hóa thành một nguồn gốc của hạnh phúc. Màu đỏ tượng trưng cho sinh lực. Từ sự hợp nhất của màu đen và màu đỏ đã cho chúng ta một màu huyết dụ, rồi màu đỏ sẫm... suy cho cùng, sự tổng hòa hai màu này là một biểu hiện của nhận thức rút ra từ thực tế cuộc sống ở thời nguyên thủy. Bên cạnh đó, chúng ta còn gặp nhiều pho tượng đã được sơn màu đỏ đậm hoặc đen trên các diềm áo, hay màu sơn đỏ ở mặt như tượng Đức Ông, Ngọc Hoàng, Diêm Vương... đây chính là màu sinh lực vô biên và linh thiêng. Đồng thời nó còn có ý nghĩa đó là quyền uy/năng vô lượng và kiên quyết bảo hộ phật pháp hay bảo vệ những chân lý hồn nhiên của vĩ trụ và để trấn áp những điều tà ác.

Một màu sơn khác thường được sử dụng trên mặt tượng phật là màu vàng dòng (thếp vàng)- màu tượng trưng cho sự diệt dục, thoát khỏi trần ai, vượt qua Thâm-Sân-Si-Ái-Ô-Hỷ-Nộ. Còn chiếc áo nâu là biểu hiện không còn vương vấn với bụi trần, tránh xa dục vọng, đồng thời để tâm thanh, lòng tĩnh, tránh kiêu căng ngã mạn. Như vậy theo truyền thống thì không phải tượng nào cũng được thếp mặt vàng dòng (màu giải thoát cao quý). Mặt khác, với các vị bồ tát còn lăn lộn với cuộc đời để cứu vớt chúng sinh thì không bao giờ được sơn thếp mặt bằng vàng dòng mà chỉ được sơn màu hồng phấn...

Tạp chí Di sản Văn hóa / 2003

54. Nhã Nhạc cung đình triều Nguyễn - Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại // Di sản thế giới ở Việt Nam.- Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2004.- Tr.230-234.

Âm nhạc cung đình Việt Nam ra đời từ lúc thiết lập nhà nước quân chủ. Từ thời Lý, âm nhạc cung đình đã được định hình và tiếp tục phát triển trong các triều đại sau. Triều Nguyễn đã kế thừa, dùng âm nhạc trong các nghi lễ thương niên như các ngày kỉ niệm, những ngày lễ tôn giáo... Nhã nhạc cung đình mang tính triết lý sâu sắc, là tiếng nói của con người gửi gắm đến thần linh và vũ trụ. Trong các thể loại âm nhạc phong phú được phát triển ở Việt Nam, nhã nhạc cung đình triều Nguyễn là một điển hình cho dòng âm nhạc bác học, mang tầm quốc gia. Trong dàn nhạc cung đình hầu như tất cả các nhạc khí có giá trị nhất của Việt Nam đều có mặt, mỗi thứ một chiếc, chỉ đôi khi có đến 2 chiếc như kèn, tạo nên sự phối hợp các âm sắc nhạc cụ khác nhau. Những nhạc cụ này trình diễn trên cơ sở một “lòng bản” chung, nhưng được thể hiện với sự hoa mỹ nhấn nhá của từng nhạc cụ. Đặc biệt, các nhạc công của nhã nhạc khi biểu diễn luôn phải đắm mình trong cái thần của âm nhạc. Đó chính là những đặc điểm cao quý, tao nhã mà vì thế nhã nhạc cung đình triều Nguyễn đã được UNESCO công nhận là kiệt tác.

VN.17395

55. PHAN ĐĂNG NHẬT. Sử thi Tây Nguyên một di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc / Phan Đăng Nhật // Tạp chí Di sản Văn hóa.- 2003.- Số 2.- Tr.58-66.

Sử thi mang một giá trị lớn của nền văn hóa các dân tộc. Sử thi đã chứa đựng nhiều mặt tri thức của các dân tộc thời cổ. Người ta mệnh danh “Sử thi là bộ bách khoa thư đầy đủ nhất của các dân tộc thời cổ. Là một thể loại tiêu biểu cho văn hóa dân gian. Ở đó chứa đựng những đặc điểm sáng tác, lưu truyền, diễn xướng, tác giả, nghệ nhân, công chúng, cấu trúc tác phẩm... Nhiều tộc người ở Việt Nam có sử thi, tuy nhiên phong phú và tiêu biểu nhất là sử thi các dân tộc Tây Nguyên. Trong đó nổi lên ba vấn đề chính là :Thứ nhất, nội dung của sử thi Tây nguyên là lý thuyết về ba nhiệm vụ anh hùng đó là nhiệm vụ lấy vợ, làm lụng, nhiệm vụ đánh giặc của anh hùng trong sử thi Tây Nguyên. Thứ hai, giá trị nghệ thuật của sử thi Tây

Nguyên là tính hào hùng và kỳ vĩ. Thứ ba, nhiệm vụ cấp thiết đối với sử thi Tây Nguyên.

Tạp chí Di sản Văn hóa / 2003

56. THU TRANG. Lễ Bỏ mả của người Raglai ở huyện Khánh Sơn, Khánh Hòa / Thu Trang // <http://dch.gov.vn/>

Người Raglai quan niệm, có hai thế giới song song tồn tại là thế giới của người sống và thế giới của những người đã khuất. Khi người chết đã được chôn cất, vẫn còn mối quan hệ với người đang sống, bởi linh hồn của người chết vẫn còn lẩn khuất trong cõi nhân gian, nên phải làm Lễ Bỏ mả để chính thức chấm dứt mối quan hệ này. Đây là nghi lễ quan trọng nhất trong các nghi lễ vòng đời của người Raglai - lễ chia tay vĩnh viễn giữa người sống và người chết để người chết được trở về thế giới vĩnh hằng Lễ Bỏ mả được tổ chức theo hai hình thức: bỏ mả cùng lúc với đám tang hay bỏ mả có thời gian chuẩn bị. Bỏ mả cùng với đám tang sẽ thuận tiện cho gia đình hơn, song hiện nay, ở huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa, nhiều gia đình có người chết vẫn chọn hình thức bỏ mả có thời gian chuẩn bị, vì nó phù hợp với tình cảm của con người khi buộc phải dứt mọi quan hệ với người thân vừa khuất. Theo luật tục của người Raglai, khi tổ chức Lễ Bỏ mả cho người thân, gia đình phải mời đủ những người đã từng tham dự lễ tang để họ chia tay lần cuối với người chết, đồng thời để bày tỏ lòng tri ân của gia đình đối với cộng đồng. Vì vậy, để tổ chức cho Lễ Bỏ mả, gia đình phải chọn ngày giờ, sau đó phải chuẩn bị trước hàng tháng việc ủ rượu cần, dựng sạp lễ, làm nhà mồ, trang trí nhà mồ và đặc biệt là làm Kagor, một con thuyền gỗ với nhiều vật trang trí, đặt trên nóc nhà mồ trong Lễ Bỏ mả - biểu tượng cho nơi trú ngụ của ông bà ở thế giới bên kia. Kagor là những gì còn sót lại trong ký ức về biển của người Raglai, là miền quê hương xa vời, là nguồn cội mà họ hướng về tới tất cả lòng thành kính. Người Raglai tin rằng, càng có nhiều vật trang trí gắn trên Kagor thì người chết càng nhận được nhiều niềm vui ở thế giới bên kia.

[<http://dch.gov.vn/pages/news/preview.aspx?n=635&c=41>]

57. THÙY LINH. Di sản văn hóa phi vật thể thế giới thứ hai của Việt Nam - Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên / Thùy Linh - Việt Trinh // Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam.- Hà Nội : Lao Động, 2011.- Tr.301-303.

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại vào ngày 15 tháng 11 năm 2005. Sau Nhã nhạc cung đình Huế, đây là di sản thứ hai của Việt Nam được nhận danh hiệu này.

Công chiêng Tây Nguyên là nơi chứa đựng những giá trị kiệt tác của nhân loại. Không chỉ có sức hấp dẫn đặc biệt ở sự đa dạng độc đáo kỹ thuật diễn tấu mà công chiêng còn là biểu tượng cho cuộc sống của con người nơi đây.

Công - Chiêng là loại nhạc khí bằng hợp kim đồng, có khi pha vàng, bạc hoặc đồng đen. Công là loại có núm, chiêng không núm. Nhạc cụ này có nhiều cỡ, đường kính từ 20 đến 50 - 60 cm, loại cực đại tới 90 - 120 cm.

Công chiêng có thể được dùng đơn lẻ hoặc dùng theo dàn, bộ từ 2 đến 12 hoặc 13 chiếc, thậm chí có nơi tới 18-20 chiếc. Công chiêng có thể được gõ bằng dùi, đấm bằng tay. Có tộc còn áp dụng kỹ thuật chặn tiếng bằng tay trái hoặc tạo giai điệu trên một chiếc chiêng.

Văn hóa công chiêng được bắt nguồn từ văn minh Đông Sơn cổ đại, nền văn minh được biết đến với tư cách là một nền văn hóa trống đồng nổi tiếng ở Đông Nam Á. Nghệ thuật công chiêng của Việt Nam đã phát triển đến một trình độ cao so với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Giá trị văn hóa của công chiêng ở Việt Nam có vị thế đặc biệt nổi bật trong hệ nhạc khí cổ truyền ở bởi nó bắt nguồn từ sự tổng hòa các giá trị văn hóa đa dạng như: Giá trị biểu thị đặc trưng và bản sắc văn hóa vùng; Giá trị biểu thị đặc trưng văn hóa tộc người hoặc nhóm tộc người; Giá trị phản ánh đa chiều; Giá trị nghệ thuật; Giá trị sử dụng đa dạng; Giá trị vật chất; Giá trị biểu thị sự giàu sang và quyền uy; Giá trị tinh thần; Giá trị cổ kết cộng đồng và Giá trị lịch sử.

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên bao trùm 5 tỉnh Tây Nguyên, tập hợp của 17 dân tộc thiểu số. Công chiêng được xem là ngôn ngữ giao tiếp hàng đầu của con người, thần thánh và thế giới siêu nhiên, những chiếc công chiêng của mỗi gia đình xưa kia còn biểu hiện cho sự giàu có của người dân Tây Nguyên.

Cồng, chiêng là loại nhạc khí bằng hợp kim đồng, có khi pha vàng, bạc hoặc đồng đen. Cồng là loại có núm, chiêng không núm. Các dàn cồng chiêng thường gồm nhiều bộ. Mỗi bộ có số lượng khác nhau về đảm nhiệm những chức năng riêng trong cuộc hòa tấu. Nhạc cụ cồng chiêng có nhiều cỡ, đường kính từ 20, 50 đến 60 cm, loại cực đại tới 90 -120 cm. Cồng chiêng có thể được dùng đơn lẻ hoặc dùng theo dàn, một bộ có từ 2 đến 12 - 13 chiếc, thậm chí có nơi tới 18 - 20 chiếc. Trong một chiêng có chiêng mẹ (chiêng cái) là quan trọng nhất.

Giá trị của cồng chiêng không chỉ thể hiện ở kỹ thuật chế tác mà nó còn có ý nghĩa tâm linh. Cồng, chiêng đại diện cho văn hóa Tây Nguyên, được sử dụng trong nhiều nghi lễ, tín ngưỡng quan trọng.

Cồng chiêng cũng là một nhạc cụ rất phổ biến trong nền âm nhạc của các tộc người Việt Nam. Nhưng với người Tây Nguyên, cồng chiêng là đại diện, là người sống, là tín ngưỡng tâm linh. Những âm thanh khi ngân nga sâu lắng, khi thổi thúc, hòa quyện với tiếng suối, tiếng gió và với tiếng lòng sẽ sống mãi cùng với đất trời và con người Tây Nguyên.

VV.4052

58. THÙY LINH - VIỆT TRINH. Di sản văn hóa phi vật thể thế giới thứ năm của Việt Nam - Lễ hội Gióng / Thùy Linh - Việt Trinh // Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam.- Hà Nội : Lao Động, 2011.- Tr.313-316.

Hội Gióng là một lễ hội truyền thống hàng năm được tổ chức ở nhiều nơi thuộc vùng Hà Nội để tưởng niệm và ca ngợi chiến công của người anh hùng truyền thuyết Thánh Gióng, một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Có 2 hội Gióng tiêu biểu ở Hà Nội là hội Gióng Sóc Sơn ở đền Sóc xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn và hội Gióng Phù Đổng ở đền Phù Đổng, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Giá trị nổi bật toàn cầu ở hội Gióng chính là một hiện tượng văn hóa được bảo lưu, trao truyền khá liên tục và toàn vẹn qua nhiều thế hệ. Mặc dù ở gần trung tâm thủ đô và đời sống cộng đồng trải qua nhiều biến động do chiến tranh, do sự xâm nhập và tiếp biến văn hóa, hội Gióng vẫn tồn tại một cách độc lập và bền vững, không bị nhà nước hóa, thương mại hóa.

VV.4052

59. TRẦN VĂN AN. Di sản văn hóa văn nghệ dân gian Hội An / Trần Văn An.- H : Lao động, 2010.- 388tr. ; 21cm.

Văn hóa văn nghệ dân gian ở Hội An là bộ phận di sản bao gồm nhiều loại hình, hình thái như: Nếp ăn, ở, mặc, ứng xử; tục lệ trong gia đình; tục lệ cộng đồng; tín ngưỡng dân gian; văn nghệ dân gian. Tất cả được bảo lưu bền bỉ trong cuộc sống thường ngày và trong ký ức của các thế hệ cư dân địa phương liên tục từ đời này sang đời khác cho đến ngày nay. Đây chính là những lớp trầm tích văn hóa tích tụ qua các thời kỳ lịch sử để bồi dưỡng nên tính cách, phẩm chất của con người cùng những sắc thái văn hóa địa phương ở vùng đất tuy nhỏ hẹp nhưng được xem là “thanh cảnh” và “thuần hậu” này.

VN.23331

60. TRỊNH THỊ HÒA. Bảo tàng lịch sử Việt Nam - Tp. Thành phố Hồ Chí Minh: Thực hiện chủ trương “xã hội hóa hoạt động bảo tàng” / Trịnh Thị Hòa // Tạp chí Di sản Văn hóa.-2003.- Số 2.- Tr.25-30.

Khoảng 10 năm trở lại đây, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh đã cố gắng thực hiện và ngày càng đẩy mạnh việc “Xã hội hóa hoạt động Bảo tàng” theo chủ trương của Đảng và nhà nước. Việc làm đó đã được công chúng và giới khoa học đánh giá cao. Những năm qua, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh đã vận động thuyết phục các nhà sưu tập cổ vật tư nhân đóng góp hiện vật để cùng bảo tàng giới thiệu với công chúng những di sản văn hóa tiêu biểu và quý hiếm, tạo điều kiện cho mọi người được tiếp cận với những di sản. Bên cạnh đó Bảo tàng còn phối hợp với các bảo tàng bạn, các cơ quan khoa học để trưng bày, giới thiệu các sưu tập hiện vật. Với những việc làm trên Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh góp phần thực hiện tốt công tác “Xã hội hóa hoạt động bảo tàng”, đưa bảo tàng tới gần hơn với người xem.

Tạp chí Di sản Văn hóa /2003

61. TRƯƠNG BI. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các tộc người Ê-Đê, M'Nông / Trương Bi, Bùi Minh Vũ.- H : Văn hóa dân tộc, 2009.- 231tr.;21cm

Giới thiệu một số nội dung cơ bản về di sản văn hóa dân gian bao gồm, văn hóa vật thể, phi vật thể, thực trạng và những giải pháp cơ bản về bảo tồn, phát huy các giá trị di sản của 2 tộc người Ê-đê, M'Nông định cư ở Tây Nguyên.

398.09597

B108T

62. TRƯƠNG BI. Di sản văn hóa của dân tộc Ê-đê, M'Nông / Trương Bi, Bùi Minh Vũ // Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các tộc người Ê-Đê, M'Nông.- H : Văn hóa dân tộc, 2009.- Tr.10-160.

Ê-đê, M'Nông là 2 dân tộc sinh sống lâu đời ở Tây Nguyên. Với các di sản văn hóa về thiết chế xã hội; quan hệ dòng họ; vai trò mẫu hệ trong gia đình; hôn nhân gia đình; kiến trúc nhà ở; luật tục; văn hóa công chiêng và nghi lễ- lễ hội của cộng đồng; văn hóa ẩm thực; văn hóa thổ cẩm; sử thi; truyện cổ. Cùng với các dân tộc anh em khác, dân tộc Ê-đê, M'Nông đã góp phần làm cho bản sắc văn hóa vùng Tây Nguyên thêm độc đáo, phong phú, đa dạng.

398.09597

B108T

63. VÕ QUANG TRỌNG. Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội / Võ Quang Trọng // Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Thăng Long - Hà Nội.- H : Nxb. Hà Nội, 2010.- Tr.80-162.

Thủ đô Hà Nội vẫn tiếp nối dòng chảy văn hóa của kinh thành Thăng Long xưa với một khối lượng phong phú các di sản văn hóa. Trong đó, di sản văn hóa phi vật thể được coi là tinh hoa văn hóa đất Kinh kỳ, có trữ lượng lớn, phản ánh đa dạng và chân thực truyền thống sinh hoạt văn hóa người Hà Nội. Đó là: Văn học dân gian Thăng Long - Hà Nội và tiếng Hà Nội; Di sản thư tịch Hán Nôm Thăng Long - Hà Nội; Đồi sống tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội; Nghệ thuật biểu diễn Thăng Long - Hà Nội; Văn hóa ẩm thực; Làng nghề, phố nghề Thăng Long - Hà Nội.

VV.8420

64. VÕ QUANG TRỌNG. Giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội / Võ Quang Trọng // Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Thăng Long - Hà Nội.- H : Nxb. Hà Nội, 2010.- Tr.163-214.

Thủ đô Hà Nội vẫn tiếp nối dòng chảy văn hóa của kinh thành Thăng Long xưa với một khối lượng phong phú các di sản văn hóa, đa dạng về loại hình; trong đó, các giá trị di sản văn hóa phi vật thể được coi là tinh hoa văn hóa đất Kinh kỳ, có trữ lượng lớn, phản ánh đa dạng và chân thực truyền thống sinh hoạt văn hóa người Hà Nội. Thứ nhất giá trị về lịch sử. Giá trị lịch sử được kể tới ở đây chính là “Chứng nhân” của những sáng tạo bản địa từ thời cổ đại, là chứng tích của những sự kiện, hiện tượng lịch sử ở những thời đã qua, là kho sử liệu vô giá, là những bài học quý báu trong chính sách đối nội, đối ngoại cũng như đường lối văn hóa... của nhà nước. Thứ hai đó là giá trị văn hóa. Giá trị văn hóa ở đây chính là một kho tàng tri thức vô cùng phong phú, là sự phản ánh đa chiều, là những tập tục đậm tính nhân văn, là những phương thức giáo dục đa dạng, nhẹ nhàng mà thâm sâu, là những phương tiện tuyên truyền vận động hiệu quả và dễ đi vào lòng người, là vũ khí đấu tranh chống cường quyền áp bức vào ngoại xâm, là nền tảng vững chắc cho việc giữ gìn bản sắc dân tộc trong thời đại hội nhập quốc tế. Thứ ba là giá trị nghệ thuật. Đây là nguồn nguyên liệu dồi dào cho những sáng tạo nghệ thuật ở thời đại mới, là những kỹ thuật tinh xảo, những mẫu mực nghệ thuật vượt thời gian và không gian, là những sáng tạo độc đáo, những giá trị nghệ thuật vượt tầm quốc gia.

VV.8420

65. VŨ KHIÊU. Di sản Văn hóa Thăng Long-Hà Nội trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa / Vũ Khiêu // Tạp chí Di sản Văn hóa.-2002.- Số 1.- Tr.18-21.

Thăng Long - Hà Nội đang sống trong bước ngoặt lịch sử giữa ngàn năm cũ đang qua và ngàn năm mới đang tới. Ngàn năm đã qua còn ghi lại biết bao nhiêu công sức của ông cha. Bao mồ hôi, xương máu đã đổ xuống nơi đây để có những di sản vô giá mà hôm nay chúng ta thừa hưởng. Bước ngoặt lịch sử đang đặt trước dân tộc ta bốn cửa ải cần vượt qua để tiến về phía trước: công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa... Đó cũng là những thử thách lớn đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể nhân dân ta. Với truyền thống dũng cảm và sáng suốt, nhân dân ta sẽ khai thác mọi tiềm năng của dân tộc, mọi thành tựu của thời đại và còn quan trọng hơn nữa là phát huy một sức mạnh vô giá mà ông cha để lại trong di sản văn hóa trên đất nước ta và trên mảnh đất linh thiêng này của Thăng Long - Hà

Nội. Di sản văn hóa - vốn quý này của dân tộc còn chứa đựng những tiềm năng to lớn về sức mạnh của tâm hồn và khí phách trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thăng Long - Hà Nội trải qua một nghìn năm tồn tại và phát triển đã để lại cho dân tộc ta và thủ đô ta những di sản văn hóa vô cùng quý giá. Ở đây có vấn đề bảo tồn di sản văn hóa và khai thác di sản ấy. Đã có một thời kỳ mà nhân dân ta chưa thấy hết ý nghĩa quan trọng của những di sản văn hóa này. Có rất nhiều đền, miếu, nhà thờ, công trình kiến trúc bị coi thường, phó mặc cho sự huỷ diệt của thời gian cũng như sự phá phách của những người thiếu văn hóa. Đảng ta đã kịp thời chấn chỉnh những hiện tượng này. Tại Thủ đô, trong vòng mấy thập kỷ gần đây, Đảng bộ và chính quyền thành phố đã luôn luôn quan tâm hướng dẫn các cấp quận, phường trách nhiệm giữ gìn và tôn tạo những di sản ấy, cả di sản vật thể và phi vật thể. Nhiều phong tục tập quán tốt đẹp đã bị coi thường hoặc xóa bỏ, nay được khôi phục lại. Khôi phục, giữ gìn và bảo quản những di sản văn hóa là một nhiệm vụ cần thiết nhưng khai thác những di sản đó lại là một vấn đề khác. Nhân dân ta coi những di sản ấy là những của quý, vô giá mà ông cha để lại. Có thể tìm trong đó trí tuệ và tài năng, tâm hồn và khí phách của ông cha từ những đền đài, lăng miếu, những công cụ sản xuất, sản phẩm lao động, những tác phẩm khoa học, văn học nghệ thuật. Có thể tìm ở đó cả cuộc sống của ông cha qua trường kỳ lịch sử, có thể lắng nghe ở đây tiếng nói của ông cha, những bài học ứng xử, trong mọi hoàn cảnh đầy gian nan thử thách. Chúng ta có thể khai thác từ trong đó một sức mạnh tinh thần vô tận trong sự nghiệp hôm nay. Sự quan tâm tới tổ tiên, ông bà, nhu cầu gắn bó giữa những người cùng dòng họ, cùng quê hương đã làm sống lại những phong tục cưới xin, ma chay, giỗ Tết, sửa sang lại nhà thờ, mồ mã, khôi phục lại lòng biết ơn đối với tổ tiên, củng cố thêm sự gắn bó giữa người và người. Khôi phục, giữ gìn và phát huy di sản văn hóa càng là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Toàn cầu hóa đang là một xu thế tất yếu của lịch sử. Nó đã tạo ra sự giao lưu và hòa nhập giữa các dân tộc trên mọi mặt kinh tế, chính trị và văn hóa. Sự hòa nhập này vừa là một thuận lợi để nhân dân ta tiếp thu được những nhân tố tích cực và tiến bộ từ những thành tựu mới của nhân loại, đồng thời cũng tạo ra nguy cơ là bỏ mất những điều tốt đẹp trong di sản văn hóa dân tộc và tiếp thu những nhân tố độc hại, phá vỡ bản sắc dân tộc của chúng ta.

Tap chí Di sản Văn hóa / 2002

**PHẦN III: DI SẢN VĂN HÓA,
DANH LAM THẮNG CẢNH TỈNH LÂM ĐỒNG**

66. ĐOÀN BÍCH NGỌ. Bộ sưu tập đàn đá độc đáo ở Bảo tàng Lâm Đồng / Đoàn Bích Ngọ // Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch.-2012.- Số16.- Tr.26-27.

Đàn đá là loại nhạc cụ cổ xưa nhất của loài người, nó xuất hiện trong thời tiền sử cách ngày nay từ 3.000 năm đến 3.500 năm. Đến nay ở Việt Nam đã tìm được hơn 200 thành đàn đá nằm rải rác ở các tỉnh Đắk Lắk, Khánh Hòa, Đồng Nai, Lâm Đồng, Phú Yên...Nổi tiếng trong đó là các bộ đàn đá như: Đàn đá Khánh Sơn, đàn đá Bắc Ái, đàn đá Lộc Ninh, đàn đá Di Linh... Lâm Đồng là địa phương phát hiện được phát hiện được nhiều đàn đá nhất. Bảo tàng Lâm Đồng hiện nay còn lưu giữ bộ sưu tập đàn đá đồ sộ nhất Việt Nam với 5 sưu tập đàn đá được phát hiện ở nhiều địa điểm khác nhau trên đất Lâm Đồng. Thứ nhất, đàn đá B'laô là bộ đàn đá đầu tiên được phát hiện của tỉnh Lâm Đồng. Thứ hai, đàn đá Đinh Lạc, đàn đá này gồm 12 thanh được phân thành 2 bộ khác nhau. Thứ ba, đàn đá B'nom được chế tác từ loại đá có màu xanh đen, hạt mịn đến rất mịn. Thứ tư, đàn đá Hòa Nam, gồm 47 thanh được phát hiện tại thôn 8, xã Hòa Nam, huyện Di Linh. Thứ năm, đàn đá Liên Đàm được phát hiện năm 2008 tại thôn 9, xã Liên Đàm, huyện Di Linh. Những bộ đàn đá nói trên thực sự là những sáng tạo nghệ thuật của cha ông, là “Tiếng nhạc rừng của vùng Nam Tây Nguyên”, “Những cây thạch cầm xưa nhất trên thế giới”. Hy vọng rằng một ngày gần đây đàn đá Tây Nguyên cũng sẽ được công nhận là di sản văn hóa thế giới như không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên hay Nhã nhạc cung đình Huế.

Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch / 2012

67. ĐOÀN BÍCH NGỌ. Ga Đà Lạt - nhà ga cổ kính và cao nhất Việt Nam / Đoàn Bích Ngọ // Báo Lâm Đồng.-2013.-Ngày 7 tháng 8.-Tr.8.

Cách trung tâm Đà Lạt chừng 2km về hướng Đông Bắc, nhà ga Đà Lạt là một trong những công trình kiến trúc nổi tiếng của thành phố. Nhà ga Đà Lạt đã được công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 2008. Ga Đà Lạt được xây dựng hoàn tất vào năm 1933 theo đồ án của các kiến trúc sư người Pháp

là Revéron và Moncet. Mặt sau nhà Ga, từ dãy hành lang nhìn ra là một đường hỏa xa chạy dài tượng trưng cho chí phiêu lưu tang bồng của Yersin. Bên trong nhà Ga nhìn lên là cả một khoảng không gian rộng lớn với các góc cạnh, đường nét ngay hàng thẳng lối, vừa uy nghi cao cả, cũng như vừa chân thật, giản dị như chính cuộc đời của Yersin. Ngoài ra việc thiết kế trần nhà theo lối vòm cao, xung quanh có các ô kính màu vừa để trang trí vừa để tăng cường chiếu sáng cho nhà Ga, phòng bán vé, phòng khách, phòng nhận hàng... tạo thành một dãy dài nên không án ngữ và làm vướng mắt du khách. Đứng trong nhà Ga người ta có cảm giác như đứng trong lòng dãy núi cao ẩm cúng, vui vẻ, tiếng ồn vang vọng tạo ra ấn tượng mạnh mẽ sâu sắc khó quên trong buổi gặp mặt cũng như lúc chia tay. Trên lớp tường để bao quanh nhà Ga, ở chân cột trụ vòm cửa trước, cửa sau là những khóm hoa đỏ thắm, (một loài hoa có xuất xứ từ nước Pháp). Đứng ngoài nhìn vào ta có cảm giác như nhà Ga được đặt gọn trong một chậu hoa khổng lồ. Về kiến trúc, nhà Ga Đà Lạt được thiết kế theo kiểu mái xuôi của vùng núi miền Trung nước Pháp - vùng Massif Central, nên mái đủ độ dốc như sườn núi và rất hợp với vùng có nhiều mưa như Đà Lạt giúp thoát nước nhanh, khó bám rêu làm bẩn mái. Xung quanh có các ô kính chạy để luôn luôn đưa ánh sáng từ các hướng vào phòng Ga, nhờ vậy không bị tối tăm khi không có điện. Ngoài ra nhà Ga còn mang nét đặc thù riêng của Đà Lạt đó là kiến trúc mặt trước của nhà ga lấy hình dáng đỉnh núi cao của dãy Langbiang làm biểu trưng, đồng thời gợi nhớ kỷ niệm về Yersin- nhà bác học có nhiều đóng góp to lớn trong việc khám phá và xây dựng thành phố Đà Lạt. Nhà Ga Đà Lạt còn là nhà Ga “cao nhất” Việt Nam vì nó nằm ở độ cao 1500m so với mặt biển.

Với lối kiến trúc độc đáo, Ga Đà Lạt được coi là nhà Ga đẹp nhất Đông Dương và cả nước Pháp thời bấy giờ. Hiện nay cùng với nhà Ga Hải Phòng, Ga Đà Lạt là nhà Ga cổ kính nhất còn lại ở Việt Nam. Nhưng thật đáng tiếc nhà Ga đã ngừng hoạt động những năm 1970 do chiến tranh làm hỏng một số đoạn đường trên cung đường sắt răng cưa Đà Lạt- Tháp Chàm. Mãi tới tháng 9/ 1991 Liên hiệp Đường sắt khu vực III kết hợp với ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng mới khôi phục lại một đoạn đường sắt Đà Lạt - Trại Mát dài 7km để tổ chức các chuyến du lịch ngắn ra ngoại ô bằng tàu hỏa phục vụ du khách đến Đà Lạt tham quan. Hiện nay hoạt động trên tuyến đường này có hai đầu máy hơi nước. Một do Nhật chế tạo năm 1941 và một do Liên Xô cũ chế tạo năm 1968.

Báo Lâm Đồng / 2013

68. ĐOÀN BÍCH NGỌ. Núi Voi - căn cứ địa anh hùng / Đoàn Bích Ngọ // Báo Lâm Đồng.-2012.- Ngày 16 tháng 8.- Tr.6-7.

Căn cứ kháng chiến Núi Voi là một vùng rừng núi liên hoàn trải dài hơn 10 km, có độ cao từ 1.300 m đến 1.750 m so với mực nước biển. Căn cứ nằm về phía Nam thành phố Đà Lạt, thuộc địa phận huyện Đức Trọng. Căn cứ kháng chiến Núi Voi được ra đời từ năm 1950. Với địa hình phức tạp, hiểm trở rất thuận lợi cho các hoạt động quân sự, làm bàn đạp tấn công địch ở Đà Lạt và không chế đánh địch ở quốc lộ 20, nên từ rất sớm đã được chọn làm căn cứ hoạt động bí mật của Thị ủy Đà Lạt trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Đồng thời cũng là căn cứ tiền phương của tỉnh và của khu VI trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Ngay từ khi thành lập, Núi Voi đã được chọn làm căn cứ hoạt động bí mật của Thị ủy và hoạt động rất tốt, kịp thời liên lạc giữa các tổ chức ở trong và ngoài thị xã. Trong thời kì này ta đã xây dựng và phát triển nhiều cơ sở cách mạng. Hiệp định Giơnevơ được kí kết, kết thúc cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương chưa được bao lâu thì đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã trắng trợn phá hoại Hiệp định, ồ ạt đưa quân đánh chiếm nước ta và dựng lên chính quyền bù nhìn miền Nam Việt Nam. Trước tình hình đó, cuối năm 1954, Ban cán sự Đảng Cục Nam lại bố trí nhiều cán bộ cách mạng giỏi lên hoạt động trên các địa bàn để móc nối liên lạc, xây dựng cơ sở cách mạng. Và Núi Voi một lần nữa được xây dựng thành căn cứ chiến lược vô cùng quan trọng - là nơi hoạt động, học tập và nuôi dưỡng cán bộ cách mạng của Thị ủy, của tỉnh và của quân khu. Căn cứ kháng chiến Núi Voi không ngừng phát triển lớn mạnh, ngày càng hoạt động có hiệu quả. Ngoài tổ chức cơ sở đảng còn có nhiều hoạt động của các tổ chức như thanh niên, phụ nữ, các đội công tác Quảng Hiệp, Hiệp Thạnh, Định An... và phong trào học sinh sinh viên phối hợp với các lực lượng quân đội chính qui của Thị ủy, tỉnh và quân khu. Từ đó, ta vừa hoạt động bí mật, vừa hoạt động công khai trong lòng địch.

Như vậy, Núi Voi là khu căn cứ hoạt động cách mạng vô cùng quan trọng trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Căn cứ Núi Voi là nơi tổ chức hoạt động cách mạng, nơi hoạt động của Thị ủy Đà Lạt đồng thời cũng là căn cứ tiền phương của tỉnh và quân khu. Hiện nay, khu căn cứ Núi Voi vẫn còn lưu giữ được nhiều dấu tích quan trọng như: các hầm chiến đấu, hầm hoạt động bí mật, nơi huấn luyện tân binh của các lực lượng cách mạng đã sống và hoạt động tại đây. Cụ thể như an ninh, quân sự, các đội công tác, các tổ chức thanh niên, phụ nữ... Tuy nhiên các dấu tích không còn nguyên vẹn nhưng vẫn ẩn mình dưới những vòm lá rừng nguyên sinh, cùng với những địa danh bất hủ như: Đồi sân bay, Yên

Ngựa, đôi Bà Cả, đôi C1, đôi Ông Danh, dốc Quế, Hồ Bèo, Suối Cát... đánh dấu một mốc son lịch sử của quê hương Lâm Đồng.

Báo Lâm Đồng / 2012

69. Độc đáo kiến trúc trường Cao đẳng Sư Phạm Đà Lạt // <http://dulich-dalat.com/>.

Những người yêu công trình kiến trúc trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt (Lâm Đồng) luôn dành thời gian để ngắm không chán ngôi trường kỳ lạ này. Thay vì những khuôn mẫu kiến trúc với góc, ngôi trường độc đáo này lại phá cách theo một đường cong mềm mại. Cùng đó, trở về lịch sử công trình này, người yêu văn hóa còn có thêm nhiều thông tin thú vị. Đây là công trình duy nhất ở nước ta từng được Hội Kiến trúc sư thế giới (UIA) công nhận là một trong số 1.000 công trình kiến trúc độc đáo toàn cầu trong thế kỷ XX. Ngôi trường tọa lạc ở số 29 Yersin, thành phố Đà Lạt trước kia mang tên “Petit Lycée Dalat” rồi “Grand Lycée Yersin”, được người Pháp khởi công năm 1927, do kiến trúc sư Moncet tài năng thiết kế và chỉ đạo xây dựng, đến năm 1935 công trình mới hoàn thành. Theo tài liệu bảo tồn di sản của Lâm Đồng, nhà công cũng là công trình cao tầng đầu tiên của thành phố Đà Lạt. Ở ngôi trường này, những lớp học trong công trình được xây hình vòng cung, gạch xây trường là gạch trần đỏ được chở từ châu Âu sang, mái được lợp bằng ngói làm từ nước Pháp (lớp ngói cũ do không thể sử dụng được nữa nên đã được thay thế bằng ngói thường như hiện nay) . Điểm nhấn của dãy nhà hình vòng cung độc đáo là tháp chuông. Phía bên ngoài tháp chuông từng có một chiếc đồng hồ cổ nhưng sau thời gian trường tồn đến nay chỉ còn có thể thấy vết tích in lại trên nền gạch đỏ. Bên trên điểm nhấn tháp chuông cũng không còn chuông do có lẽ đã bị tháo dỡ trước đây. Mặc dù là trường học, mang trong mình những nét kiến trúc cổ điển nhưng trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt vẫn có dáng vẻ ngoạn mục với những đường cong mềm mại ôm lấy một khoảng sân rộng vươn cao những rặng thông xanh biếc soi bóng hồ Xuân Hương, ghi dấu ấn độc đáo vào bức tranh thơ mộng của Đà Lạt. Trong giới kiến trúc của Việt Nam , từng có chuyên gia đề xuất xây dựng, công nhận thành phố Đà Lạt là “Đô thị di sản kiến trúc”. Trong số những giá trị kiến trúc còn lại ở thành phố này, trường Cao đẳng Đà Lạt được cho là một trong những công trình độc đáo nhất trong số hơn 2.000 biệt thự cổ do người Pháp xây dựng còn lại ở đây. Ở góc độ kiến trúc, giá trị và biểu trưng văn hóa của trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt là vô giá.

[<http://dulich-dalat.com/du-lich-da-lat/du-lich-da-lat/doc-dao-kien-truc-truong-cao-dang-su-pham-da-lat.html>]

70. ĐỨC HẢI. Bảo tồn di sản kiến trúc cổ ở Đà Lạt trong quy hoạch phát triển / Đức Hải // Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch.-2010.- Số 8.- Tr.50-52.

Đặt trong không gian rừng thông, sự mát lành của sương trời, gió núi... kiến trúc cổ tạo nên hệ giá trị đặc thù của đô thị Đà Lạt. Việc bảo tồn và phát triển các kiến trúc cổ tiếp nối các kiến trúc mới phù hợp với không gian đặc trưng Đà Lạt nhằm tạo “thương hiệu” cho một đô thị có cá tính, bản sắc đang được triển khai một cách có hiệu quả tại thành phố mờ sương này. Thành phố Đà Lạt được thừa hưởng một quỹ văn hóa kiến trúc rất phong phú, mang nhiều phong cách sang trọng, cổ kính nằm thấp thoáng dưới những tán thông già trong hệ thống nhiều phong cảnh đẹp và di tích lịch sử văn hóa có giá trị, xứng đáng như người xưa đã gọi là “Thủ đô mùa hè” của vùng Viễn Đông Bắc Cổ. Hiếm có đô thị nào mà số lượng các kiến trúc biệt thự cổ lên đến con số hàng ngàn như ở Đà Lạt. Đây là những bằng chứng của một quá trình phát triển văn hóa tương đối nổi bật mà Đà Lạt là một điểm hội tụ quan trọng. Trong số các di sản kiến trúc có giá trị phải kể đến là 2 di tích kiến trúc được xếp hạng cấp quốc gia: Ga Đà Lạt và Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt. Ngoài ra những kiến trúc ở ngay trung tâm đô thị như: Nha Địa Dư, hệ thống các Dinh thự I, II, III, khu Biệt điện Trần Lệ Xuân, dinh Nguyễn Hữu Hào... cũng rất có giá trị. Việc bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh là nhiệm vụ cấp bách của ngành văn hóa, thể thao và du lịch cũng như toàn xã hội Bảo tồn di tích không chỉ là giữ lại giá trị của quá khứ mà chính là để thỏa mãn những nhu cầu của cuộc sống tinh thần của người dân đô thị đồng thời cân đối hài hòa cho cảnh quan đô thị.

Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch / 2010

71. Hồ Xuân Hương // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.425.

Nằm ở vị trí trung tâm thành phố Đà Lạt, được xem là một công viên trung tâm của thành phố, Hồ Xuân Hương có độ cao 1.477m so với mặt biển, diện tích 38ha; đường vòng quanh hồ 5km. Hồ Xuân Hương ngày trước là một dòng suối, năm 1919 kỹ sư công chánh Labbé cho xây đập từ Thủy Tạ đến quán Hương đạo cũ, Năm 1923 xây thêm đập phía dưới tạo thành hai hồ. Tháng 3 – 1932, một cơn bão lớn làm hai đập bị vỡ, năm 1934 – 1935 kỹ sư Trần Đăng Khoa cho xây một đập lớn bằng đá gọi là cầu Ông Đạo (Ông Đạo là tên nhân dân Đà Lạt gọi viên

quản đạo thời ấy là Phạm Khắc Hòe). Người Pháp đặt tên hồ này là Grand Lac (Hồ Lớn). Năm 1953 ông Nguyễn Vũ - Chủ tịch Hội đồng Thị chính Đà Lạt đổi tên thành hồ Xuân Hương. Tháng 10 – 1984 chính quyền tỉnh Lâm Đồng cho nạo vét lại lòng hồ. Gia cố móng của đập cầu Ông Đạo. Từ năm 1998 đến năm 2000, một lần nữa chính quyền tỉnh Lâm Đồng cho sửa chữa tôn tạo hồ này với quy mô lớn hơn. Công trình được thi công chủ yếu bằng cơ giới với việc nạo vét lòng hồ trên 1 triệu m³ đất gia cố lại móng, các cống thoát nước của cầu Ông Đạo, xây bờ kè bằng đá chung quanh hồ, khôi phục lại các “cầu chữ Y”, quanh hồ, lát cỏ và cho xây dựng 4 hồ chống bồi lắng tại các dòng chảy chính trước khi vào hồ.

VV.006741

72. Hồ Than Thở // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.426-429.

Khởi thủy chỉ là một ao nhỏ về sau người Pháp cho làm đập chặn nước tạo thành hồ và có tên Lac des soupirs, năm 1956 đổi tên thành hồ Than Thở. Từ năm 1975 đổi tên thành hồ Suối Mai, đến năm 1990 sử dụng lại tên cũ là hồ Than Thở. Hồ Than Thở cách trung tâm Đà Lạt 6km về phía bắc. Hồ nằm giữa rừng thông tĩnh mịch, không gian hoang vắng tạo cho hồ một nét buồn man mác, gần đây có Đồi thông hai mộ với một truyền thuyết về một mối tình tan vỡ đã làm cho địa danh này thu hút du khách.

Đáng tiếc, trong những năm 1980 – 1990, rừng thông cổ thụ quanh hồ đã bị tàn phá, những hàng thông non tuy đã được trồng lại nhưng không mang lại nét thâm u cô tịch xưa, lòng hồ bị bồi lắng và thu hẹp vì các hoạt động nông nghiệp vùng thượng lưu, nước hồ không còn trong xanh. Để khôi phục và bảo toàn thắng cảnh này, năm 1997, chính quyền đã cho phép Công ty Du lịch Thùy Dương, một doanh nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh bỏ vốn đầu tư trồng rừng, nạo vét hồ, chống bồi lắng, xây dựng các khu vui chơi giải trí. Năm 1999, Hồ Than Thở được Nhà nước công nhận là danh thắng quốc gia để bảo tồn và phát triển.

VV.006741

73. Hồ Tuyên Lâm // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.426.

Hồ Tuyên Lâm nằm cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 5km về phía nam, dưới chân ngọn Pinhatt, là hồ nhân tạo, được xây dựng để cung cấp nước tưới

cho khu vực Định An, điều tiết nước suối Đa Trea (Suối Tía) và hệ thống thủy lợi Quảng Hiệp – Đức Trọng. Hồ có diện tích 320ha, quanh hồ là những đôi thông trùng điệp, xưa kia nơi đây là khu săn bắn của vua Bảo Đại và của du khách. Trên đỉnh đồi phía bắc là hồ Thiền viện Trúc Lâm một công trình kiến trúc uy nghi của Phật giáo mới được xây dựng năm 1992.

VV.006741

74. KHẮC DŨNG. Hội đủ điều kiện để trở thành di sản thiên nhiên / Khắc Dũng // Báo Lâm Đồng.-2011.- Ngày 8 tháng 9. Tr.5.

Với Vườn quốc gia Cát Tiên và cả khu di tích khảo cổ học Cát Tiên, điều mà Hội đồng Di sản quốc gia đặc biệt quan tâm chính là những giá trị đặc biệt về thiên nhiên cùng với các giá trị về mặt văn hóa của nó. Chính nhờ những giá trị về mặt thiên nhiên và văn hóa đó mà VQG Cát Tiên cùng với di tích Cát Tiên trở thành một trong 4 đề cử của Việt Nam dự kiến trình UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên – văn hóa của thế giới.

Theo tài liệu của cán bộ chuyên môn VQG Cát Tiên có tổng diện tích 73.878ha (Quyết định 1090/QĐ-TTg ngày 5.12.1998 của Thủ tướng Chính phủ), thuộc địa phận ba tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai và Bình Phước. Hệ động vật rừng ở đây thật phong phú với nhiều loài quý hiếm như tê giác một sừng, voi châu Á, bò tót, gấu chó, gấu ngựa, trâu rừng, hổ, báo hoa mai, báo gấm... Tương tự, hệ thực vật của Vườn cũng phong phú không kém: 1.362 loài thực vật bậc cao, hơn 440 loài cây gỗ quý...; trong đó, riêng hoa lan có đến 60 loài. Năm 2001, UNESCO đã công nhận VQG Cát Tiên là khu dự trữ sinh quyển thế giới; tiếp đến, ngày 4.8.2005, Ban Thư ký Công ước Ramsar công nhận hệ đất ngập nước Bàu Sấu thuộc Vườn là Khu Ramsar thứ 1.499 của thế giới và là thứ hai của Việt Nam. Hồi cuối năm 2010, đại diện tổ chức UNESCO tại Hà Nội đã đề nghị Chính phủ Việt Nam sớm hoàn thiện hồ sơ VQG Cát Tiên để trình UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

Báo Lâm Đồng / 2012

75. KHẮC DŨNG. Nhìn từ thánh địa Cát Tiên / Khắc Dũng // Báo Lâm Đồng.- 2012. Ngày 27 tháng 8.-Tr.3-4.

Khoa học khảo cổ trong những năm qua đã phần nào vén dần bức màn bí mật của cổ dân Nam Tây Nguyên thông qua các hoạt động khảo cổ trải dài trên một vùng rừng núi từ cao nguyên Langbian (Đà Lạt) đến Cát Tiên thánh địa – vùng đất

cực nam tỉnh Lâm Đồng. Nếu dòng chảy văn hóa của các cổ dân Nam Tây Nguyên từ cao nguyên Langbian đến vùng tương đối thấp là Di Linh và Bảo Lộc có nét tương đồng khá rõ thì bắt đầu từ Cát Tiên – vùng đất tiếp giáp với các dòng văn hóa Chăm – Chân Lạp – Khome, dường như đã có một “cát cứ” văn hóa tương đối định hình và không trộn lẫn trong dòng văn hóa chung của Nam Tây Nguyên. Thánh địa Cát Tiên thuộc địa phận huyện Cát Tiên (tỉnh Lâm Đồng ngày nay), nằm trải dài bên tả ngạn sông Đồng Nai, được phát hiện vào giữa những năm 80 của thế kỷ trước bởi hai nhà khoa học trẻ tuổi của Bảo tàng Lâm Đồng. Đó là một đô thị tôn giáo bị chôn vùi trong lòng đất từ hàng nghìn năm nay gây bất ngờ lớn cho các nhà khoa học bởi những hiện vật tìm thấy được qua những lần khai quật khảo cổ. Di chỉ khảo cổ học Cát Tiên của Lâm Đồng đã được Bộ VH-TT công nhận là di tích văn hóa – lịch sử - nghệ thuật vào năm 1997.

Tại khu thánh địa này, các nghệ nhân cổ xưa của cư dân bản địa Lâm Đồng đã thể hiện tài năng của mình một cách hết sức điêu luyện thông qua các công trình thuộc các lĩnh vực tôn giáo, kiến trúc, điêu khắc, lịch sử... bằng các hiện vật để lại như hình ảnh cầm thú, vũ nữ, thiên tiên, đền tháp... Đặc biệt chiếc thạch ấn được tìm thấy ở thánh địa Cát Tiên có dạng hình tròn dẹt, dày từ 2cm – 3cm, đường kính 11cm, phía trên có tay cầm quai tròn. Điều đặc biệt là mặt dưới của “con dấu” bằng đá này có khắc những hình thù, đường nét rất lạ mà các nhà khoa học hiện đang đặt câu hỏi rằng đó có phải là cổ tự của cư dân chủ nhân di tích Cát Tiên hay không. Hay đây có phải là “con triện” của “vương quốc” cư dân bản địa Cát Tiên? Và, thạch ấn này có liên quan gì đến hình ảnh mukha trên một chiếc linga? Cùng với một chiếc “thạch ấn” trong dòng chảy văn hóa cổ thời đồ đá được tìm thấy tại đây, chúng ta còn có thể “nhìn” dòng chảy văn hóa Nam Tây Nguyên được “định hình” ở thánh địa Cát Tiên từ góc nhìn tôn giáo, kiến trúc... Có thể nói, công trình kiến trúc tôn giáo của khu thánh địa Cát Tiên không chỉ là di tích thể hiện đời sống tâm linh của cư dân bản địa Nam Tây Nguyên mà còn là dấu ấn quan trọng thể hiện trình độ phát triển xã hội của cộng đồng cư dân bản địa trên các phương diện nghệ thuật, đời sống văn hóa và kinh tế. Di chỉ khảo cổ học Cát Tiên là một loại hình kiến trúc tôn giáo cổ có những đặc trưng khác biệt so với các loại hình kiến trúc thông thường. Ở điểm khai quật DT gò 6A, các nhà khảo cổ và kiến trúc đã tìm thấy một đền thờ khá hoàn chỉnh với lối kiến trúc rất đặc trưng “Cát Tiên”.

Ông Lương Nguyên Minh – Trưởng Ban quản lý Khu Di tích Cát Tiên – cho biết: “Nét đặc thù ở đền thờ này được thể hiện ở kiến trúc vuông bề góc nhiều lần trước mặt phía đông, và tiền điện được xây theo hình bán nguyệt. Còn ở gò số 7,

người ta lại phát hiện ra một đền thờ được xây theo dạng hình vuông, nằm cân đối theo trục bắc – nam, và hoàn toàn không có dấu vết bậc cấp và dấu vết cửa. Điều đặc biệt là cũng tại đền thờ này, lần đầu tiên một “máng nước thiêng” trong di tích Cát Tiên đã được phát hiện; và cùng với máng nước thiêng ấy là hệ thống dẫn nước chạy dọc theo hướng đông – tây có chức năng phân phối nước thiêng đến các đền tháp trong khu vực. Ngay từ những ngày đầu khai quật, tại di chỉ khảo cổ học Cát Tiên, các nhà khoa học đã tìm thấy tại đây những ngẫu tượng linga – yoni và tượng thần Siva cùng với kiến trúc đền tháp mang nhiều ý nghĩa về tôn giáo. Tuy nhiên, cho đến hiện nay, chủ nhân thực sự của vùng đất cổ này vẫn đang còn là vấn đề tranh luận. Chỉ dưới góc nhìn từ Cát Tiên mà thôi thì vấn đề văn hóa cổ dân Nam Tây Nguyên đã có quá nhiều điều để đáng nói, đáng bàn. Một điều đáng quan tâm khác: Cổ dân Nam Tây Nguyên trong lịch sử không hề sống tách biệt với thế giới bên ngoài mà ngược lại, từ những kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, nhóm dân này có quan hệ với các cộng đồng dân cư lân cận ở phía biển và cả phía núi từ rất sớm.

Báo Lâm Đồng / 2012

76. KIM ANH. Khám phá hang hùm, thác Cọp / Kim Anh // Tiền phong.-2010.- Ngày 21 tháng 3.- Tr.1+4.

Thác lún khuất trong vùng rừng rậm rạp thuộc thôn Túy Sơn, Xuân Thọ, các trung tâm Tp. Đà Lạt gần 15km. Đường xuống thác gập ghềnh, hiểm trở bởi một bên là núi đá sừng sững, còn bên kia là vực sâu thăm thẳm. Nước từ thác chính (cao 20m) đổ xuống cái hồ xinh xắn rồi tiếp tục chày qua 7 tầng thác phía dưới, mỗi tầng cao chừng 4m; Dòng nước tuôn ào ạt, dội xuống ghềnh đá tung bọt trắng xóa và tiếng thác va vào đá phát ra những âm thanh như tiếng cọp gầm vang xa cả ngàn mét.

Tiền phong / 2010

77. NGUYỄN HUY KHUYẾN. Biệt thự của Trần Lệ Xuân tại Đà Lạt / Nguyễn Huy Khuyến // Báo Lâm Đồng. 2011. Ngày 13 tháng 8.- Tr.4.

Khu biệt thự mang tên Trần Lệ Xuân ở Đà Lạt được mua lại của ông Trần Bá Đáng tại lô đất số 55 vào ngày 22/12/1958. Sau đó Trần Lệ Xuân đã cho xây dựng trên khu đất này 3 ngôi biệt thự được đặt tên rất hoa mỹ và kiêu kỳ bậc nhất một thời. Tại khu biệt điện Hồng Ngọc, Trần Lệ Xuân đã cho xây dựng một căn hầm trú

ẩn sâu khoảng hơn 2m, rộng 2m, dài 3m, nắp hầm được làm bằng loại sắt dày có thể chống được đạn. Có lẽ do lo sợ sẽ có một vụ đảo chính hay ám sát trong nội bộ mà khi xây dựng biệt thự này, Trần Lệ Xuân đã cẩn thận cho xây dựng căn hầm để đề phòng bất trắc. Bên trong hầm trú ẩn hiện còn một chiếc tủ sắt và một cánh cửa của két sắt có khóa mã cùng một đồng cửa sắt các loại vút ngồn ngang. Ngoài hầm trú ẩn, tại biệt thự này còn có hầm thoát hiểm. Theo nhiều người dân sống ở khu vực này cho biết, bà Nhu đã cho xây dựng căn hầm thoát hiểm thông ra tận sân bay quân sự Cam Ly, cách biệt thự này khoảng 2km. Bên cạnh đó nơi đây còn có hệ thống lò sưởi độc đáo. Có lẽ do tiết trời Đà Lạt lạnh lắm nên tại khu biệt thự này, bất cứ căn phòng nào Trần Lệ Xuân cũng cho xây dựng hệ thống lò sưởi hiện đại mang dáng dấp của kiến trúc Pháp. Với hơn 10 chiếc lò sưởi khác nhau không trùng lặp, lại được bố trí khéo léo từng phòng, thật sự đã tạo nên một vẻ đẹp hài hòa trong kiến trúc của ngôi biệt thự. Đặc biệt trong hệ thống lò sưởi này, có một chiếc rất độc đáo, được làm bằng đồng đỏ từ chân lò sưởi lên đến đỉnh lò sưởi, đặt tại phòng khiêu vũ của biệt thự. Cũng tại biệt thự này, còn lưu giữ được một số những hiện vật đất tiền như hệ thống labo, bồn tắm, tủ lạnh được nhập khẩu từ các nước Mỹ, Ý... Đặc biệt chiếc tủ lạnh hiện đang được trưng bày tại đây là một vật chứng đáng giá còn lại. Tủ lạnh cao khoảng 2m, rộng gần 1m, tình trạng vẫn nguyên vẹn, được đặt bên cạnh chiếc hầm trú ẩn. Trong khu biệt thự này, Trần Lệ Xuân đã sử dụng biệt thự Lam Ngọc làm biệt thự chính. Nơi đây có phòng khách, phòng ngủ, phòng đọc sách và phòng nhảy.

Báo Lâm Đồng / 2011

78. NGUYỄN HUY KHUYẾN. Giải mã bức bình phong cổ của kinh thành Huế tại Dinh II – Đà Lạt / Nguyễn Huy Khuyến / Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch.-2013.- Số 21.

Có nhiều du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng tại Dinh II (Dinh Toàn Quyền) ở Đà Lạt đều có thắc mắc về một hiện vật cổ quý giá được vua Bảo Đại mang từ Huế vào Đà Lạt làm quà tặng cho toàn quyền Đông Dương nhân dịp khánh thành Dinh II. Đó chính là bức hình hoa văn mang phong cách của chốn đế đô cung thất hoàng triều. Tại Lâm Đồng – Đà Lạt, còn bảo quản bức thư pháp xưa đặt tại Dinh Toàn Quyền trước đây. Đó là tám bình phong cổ, kê tại phòng khách Dinh II, tám bình phong cổ được chế tác từ nhiều loại danh mục quý hiếm, ghép lại với nhau. Bức bình phong này được ghép lại với nhau bởi 10 tấm ván, mỗi tấm rộng 45cm, chiều cao 3m, đây là loại bình phong theo dạng hình chữ nhật. Loại này thuộc loại bình phong nhiều tấm rời ghép thành, thường có hình chữ nhật ghép lại

với nhau bằng bản lề. Loại này có chân, khi di chuyển có thể di chuyển cục bộ từng phần hoặc có thể tháo rời ra để tiện vận chuyển. Kiểu bình phong này hiện còn khá phổ biến tại Nhật Bản, Hàn Quốc. Bức bình phong được trang trí hoa văn, hoạ tiết cầu kì và tinh xảo ẩn chứa diện mạo nghệ thuật cùng đỉnh Việt Nam. Đây là bức thư pháp quý hiếm chạm 22 bài thơ khắc bằng đủ thể loại chữ Hán. Bức bình phong này theo nhiều học giả cho rằng, nó được vua Bảo Đại mang từ Đại nội Huế về tặng cho toàn quyền Đông Dương nhân dịp khánh thành Dinh II. Theo nguồn tin khác, chính Ngô Đình Nhu lúc đương quyền và lưu trú ở Dinh II, đã cho lấy bức bình phong từ Huế vài để trang trí theo truyền thống văn hoá Đông phương. Nhưng dù là ai mang vào Đà Lạt đi nữa, thì với sự hiện diện của cổ vật này tại Dinh II cũng làm nên nhiều giá trị về mặt lịch sử cũng như ý nghĩa của nó trong hệ thống di vật của chốn cung đình tại Đà Lạt.

Bản tin Văn hóa Thể thao Du lịch / 2013

79. Núi Langbiang // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.432.

Núi Langbiang còn có tên gọi là núi Bà hay núi Lâm Viên, nằm án ngữ như một tấm bình phong phía bắc, cách Đà Lạt 16km, đi qua xã Lát. Đây là ngọn núi lớn của khu vực Nam Trường Sơn, thực ra đây là một quần thể năm ngọn núi nối tiếp nhau, núi cao nhất có độ cao 2167m, đứng trên đỉnh núi có thể nhìn bao quát toàn cảnh thành phố Đà Lạt, vào ngày đẹp trời có thể thấy biển Ninh Chữ (tỉnh Ninh Thuận). Có nhiều huyền thoại truyền thuyết và tín ngưỡng của đồng bào dân tộc gắn với núi Langbiang. Dưới chân núi có những buôn làng người Lạch sinh sống với những nét văn hóa đặc thù hấp dẫn. núi Langbiang có địa hình đặc trưng của miền núi cao, có nhiều động thực vật, trong đó có nhiều loài đặc hữu rất thích hợp để phát triển du lịch, du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu.

VV.006741

80. MINH NGỌC. Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt: Chứng tích về một thuở bị hùng / Minh Ngọc // Tạp chí Du lịch.-2010.-Số 10.-Tr.7.

Dưới thời Mỹ - Ngụy, trên dải đất miền Nam máu lửa, kẻ thù đã dựng lên không biết bao nhiêu nhà lao để giam giữ các chiến sĩ cách mạng. Bên cạnh những nhà lao “khét tiếng” như: Chí Hòa, Côn Đảo, Phú Quốc... còn có một nhà lao “kín tiếng” nhưng hết sức đặc biệt bởi nó gắn liền với những trang sử bi tráng được viết lên bởi những anh hùng nhỏ tuổi. Đó là Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt, nơi vừa được

vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND và được công nhận là Di tích Lịch sử cấp Quốc gia. Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt “đặc biệt” bởi nó giam giữ 600 tù nhân chính trị tuổi đời chỉ 12 đến 17. Và để lừa mị dư luận, nhà lao đã núp dưới một cái tên thật “tử tế”: Trung tâm Giáo huấn Thiếu nhi Đà Lạt. một khu biệt thự hình chữ A nằm trên đồi thông thơ mộng, những thiếu nhi mặc đồ kaki xanh, mang giày ba ta..., chủ nhật, lễ Noel có các cha đạo vào tặng quà, thậm chí có những buổi sinh hoạt văn nghệ, vui chơi hướng đạo... tất cả tạo nên cái vỏ bọc hoàn hảo đến mức ngay cả những người dân sống xung quanh cũng không biết đó cũng là một thứ nhà lao tàn bạo như bao nhà lao khác. Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt (thành lập đầu năm 1971) thực chất là nơi để địch giam giữ các tù nhân nhỏ tuổi được gom về từ các nhà tù miền Nam với âm mưu cách ly họ ra khỏi ảnh hưởng của các thế hệ tù nhân đàn anh, tiến tới dụ dỗ, mua chuộc, nhằm biến họ thành tay sai chống phá phong trào cách mạng. Tuy nhiên âm mưu thâm độc này đã bị chính các tù nhân nhí (đều là những thiếu nhi dũng cảm từng tham gia phong trào cách mạng tại các địa phương) sớm nắm rõ và mau chóng tập hợp lực lượng để đấu tranh chống lại. Một trong những mốc lịch sử không thể không nhắc đến ở Nhà lao Thiếu nhi Đà Lạt là cuộc quật khởi làm chủ nhà lao vào ngày 22/2/1973. Sau hàng loạt cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, trừ gian diệt ác, nổi dậy làm chủ nhà lao rồi tổ chức vượt ngục... Tháng 6/1973 cái gọi là Trung tâm Giáo huấn Thiếu nhi Đà Lạt hoàn toàn bị xóa sổ.

Tạp chí Du lịch / 2010

81. QUỲNH UYÊN. Căn cứ kháng chiến Núi Voi được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh / Quỳnh Uyên // Báo Lâm Đồng.-2013.- Ngày 27tháng 6.

Căn cứ kháng chiến Núi Voi trải dài hơn 10 km nằm ở 3 xã Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp, huyện Đức Trọng vừa được UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định xếp hạng là di tích lịch sử cấp tỉnh. Với địa hình phức tạp, hiểm trở, Núi Voi là căn cứ hoạt động bí mật của Thị ủy Đà Lạt trong kháng chiến chống Pháp và cũng là căn cứ tiền phương của Tỉnh ủy Lâm Đồng và của Khu VI trong kháng chiến chống Mỹ. Từ căn cứ địa này, ta đã xây dựng được hơn 2.000 cơ sở cách mạng và đưa hàng ngàn thanh niên thoát ly tham gia kháng chiến, lãnh đạo các phong trào nhân dân. Hiện nay, căn cứ kháng chiến Núi Voi vẫn còn lưu giữ được nhiều dấu tích quan trọng như các hầm hoạt động bí mật, nơi huấn luyện tân binh, hầm an ninh, quân sự, các đội công tác xã hội, tổ chức thanh niên, phụ nữ; những địa danh: đồi Sân bay, đồi Yên Ngựa, đồi Bà Cả, Ông Danh, Dốc Quế, Hồ Bèo, Suối Cát...

Báo Lâm Đồng / 2013

82. Thác Cam Ly // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.430.

Thác nằm trên dòng suối Cam Ly cách trung thành phố 2km về hướng nam. Thác Cam Ly có nhiều truyền thuyết gắn liền với đời sống và các cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc bản địa. Trong quá khứ, đây là một thắng cảnh tuyệt đẹp với nhiều rừng cây bao quanh thác nước, tạo nên một khung cảnh thơ mộng và là nơi dừng chân của nhiều du khách mỗi khi đến với Đà Lạt.

VV.006741

83. Thác Đatanla // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.431.

Thác nằm ở khu vực đèo Prenn, cách Đà Lạt 5km. Theo truyền thuyết, ngày xưa các tiên nữ thường xuống tắm và đến hong tóc trên những tảng đá quanh thác nên dòng suối gọi là suối tiên. Thác rất hùng vĩ, nước từ độ cao 32m tuôn xuống các ghềnh đá tung bọt trắng xóa, cảnh quan thiên nhiên quanh thác hoang dã, đầy bí ẩn, chân thác là vực tử thần sâu hun hút.

VV.006741

84. Thác Gougah // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.432.

Thác nằm cách quốc lộ 20 khoảng 200m và cách Đà Lạt 37km về phía nam, là một thác đẹp và nổi tiếng của Lâm Đồng. Thác Gougah đẹp hùng vĩ với khối lượng nước khổng lồ từ trên cao trút xuống trong nhiều màu sắc sỡ. Ở đây dòng nước phân làm đôi theo chiều dọc: phần nước bên phải âm thầm trong màu vàng đục, phần bên trái bắn tung tóe trong màu trắng như tuyết.

VV.006741

85. Thác Pongour // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.- Tr.430-431.

Cách Đà Lạt khoảng 50km về phía nam và cách quốc lộ 20 chừng 7km, thác Pongour huyền bí nằm giữa rừng sâu. Tiếng thác đổ như sấm động từ một vách đá tuyết mịn cao 30m. Thác Pongour là một kỳ quan của thiên nhiên, phong cảnh xung quanh rất hoang dã. Vào tháng 11, 12 trong năm, thác nước như bị ngập chìm

trong màu sắc rực rỡ của hoa cỏ núi rừng. Có nhiều huyền thoại gắn với thác nên hàng năm, vào rằm tháng giêng, rất đông du khách tới đây dự lễ hội đầu năm

VV.006741

86. Thác Prenn // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.431-432.

Nằm ở chân đèo Prenn cách Đà Lạt khoảng 10km, thác Prenn có độ cao khoảng 16m. Thành thác là những tảng đá lớn, vững chắc, ngay dưới vòm đá có chiếc cầu gỗ bắc ngang, du khách có thể qua cầu và ngắm nước từ trên cao đổ xuống như một bức màn kết bằng ngọc lỏng lánh. Với cảnh quan tự nhiên cùng với công viên hoa, cây cảnh được tạo ra ở đây, thác Prenn từ lâu đã trở thành điểm du lịch nổi tiếng của Đà Lạt.

VV.006741

87. Thác Liêng Khương // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.432.

Tên đúng của thác là Liêng Khàng, Khàng theo tiếng dân tộc có nghĩa kiến vàng. Theo truyền thuyết nơi đây xưa kia có rất nhiều kiến vàng, cư dân bản địa dùng lửa đốt không hết, phải nhờ sông Đa Nhim dâng nước tràn qua mới trừ nổi. Thác nằm cách Đà Lạt 30km về phía nam. Thác rộng khoảng 100m, cao trên 30m, nước chảy chậm trên nền đá nhám huyền vũ, lờm chờm. Mùa nắng thác ít nước, nhưng mùa mưa rất hùng vĩ.

VV.006741

88. Thác Voi // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.432.

Nằm ngay trung tâm thị trấn Nam Ban, cách Đà Lạt 40km, thác Voi là một thác lớn và đẹp. Thác cao hơn 35m, dưới chân thác là những tảng đá to như đàn voi dầm mình trong nước, có nhiều hang động và vách đá cheo leo quanh thác. Những năm gần đây dân địa phương đã đầu tư đáng kể nên thác này càng hấp dẫn du khách.

VV.006741

89. Thung Lũng Tình Yêu // Địa chí Lâm Đồng.- H: Văn hóa Dân tộc, 2001.-Tr.429.

Nằm về phía bắc cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 3km, Thung lũng Tình yêu là một khu vực rộng trên 200ha, có hồ Đa Thiện, nhiều đồi thông, bãi cỏ đẹp. Trước đây, phía hạ lưu của hồ Đa Thiện có một thung lũng với những bãi cỏ mượt mà, là nơi có nhiều huyền thoại về tình yêu lãng mạn. cảnh đẹp và nhiều huyền thoại làm cho du khách không thể không đến đây khi đến thăm Đà Lạt. năm 1999, Thung lũng Tình yêu được công nhận là một danh thắng quốc gia.

VV.006741

90. TUẤN HƯƠNG. Thác Bảo Đại - Vẻ đẹp hoang sơ của tự nhiên / Tuấn Hương, Xuân Trung // Báo Lâm Đồng.- 2012.- Ngày 19 tháng 6.- Tr.3.

Nằm giữa núi rừng Tà Hine thanh vắng, thác Bảo Đại cuộn cuộn tung bọt trắng xóa, tiếng ì ầm âm vang cả một khoảng trời, tạo nên vẻ đẹp vừa hùng vĩ, vừa hoang sơ, bởi chưa bị “nhào nặn” của bàn tay con người. Có lẽ thác Bảo Đại là một trong những ngọn thác hiếm hoi ở Lâm Đồng còn giữ được nét tự nhiên, khơi gợi sự khám phá của những ai đã từng một lần đặt chân đến. Con đường dẫn xuống thác Bảo Đại bắt đầu bằng một cây si già vươn mình như một cánh cổng chào đón du khách. Những bậc đá gồ ghề còn nguyên vẹn vẻ tự nhiên từ thời vua Bảo Đại vẫn thường chọn ngọn thác này làm nơi nghỉ ngơi sau những cuộc săn bắn. Tiếng thác nước như càng thôi thúc bước chân nhanh hơn dù đường xuống thác phải đi “rón rén” để khỏi ngã nhào xuống vực. Nhưng con đường độc đáo nhất để đứng trước ngọn thác lại là đường lượn qua những vách đá dựng đứng, vừa ẩm ướt vừa hoang dã khiến du khách càng muốn khám phá. Đây đó những chùm phong lan vắt trên vách đá, những ngọn dây leo chùng xuống tạo nên một vẻ đẹp nên thơ. Bước chân du khách dường như không biết mỏi, bỗng ngọn thác sừng sững hiện ra ngay trước mặt mới biết mình đã đi hết đường lượn. Một dòng thác tuôn trào chia làm ba nhánh tung bọt trắng xóa khuấy động mặt nước phía dưới. Từng tia nước đuổi nhau tạo thành cầu vồng dưới ánh nắng mặt trời khiến du khách mê mẩn không chớp mắt. Người dân bản địa gọi đây là thác đá cao, tương truyền về một câu chuyện tiếng nước chảy qua lờn của con cá sấu tạo thành tiếng đàn, khiến dân làng bỏ việc đến để nghe cho đến khi chết đói hóa thành những tảng đá to dưới chân thác.

Báo Lâm Đồng / 2012

90. TUẤN LINH. Đình Thái Phiên được công nhận Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh / Tuấn Linh // Báo Lâm Đồng.- 2011.- Ngày 21 tháng 3.- Tr.2.

Ngày 21/3, Đình Thái Phiên đã chính thức được UBND tỉnh ký quyết định công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Đình Thái Phiên được xây dựng từ tháng 2/1968 và hoàn thành sau đó một năm, Đình được cất từ chính sự đóng góp của người dân trong làng nhằm làm nơi thờ phụng, nơi sinh hoạt và trao đổi văn hóa cho cả ấp. Đình rộng 3 gian, có hình dáng chữ Nhất, quy mô vừa phải và mang dáng dấp đặc trưng của kiến trúc đình làng Việt, gồm: cổng, bình phong, lu phân hóa và sân, bàn thờ Hữu Lâm Huyền, Tả Lâm Huyền, mái hình vòm và nóc đình uốn cong ... Phía trong nội đình gồm, chánh điện, tả ban, hữu ban và nhà trù. Đây là nơi tổ chức nghi lễ thờ cúng tổ tiên, thần bảo hộ, các vị tiền hiền và hậu bối đã có công mở đất lập làng. Đây là nơi chứa đựng những nét văn hóa độc đáo cũng như mang trong mình đạo lý tốt đẹp từ ngày thành lập đến nay của cư dân Thái Phiên (nay là phường 12).

Báo Lâm Đồng / 2011

PHẦN IV: PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA DI SẢN TRONG DU LỊCH

91. Bảo tồn di sản gắn với phát triển du lịch bền vững ở Hội An // <http://www.disanthegioi.info/>- 2013.- Ngày 23 tháng 8

Trên thực tế, việc bảo tồn di sản gắn với phát triển du lịch bền vững là một định hướng mang tầm chiến lược không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia khác. Với tính chất riêng của ngành du lịch, công tác bảo tồn di sản lại trở nên quan trọng hơn bao giờ hết đặc biệt đối với Hội An Hội An, một di sản văn hóa được gìn giữ và bảo vệ gần như nguyên vẹn cho đến ngày hôm nay. Nơi đây đã từng nổi tiếng từ những thế kỷ 16,17 khi là trung tâm buôn bán thịnh vượng của Đông Nam Á với sự tham gia của những thương nhân đến từ Trung Quốc, Nhật Bản, Italia và một số nước Châu Âu... Cho đến sau này, cách đây hơn một thập kỷ đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới đồng thời là di sản duy nhất khu vực Châu Á vinh dự được trao Giải thưởng kiệt xuất về bảo tồn di sản.

Trải qua bao thăng trầm lịch sử, quần thể di tích với mật độ dày đặc vẫn giữ được những nét đặc trưng riêng biệt của phong cách kiến trúc xưa. Đáng chú ý là khu phố Hội An, mang đậm dáng vẻ một đô thị cổ đã tồn tại trước ba trăm vòng quay xuân, hạ, thu, đông. Chính sự đa dạng của di tích đòi hỏi công tác quản lý, bảo tồn, trùng tu và khai thác những giá trị của nó phải có những cách thức riêng biệt, có sự kết hợp chặt chẽ của chính quyền và cộng đồng dân cư đã dày công nâng niu, gìn giữ. Với hướng đi đúng đắn là phát huy được quyền làm chủ của người dân, giúp họ thấy được vai trò và những lợi ích của mình khi giữ gìn di sản, khai thác tiềm năng du lịch. Bên cạnh đó thường xuyên chủ động tìm kiếm và học hỏi kinh nghiệm từ những quốc gia hàng đầu thế giới trong bảo tồn và phát huy di sản. Với những tiềm năng không thể phủ nhận của một di sản văn hóa thế giới, hội tụ đầy đủ những thế mạnh về tự nhiên, con người, du lịch Hội An ngày càng được mở rộng với nhiều hình thức như du lịch làng nghề, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái...Du khách đến đây không chỉ lặng nhìn vẻ đẹp cổ kính rêu phong và khung cảnh thiên nhiên trong xanh, thơ mộng mà còn hấp dẫn bởi nét đẹp trong văn hóa ứng xử của người Hội An. Đây là một trong những thế mạnh mà các địa phương khác cần học hỏi và áp dụng.

[<http://www.disanthegioi.info/ArticleDetail.aspx?articleid=60916&sitepageid=277>]

92. CN. Phát huy giá trị di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận gắn với phát triển du lịch / CN // <http://www.cinet.gov.vn/>.- 2013.- Ngày 27 tháng 8.

Ngày 26/8, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1495/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận gắn với phát triển du lịch.

Mục tiêu Quy hoạch là bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Nhà Hồ nhằm bảo tồn vững chắc, tôn vinh giá trị nổi bật toàn cầu của khu di tích Thành Nhà Hồ là di sản văn hóa thế giới và xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử đặc biệt của khu vực Bắc Trung Bộ.

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch được xác định theo ranh giới được UNESCO công nhận, bao gồm khu vực di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận thuộc địa bàn các xã Vĩnh Long, Vĩnh Tiến, Vĩnh Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Thành, Vĩnh Phúc, Vĩnh Khang, Vĩnh Ninh và Thị trấn Vĩnh Lộc, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới nghiên cứu được xác định: phía Bắc giáp chân núi bên kia Thổ Tượng, phía Nam giáp bờ bên kia sông Mã và sông Bưởi, phía Đông giáp chân núi bên kia núi Hắc Khuyển và phía Tây giáp chân núi bên kia núi Ngưu Ngọa.

Quyết định cũng nêu rõ nội dung và yêu cầu nghiên cứu: cần khảo sát, đo vẽ và đánh giá hiện trạng di tích; nghiên cứu các tư liệu thư tịch và hồ sơ khảo cổ, hoàn thiện hồ sơ hệ thống di tích; hiện trạng quản lý di tích; tình hình kinh tế - xã hội và du lịch; xác định cấu trúc quy hoạch, kiến trúc cảnh quan khu vực Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận; nghiên cứu các tư liệu thư tịch và hồ sơ khảo cổ; dự báo phát triển và xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khu vực quy hoạch trong quá trình quản lý tài sản; định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, hạ tầng kỹ thuật bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch...

Quá trình thực hiện quy hoạch cần kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp các khu vực bảo vệ di tích. Xác định các vùng cảnh quan thiên nhiên cần phải bảo vệ để không ảnh hưởng đến di tích; các khu vực cho phép xây dựng mới; các khu vực hạn chế kiểm soát phát triển. Đồng thời đề xuất định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, trong đó đề xuất định hướng tổng thể bảo tồn, tu bổ, phục hồi đối với quần thể di tích Thành Nhà Hồ; xác định danh mục các đối tượng di tích bảo tồn, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo tồn đối với từng hạng mục di tích; xác định nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; đề

xuất danh mục các di tích dự kiến xếp hạng bổ sung; đề xuất cơ chế và giải pháp quản lý môi trường; đề xuất định hướng phát triển du lịch khu di tích Thành Nhà Hồ gắn với du lịch tỉnh Thanh Hóa và khu vực miền Trung, gắn với du lịch cả nước và tuyến tham quan di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận; giải pháp phục hồi, tôn tạo các di vật thể gắn với việc tôn vinh tổng thể khu di tích Thành Nhà Hồ; gắn với duy trì giá trị văn hóa phi vật thể và cảnh quan xung quanh di tích.

Về xây dựng phân khu chức năng, cần đề xuất cơ cấu phân khu chức năng xây dựng, gồm các khu vực bảo tồn di tích; khu dân cư đô thị - nông thôn; khu vực phát triển các chức năng công cộng, dịch vụ du lịch; vùng bảo vệ cảnh quan thiên nhiên... phù hợp với các định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích, phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Lộc nói riêng, tỉnh Thanh Hóa nói chung.

[\[http://www.cinet.gov.vn/ArticleDetail.aspx?articleid=73002&sitepageid=29\]](http://www.cinet.gov.vn/ArticleDetail.aspx?articleid=73002&sitepageid=29)

93. HOÀNG DÂN MẠC. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vùng đất Tổ, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội / Hoàng Dân Mạc // <http://hoidisan.vn/>.- 2012.- 27 tháng 12.

Phú Thọ - mảnh đất cội nguồn của dân tộc Việt Nam, nơi các Vua Hùng khởi nghiệp, dựng nên Nhà nước Văn Lang - nhà nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, Phú Thọ luôn là điểm đến, là nơi hội tụ tâm linh của đồng bào cả nước.

Nhìn lại suốt quá trình dựng nước và giữ nước, Phú Thọ là vùng đất thiêng, có ưu thế về địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hoá; là trung tâm của Nhà nước Văn Lang. Vì vậy, trên địa bàn Phú Thọ, mỗi tên đất, tên làng đều gắn với các sự tích lịch sử, văn hoá thấm đẫm các giá trị nhân văn; từ đô thị Việt Trì, qua vùng đồng bằng Lâm Thao, đất giữa Phù Ninh, Tam Nông Thanh Thủy, ngược lên vùng núi Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Hạ Hoà... đều có những di tích lịch sử, văn hoá liên quan đến thời đại Hùng Vương dựng nước. Những di tích và lễ hội này đã góp phần hình thành kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng trên quê hương đất Tổ. Là vùng đất phát tích của dân tộc Việt Nam, Phú Thọ chứa đựng trong mình nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể đặc sắc, tiêu biểu cho thời đại Hùng Vương có niên đại cách đây trên 4.000 năm; là nơi có 1372 di tích lịch sử văn hoá, trong đó có trên 160 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 66 di tích được xếp

hạng Quốc gia. Đặc biệt, Phú Thọ có đền Hùng là nơi thờ các Vua Hùng - Quốc Tổ đã có công xây dựng nên Nhà nước Văn Lang, nhà nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Đây là những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển du lịch văn hoá - lịch sử. Đặc biệt, cuối năm 2011, "Hát Xoan Phú Thọ" đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp của nhân loại và Hồ sơ "Di sản tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương" đang được tỉnh Phú Thọ tiếp tục hoàn thiện, đề nghị UNESCO công di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Để phát huy mạnh mẽ giá trị của các di sản văn hóa trên địa bàn, Phú Thọ xác định lợi thế về phát triển du lịch văn hoá, lịch sử là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng cần tập trung chỉ đạo có hiệu quả. Trong những năm qua, công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển văn hóa, du lịch của tỉnh đã được chú trọng và đạt được kết quả bước đầu. Các quy hoạch được duyệt như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội, văn hóa, du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2001-2010, định hướng đến năm 2020; quy hoạch chi tiết một số khu, điểm du lịch tập trung trên địa bàn tỉnh; quy hoạch phát triển Khu Di tích lịch sử Đền Hùng đến năm 2015; quy hoạch Khu Du lịch Bến Gót; quy hoạch Khu Du lịch Văn Lang, quy hoạch Khu Du lịch nước khoáng nóng Thanh Thủy v.v. đã tạo thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển du lịch. Tỉnh Phú Thọ ưu tiên phát triển các khu du lịch tập trung, trong đó đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng du lịch và các thiết chế văn hoá - du lịch thuộc các khu du lịch tập trung và vùng phụ cận đã được quy hoạch như Khu Du lịch quốc gia Đền Hùng, Khu Du lịch Văn Lang, Khu Du lịch nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Thanh Thủy, Khu vui chơi giải trí bãi nổi La Phù (Thanh Thủy), Khu Đô thị du lịch sinh thái nghỉ dưỡng thể thao Tam Nông; Khu Du lịch Bạch Hạc - Bến Gót, Khu Du lịch Đầm Ao Châu, Khu Du lịch Vườn Quốc gia Xuân Sơn v.v.

Để đạt được mục tiêu đề ra, phát triển du lịch phải gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, giữ vững và tạo điều kiện để văn hóa truyền thống có cơ hội tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong công đồng, tỉnh Phú Thọ xác định một số nhiệm vụ, giải pháp chính để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch là: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về phát triển du lịch; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch. Tăng cường mở rộng liên doanh, liên kết phát triển du lịch - dịch vụ, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng cao cấp phục vụ du lịch tại thành phố Việt Trì, đầu tư nâng cấp hệ thống các khách sạn nhà nghỉ hiện có, nhằm tăng cơ sở lưu trú đủ tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch. Tổ chức tuyên truyền quảng bá, thu hút đầu tư và thu hút khách du lịch. Xây dựng và

ban hành những chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển du lịch nhằm huy động các nguồn lực đầu tư có hiệu quả vào các khu du lịch đã được quy hoạch; ban hành chính sách ưu tiên, khuyến khích các hãng du lịch lữ hành tăng cường các tour, tuyến du lịch về tỉnh. Tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch trong nước và quốc tế, nhằm quảng bá các dự án và các chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh để thu hút các nhà đầu tư; tuyên truyền, quảng bá, kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư vào các khu du lịch. Tổ chức phục dựng và phát huy các lễ hội truyền thống tiêu biểu, đặc sắc vùng đất Tổ phục vụ du lịch. Tổ chức các làng nghề truyền thống, sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm mang đậm bản sắc quê hương đất Tổ để giới thiệu với du khách tại các điểm du lịch, cơ sở lưu trú. Tăng cường huy động vốn từ các nguồn: ngân sách tỉnh; hỗ trợ của trung ương, vốn vay ODA, vốn hỗ trợ của các tổ chức phi Chính phủ, tổ chức nước ngoài, vốn đầu tư của các doanh nghiệp bằng các hình thức để đầu tư phát triển du lịch. Hàng năm, ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho phát triển du lịch (tập trung vào đầu tư hạ tầng và các thiết chế du lịch); huy động các thành phần kinh tế đầu tư vào Tập trung hoàn thành Hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại đối với Tín ngưỡng thờ Vua Hùng. Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo tồn phát huy các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể làm nền tảng cho sự giao lưu và hội nhập văn hoá.

Với những tiềm năng và lợi thế sẵn có của một vùng đất đậm trong di sản và lễ hội truyền thống, mà tiêu biểu là Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng hàng năm, Phú Thọ đã và đang mở rộng cánh cửa chào đón bạn bè, du khách về thăm vùng đất Tổ cội nguồn. Đây cũng là cơ hội để tỉnh Phú Thọ tăng cường hợp tác đầu tư trên các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội, tạo tiền đề để Phú Thọ đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá, xây dựng Phú Thọ trở thành tỉnh giàu mạnh, văn minh, xứng đáng "Từ Đền Hùng nhìn ra cả nước, cả nước hướng về Đền Hùng".

<http://hoidisan.vn/di-san-van-hoa-viet-nam/di-san-phi-vat-the-viet-nam/391-phu-tho-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa-vung-dat-to-khai-thac-co-hieu-qua-cac-tiem-nang-loi-the-phat-trien-kinh-te-xa-hoi.html>

94. TD. Giá trị di sản: “ Át chủ bài” trong chiến lược phát triển du lịch / TD // <http://www.cinet.gov.vn/> .- 2012.- Ngày 17 tháng 10.

Với 16 di sản được UNESCO vinh danh ở tầm thế giới, hơn 4 vạn di tích và danh lam thắng cảnh phong phú, khai thác giá trị di sản trong hoạt động du lịch vẫn luôn được khẳng định là quân “ Át chủ bài” trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam. “Mỏ vàng” ngành công nghiệp không khói

Trong một cuộc khảo sát mới đây của TCDL, hơn 70% khách quốc tế đến Việt Nam với lý do để khám phá những nét độc đáo của bản sắc dân tộc Việt Nam thông qua những chuyến tham quan thực tế tại các di sản, đặc biệt là các di sản thế giới. Điều đó đã khẳng định vai trò của các di sản đối với sự phát triển của ngành du lịch. Như vậy có thể khẳng định, không có giá trị văn hóa thì ngành kinh doanh du lịch của quốc gia không thể có tiềm năng phát triển.

Bởi vậy, các di sản thế giới sau khi được công nhận của Việt Nam luôn được đánh giá cao và được định hướng khai thác để phát triển trở thành các khu, điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế, làm động lực cho sự phát triển du lịch của cả nước.

Diễn hình Di sản Vịnh Hạ Long được xác định là không gian du lịch chủ yếu của Trung tâm du lịch Hải Phòng- Quảng Ninh, hai di sản Thừa Thiên - Huế: phố cổ Hội An; Mỹ Sơn được xác định là không gian du lịch chính ở Trung tâm Huế - Đà Nẵng đồng thời của vùng du lịch Bắc Trung Bộ và đặc biệt còn gắn với phát triển du lịch hành lang Đông- Tây. Trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, toàn bộ các khu di sản đều nằm trong khu du lịch quốc gia. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của các di sản trong khai thác giá trị du lịch Việt Nam hiện nay.

Những con số thống kê sơ bộ thời gian qua tại các di sản thế giới đã phản ánh rõ ràng lượng khách du lịch tại các khu di sản tăng vọt ngay trong năm đầu tiên trở thành di sản thế giới, và hàng năm lượng khách du lịch đều tăng nhanh, năm sau nhiều hơn năm trước. Lượng khách tham quan di sản tăng nhanh kéo theo sự phát triển nhanh chóng trực tiếp của ngành du lịch tại địa phương có di sản thế giới và gián tiếp là ngành du lịch trong phạm vi cả nước.

Quảng bá bản sắc Việt

Sau sự kiện Mộc bản kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm được công nhận là Di sản Thế giới, mới đây Bộ VH-TT-DL vừa có văn bản Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể dự kiến lập hồ sơ trình UNESCO giai đoạn 2012-2016. Đây chính là chiếc “chìa khóa vàng” để mở cánh cửa giới thiệu các di sản của Việt Nam tới khách du lịch nước ngoài, góp phần thúc đẩy tăng nguồn khách du lịch đến với dải đất hình chữ S. Vì vậy, năm 2012 hứa hẹn sẽ là năm thăng hoa của du lịch di sản, với khoảng hơn 30 hoạt động văn hóa, nghệ thuật và lễ hội lớn mừng Năm Du lịch quốc gia được triển khai trên khắp cả nước. Đặc biệt nhiều sản phẩm du lịch có thương hiệu quốc gia và quốc tế cũng sẽ được tập trung xây dựng trong năm 2012. Trong đó, phải kể đến những tour du lịch nổi tuyến giữa các kinh đô cổ của Việt Nam, các di sản văn hóa khu vực Trung bộ với các điểm đến trong nước và khu vực. Bên cạnh những di sản văn hóa vật thể, các di sản văn hóa phi vật thể cũng là một phần không thể thiếu với du khách khi tìm hiểu, tham quan dải đất hình chữ S, trong đó phải kể đến Nhã nhạc - nhạc cung đình Việt Nam ở Huế đã được UNESCO đưa vào Tuyên bố Các kiệt tác về văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại năm 2003; Không gian văn hóa công chiêm Tây Nguyên được tuyên bố năm 2005. Bên cạnh đó, du lịch giúp mở rộng giá trị của sản phẩm văn hóa. Nếu không có du lịch, bạn bè thế giới không thể biết đến Hà Nội với một ngàn năm lịch sử, không thể biết Hà Nội có chùa Một Cột, có đền Ngọc Sơn, có chùa Khai Quốc, có Văn Miếu Quốc Tử Giám... Nếu không có du lịch, sản phẩm văn hóa chỉ đơn thuần có giá trị lịch sử, nghệ thuật hay khoa học không thể một năm đóng góp một giá trị kinh tế nhất định cho nền kinh tế quốc dân. Ngoài ra, chính hoạt động du lịch giúp bảo tồn, duy trì lâu bền những giá trị văn hóa đang dần mai một hoặc bị phá hủy bởi thời gian, bởi sự lãng quên của người dân bản địa. Minh chứng rõ ràng rằng hàng năm chính quyền các cấp luôn dành một khoản kinh phí lớn hay nhỏ cho việc trùng tu, tôn tạo chùa chiền, các công trình điêu khắc, mỹ thuật, ... tùy theo sức hấp dẫn du khách của điểm đến. Khi di sản văn hóa và thiên nhiên trở thành di sản thế giới, nói theo cách của ngành thương nghiệp, giống như di sản được gắn một “thương hiệu” đặc biệt, hấp dẫn, đánh tiếng ra toàn thế giới. Đồng thời, khi một di sản được ghi vào Danh mục di sản thế giới cũng là nguồn động lực thôi thúc, lôi cuốn người dân trong nước đến với các di sản này. Trong thuyết minh của không ít nhân viên hướng dẫn du lịch ta thấy xuất hiện những câu cửa miệng như: “Đến Việt Nam mà không đến thăm di sản này, thưởng thức di sản kia (di sản thế giới) thì chưa phải đã đến Việt Nam”.v.v. điều đó càng khẳng định sự tiêu biểu cho đất nước của các di sản thế giới.

[<http://www.cinet.gov.vn/ArticleDetail.aspx?articleid=68643&sitepageid=62>]

95. Văn hoá các dân tộc Xứ Lạng - Tiềm năng lớn để phát triển du lịch //

<http://www.dulichlangson.com.vn/>.-2013.- Ngày 6 tháng 9.

Nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, Lạng Sơn là một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc anh em đã lâu đời chung sống đoàn kết bên nhau như: Nùng, Tày, Kinh, Dao, Hoa, Sán Chay... Chính đặc điểm này đã góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú, giàu bản sắc của nền văn hoá các dân tộc Xứ Lạng.

Ngày nay, trong bối cảnh, điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, đặc biệt là kinh tế du lịch với loại hình du lịch văn hoá được chú ý hướng đến nhiều thì nền văn hoá các dân tộc Xứ Lạng đã thực sự trở thành một tài nguyên, tiềm năng lớn để Lạng Sơn phát triển du lịch một cách mạnh mẽ.

Thật vậy, văn hoá các dân tộc là một nội dung đặc sắc tạo nên sự thu hút, hấp dẫn và riêng có của nền văn hoá Xứ Lạng cũng như sự đa dạng của các loại hình du lịch văn hoá ở Lạng Sơn. Chúng ta dễ dàng nhận thấy, qua một loạt các hoạt động văn hoá, du lịch trong một năm ở Lạng Sơn thì dường như yếu tố bản sắc văn hoá dân tộc là đóng vai trò nòng cốt và xuyên suốt.

Tiêu biểu phải kể đến trước nhất là những lễ hội mùa xuân. Trên phong màu văn hoá dân tộc, các lễ hội nổi bật lên, tiêu biểu cho các lễ hội của cư dân vùng núi phía Bắc. Điều này được thể hiện rõ nét hơn qua những đặc điểm như, Lạng Sơn có đến 90% các lễ hội được tổ chức hàng năm mang tính chất là lễ hội Lồng Tồng - lễ hội cầu mùa, cầu mưa, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, “nhân khang, vật thịnh”,... Nhưng lễ hội ở mỗi địa phương khác nhau lại mang phong vị và sắc thái đặc trưng khác nhau không lẫn vào đâu được.

Trong các lễ hội này, bên cạnh phần nghi lễ truyền thống của đồng bào các dân tộc là hàng loạt các trò chơi, trò diễn mang đậm bản sắc văn hoá các dân tộc Xứ Lạng như: trò Sĩ - Nông - Công - Thương, đồng diễn múa Sư tử mè, biểu diễn võ dân tộc với những bài quyền khoẻ khoắn thể hiện sức mạnh, ý chí và tinh thần thượng võ, quạt cường của đồng bào các dân tộc trên mảnh đất biên cương Xứ Lạng; những trò chơi thể hiện tình đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tinh thần lạc quan trong cuộc sống như: Kéo co, đẩy gậy, đi cà kheo, ném còn... Rồi những làn điệu dân ca đằm thắm, mượt mà tình yêu quê hương xứ sở, tình yêu đôi lứa như hát sli - lượn, hát then đàn tính, hát Xống cọ... trong ngày vui, ngày tết và cả những dịp tụ họp sinh hoạt văn hoá tinh thần của bà con.

Song song với đó, còn phải kể đến sự góp mặt của các món ăn ẩm thực cũng góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc Xứ Lạng. Đặc biệt nhất là món thịt lợn quay lá mác mật. Khi ăn thịt lợn quay với các gia vị măng ớt - quả mác mật đặc trưng, kèm lá sau sau non và chiêu thêm một ngụm rượu ấm nóng do bà con dân tộc tự chưng cất và vẫn dân dã gọi là “rượu làng” thì càng hấp dẫn và ngon miệng, đậm đà khó quên. Ở Lạng Sơn mùa này đang là mùa măng mọc. Măng non xào với lá chanh hoặc lá mác mật non, với vị ngăng ngăng đắng sẽ làm cho món ăn thật lạ và ngon miệng với mỗi du khách miền xuôi có dịp thăm Xứ Lạng...

Không dừng lại ở đó, khi đến với mỗi làng quê của đồng bào các dân tộc Xứ Lạng, du khách dễ dàng cảm nhận được tấm chân tình, mến khách của những người dân nơi đây. Một bát nước chè, một chén rượu tự nấu, một lát bánh khảo, một bát cháo ngô... được chủ nhà đem ra mời khách tuy đơn sơ nhưng chứa đựng và thể hiện biết bao tình cảm chân thành và mộc mạc trong ứng xử, giao tiếp, trong đãi khách. Nếu muốn, khách có thể cùng tham gia vào sản xuất, lao động với người dân, cùng chế biến các món ăn dân dã và thưởng thức nó trong phong vị làng quê. Phải nói rằng, bình minh ở các làng quê Xứ Lạng thật yên ả. Ai có thói quen thức dậy sớm càng dễ cảm nhận được sự yên lành đó. Không khí trong lành, mát mẻ của buổi ban mai như xua đi tất cả mệt mỏi của hành trình, nhiều xúc cảm dâng trào, mời gọi, đưa dẫn du khách tiếp tục đến những khám phá mới...

Vẫn còn rất nhiều điều đặc sắc của văn hoá Xứ Lạng, cũng như nhiều món ăn đặc sản, sản vật tiêu biểu của đồng bào các dân tộc nơi đây không thể kể hết. Song, tin chắc rằng, với tất cả những nét văn hoá đặc sắc, mang phong cách, phong vị của mỗi làng quê Xứ Lạng sẽ đem đến cho du khách mỗi lần có dịp đến tham quan là một lần trải nghiệm mới. Nhận thức rõ những lợi ích, tiềm năng to lớn của nền văn hoá dân tộc Xứ Lạng trong phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch, thời gian qua, tỉnh Lạng Sơn cũng đã có nhiều động thái tích cực để khơi dậy và phát huy vốn văn hoá đặc sắc trên như tích cực triển khai nghiên cứu, bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Lạng Sơn.

Trong đó, tiêu biểu phải kể đến việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Xống cọ của dân tộc Sán Chỉ ở Nhượng Bản (Lộc Bình), khôi phục lễ hội Nà Cườm, xã Tân Lang (Văn Lãng); tìm giải pháp phát triển du lịch tại cộng đồng; định kỳ hai năm lại tổ chức Ngày hội Văn hoá, Thể thao và Du lịch các dân tộc tỉnh Lạng Sơn với sự luân chuyển tổ chức tại các huyện, thành phố để tạo điểm nhấn, rồi tổ chức kết hợp giữa lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa của các xã, thị trấn với Đại hội TDTT ở cơ sở... Qua đó, đã tiếp tục khơi dậy tinh thần bảo tồn, làm

giàu và phát huy các giá trị di sản văn hoá dân tộc trong đông đảo các tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển kinh tế du lịch, thu hút du khách đến với địa phương một cách mạnh mẽ.

<http://www.dulichlangson.com.vn/gioi-thieu/van-hoa-nghe-thuat.html>